

THƯỢNG HỒNG

**GIẢI THOẠI VỀ
CÁC TỈ PHÚ
SÀI GÒN XƯA**

THƯỢNG HỒNG

GIAI THOẠI VỀ
CÁC TỈ PHÚ
SÀI GÒN XƯA

VĂN HÓA

Lời giới thiệu

"Dân giàu, nước mạnh", đó là tổng kết ngắn gọn mà hàm súc của ông cha ta xưa.

Ngày nay, Nhà nước cũng khuyến khích nhân dân làm giàu—làm giàu một cách chính đáng, hợp pháp—làm giàu bằng chính sức lao động sáng tạo, nhay bén, thông minh của mình.

"Giai thoại về các ty phú Sài Gòn xưa" giúp ta rút ra được nhiều bài học quý giá về cách làm giàu cũng như cách tiêu tiền sao cho hợp lý, hữu ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

Đây cũng là dịp để ta tự nhìn lại mình, nhìn lại xã hội, trong dịp *Chào mừng kỷ niệm 300 năm xây dựng và phát triển Sài Gòn*

HUYỀN THOẠI CHÚ HỎA

Bất cứ người nào từng sống ở Sài Gòn đều ít nhiều nghe nói đến một người có cái tên ngắn gọn: chú Hỏa. Bởi chú Hỏa vừa là một cự phú, vừa là một con người mang lắm “huyền thoại” chung quanh cuộc đời ông. Tên đầy đủ của ông là Hui Bon Hoa, một người gốc Hoa.

Theo sự “xếp loại” của dân gian vào đầu thế kỷ 20, thì tại Sài Gòn có 4 người được coi như “đại phú”, đó là: nhất Sĩ, nhị Phương, tam Xường, tứ Hỏa. Chú Hỏa được xếp hàng thứ tư, nhưng theo người hiểu biết

ở Sài Gòn thì ngôi thứ đó phải ngược lại, có nghĩa là chú Hỏa phải đứng hàng thứ nhất. Chỉ vì những nhân vật kia là người Việt, lại có quyền thế hơn, nên danh của họ được nêu lên đầu. Sĩ là Huyện Sĩ, người bỏ tiền ra xây dựng ngôi nhà thờ ngày nay mang tên là “Nhà thờ Huyện Sĩ” ở đường Tôn Thất Tùng. Phương là Tổng đốc Đỗ Hữu Phương, lòng lấy với cái danh Việt gian. Còn Xường tức là Bá hộ Xường, ông trùm các dịch vụ về lúa gạo, công nghệ thời đó.

Chú Hỏa do đâu đã làm giàu được ở đất Sài Gòn, trong khi chỉ là một người Hoa di cư? Về điều này, cho tới nay, vẫn còn lại bao nhiêu là lời đồn đại, chưa biết đúng, sai ra sao. Chúng tôi chỉ ghi lại đây như một thông tin đa chiều, chớ không dám khẳng định. Có nhiều giai thoại về sự giàu to của chú Hỏa: do may mắn mua được một gánh đồng nát mà lẫn trong đó là một gói vàng lớn, do an táng mộ của người cha ngay chỗ “long mạch”, do bí mật mang được một số vàng và châu báu từ Trung Hoa sang.

Trong cả ba giả thuyết trên, xem ra chỉ có yếu tố thứ ba là có lý phần nào. Nhưng, có một yếu tố mà người ta đã vô tình bỏ quên, ít đề cập mỗi khi kể chuyện

về chú Hỏa, đó là sự cần mẫn để làm giàu.

Theo dân gian kể lại, thì chú Hỏa thuở ban đầu rất nghèo, lưu lạc đất Sài Gòn vào những năm hậu bán thế kỷ 19. Ông làm một nghề mà khá nhiều người Hoa thời đó thích làm, đó là nghề “mua ve chai” Với đôi gánh trên vai, ông đã đi bộ hầu như khắp Sài Gòn-Chợ Lớn, để thu mua từng thứ bỏ đi của thiên hạ. Qua một thời gian dài mấy chục năm, số vốn tích lũy dần dần lớn lên. Vào giai đoạn Sài Gòn đang chuyển mình từ một thành phố sơ khai lên đô thị, nhu cầu về nhà ở trở nên bức thiết, ông là một trong vài người đứng ra kinh doanh nhà, đất. Chỉ trong vòng 10 năm, sản nghiệp của Hui Bon Hoa đã rất lớn. Vào thời điểm trước thế chiến thứ nhất, gia sản của chú Hỏa đã ngót nghét 20.000 căn phố ở khắp Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định. Và ông đã thành lập Công ty “Hui Bon Hoa và các con”

Nhiều người gần gũi với ông đều ghi nhận điều này: dù là giàu tiền triệu thời đó, nhưng chú Hỏa có một cách giáo dục con cái, cũng như cách tổ chức quản lý tài sản có thể gọi là khoa học và tiến bộ. Ông có nhiều con, nghe nói lên đến trên 10 người. Ai nấy đều

được cho học hành đến nơi đến chốn. Cái đáng nói là trong số đông con cái của ông, chưa nghe nói có ai hư hỏng, bết bát về công danh. Một người từng làm việc trong gia đình chú Hỏa, sau này có kể lại rằng, ngay từ lúc chú Hỏa còn đương thời, ông đã cho lập sẵn di chúc, trong đó phân chia tài sản một cách công bằng và tiến bộ như sau: Tài sản chung dành cho mọi con, cháu thừa hưởng ngang nhau, tuy nhiên không một người nào được tự ý rút số được chia ra để tự tiêu pha, mà tất cả phải qua một hội đồng ủy thác, được chính chú Hỏa ủy nhiệm cho Notaire (chưởng khế) sở tại. Những con cái của chú hàng tháng được hưởng một số tiền nhất định, đủ cho ăn uống, tiêu pha vừa phải và học hành, cho đến khi thành nhân, có gia đình. Lúc đó nếu muốn kinh doanh gì, thì phải thông qua hội đồng ủy thác, họ sẽ cố vấn và theo dõi việc làm ăn. Tất cả những điều này nhằm không để cho người con nào ỷ lại vào tiền của mà tiêu xài hoang phí và cũng để bảo đảm công cuộc kinh doanh của dòng họ Hui Bon Hoa không thua sút ai.

Có lẽ nhờ vậy nên mãi về sau này, trong những năm Sài Gòn còn bị tạm chiếm, các con cháu của Hui

Bon Hoa vẫn còn quản lý một số tài sản khổng lồ. Ngày nay, các con cháu của ông hầu hết đã sống ở nước ngoài, tiếp tục con đường kinh doanh. Dấu tích còn lại dễ thấy nhất ở Sài Gòn bây giờ là tòa dinh thự đồ sộ của chú Hỏa nằm ở khu tứ giác Phó Đức Chính–Lê Thị Hồng Gấm–Calmette–Nguyễn Thái Bình. Và nếu ai còn nhớ, thì mỗi khi đi ngang qua Trung tâm cấp cứu thành phố Hồ Chí Minh ở đường Lê Lợi, chắc chắn sẽ nhận ra đó là một công trình do chính chú Hỏa dựng lên, để tặng cho thành phố Sài Gòn.

CHÚ HỖ-“ÔNG VUA” TÀU THỦY

Trong dân gian ở Sài Gòn đầu thế kỷ này có câu ví: “Ở nhà chú Hỏa, đi tàu chú Hỷ”, ý muốn nói rằng chú Hỏa (Hui Bon Hoa) là ông trùm về địa ốc của Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định, còn chú Hỷ là ông trùm ngành khai thác dịch vụ tàu thủy. Vậy chú Hỷ là ai?

Cho đến nay, cũng rất ít tài liệu về nhân vật có tên là “chú Hỷ” này. Chỉ biết rằng ông sống cùng thời với chú Hỏa, thuở thành phố Sài Gòn mới ở giai đoạn sơ khai. Chú Hỷ cũng là một người Trung Hoa như chú Hỏa, nên về phần lý lịch của họ hầu như ít người Việt

nào ghi nhận được.

Cuối thế kỷ trước, tại Việt Nam, ngành giao thông vận tải nói chung và ngành vận chuyển bằng tàu thủy nói riêng đang ở dạng phôi thai, ít người khai thác. Ở miền Bắc lúc ấy có một “ông trùm” của ngành tàu sông là Bạch Thái Bưởi, người sở hữu một công ty tàu thủy thuộc loại sừng sỏ, có nhiều tàu thuyền lưu thông khắp các vùng sông ngòi của miền Bắc, thì tại Nam Bộ cũng có một “Bạch Thái Bưởi” khác, đó là “chú Hỷ”. Mảnh đất Sài Gòn đầy tiềm năng lúc ấy mới chỉ bắt đầu phát triển, mọi thứ đều nằm trong tay người Pháp. Người Việt Nam không chen chân được vào các cuộc kinh doanh lớn.

Giao thông đường bộ thời ấy cũng chưa phát triển ở miền Nam, chỉ có những chiếc xe nhà (loại ô-tô cá nhân), còn xe đò (vận tải hành khách) thì do đường còn ít và xấu, nên chưa ai nghĩ đến việc mở những hãng xe đò như về sau. Đi lại giữa vùng này sang vùng khác, chủ yếu là dùng phương tiện thủy. Những thương nhân người Pháp nhờ có vốn, có thế lực, nên họ đứng ra thành lập các công ty vận tải thủy, với đội tàu thủy chạy khắp các tuyến sông Nam Kỳ lục tỉnh, coi như sự

GIAI THOẠI VỀ CÁC TỶ PHÚ SÀI GÒN XƯA

độc quyền khó có ai dám cạnh tranh. Vậy mà có một người dám đương đầu với Tây, đó là chú Hỷ.

Khi hay tin một người “vô danh tiểu tốt” mua lại một chiếc tàu cũ của người Pháp, thì nhiều người đã ngạc nhiên lẫn hoài nghi. Vậy mà, chỉ 4 tháng sau ngày mua được chiếc tàu cũ, chú Hỷ đã sửa chữa xong và xin được phép... chở khách! Chuyến xuất bến đầu tiên, tàu của chú Hỷ chở đúng 14 người khách, từ Sài Gòn về Mỹ Tho. Người ta đi ít, có lẽ vì chưa tin tàu nội địa, hoặc có thể họ sợ chiếc tàu cũ khó lòng bảo đảm an toàn. Vậy mà ở chuyến thứ hai, số hành khách đã tăng lên gấp ba lần. Chủ tàu không phải người Pháp, tài công người Việt, tên tàu cũng là tên Việt (tàu Nam Hung—Việt Nam hưng thịnh), đã là một yếu tố thu hút khách.

Một năm sau, đội tàu thủy của chú Hỷ đã lên tới 20 chiếc. Địa bàn hoạt động đã vươn ra xa, chạy từ Sài Gòn đi Mỹ Tho, Cần Thơ, Châu Đốc, Long Xuyên, Cà Mau, Rạch Giá, rồi đi tới tận Nam Vang (Cambodge thời đó). Lúc đầu các chủ tàu người Pháp xem thường tên “khách trú” (chỉ người Hoa sinh sống ở Việt Nam), nhưng chỉ sau một năm, họ đã phải giật mình, e sợ. Mà

e sợ cũng phải. Bởi chú Hỷ có cung cách kinh doanh của một người Á Đông, làm ăn từ nhỏ vươn dần đến lớn theo kiểu ăn chắc mặc bền. Giá cước lấy rẻ hơn mà cách phục vụ lại “tình nghĩa” hơn, trong khi đó các tàu của người Pháp lại chỉ chở người, hạn chế chuyên chở hàng hóa. Tàu của chú Hỷ đã thành công nhờ vậy.

Trong vòng 5 năm đầu ra kinh doanh, chú Hỷ đã cạnh tranh ngang ngửa với người Pháp. Từ đó, hễ có việc đi đâu bằng tàu thủy, người dân Nam Bộ đều chỉ thích đi tàu của chú Hỷ! Thậm chí, đến một lúc, ở một vài tuyến đường, các tàu khách của người Pháp đã phải “chào thua” đội tàu của chú Hỷ, họ nhường hẳn đường cho ông. Nhưng chú Hỷ rất khôn khéo, ông tự biết mình phải làm gì để không đụng chạm đến quyền lợi của Pháp kiều. Ông đã tự động rút bớt tàu ở nơi nào có sự đối đầu căng thẳng. Ngoài ra, ông còn sẵn sàng hỗ trợ mỗi khi công ty tàu của đối thủ gặp sự cố. Vậy mà, chỉ 5 năm sau nữa, một số tàu của người Pháp đã chấp nhận sang tay qua ông. Chú Hỷ có lúc hầu như làm trùm ngành vận chuyển hành khách bằng đường thủy ở vùng sông nước Nam Bộ.

Cho tới trước cuộc thế chiến lần thứ nhất, đội tàu

GIAI THOẠI VỀ CÁC TỶ PHỤ SÀI GÒN XƯA

thủy của chú Hỷ vẫn còn chiếm lĩnh hầu như độc quyền lĩnh vực giao thông thủy, dù lúc đó ông đã qua đời. Về sau, các phương tiện giao thông đường bộ đã dần dần thay thế cho tàu thủy, nhưng người dân Nam Bộ vẫn không quên nhắc đến câu “Ở nhà chú Hỏa, đi tàu chú Hỷ...”.

THÔNG HIỆP QUÁCH ĐÀM- ÔNG CHỦ CHỢ BÌNH TÂY

Người già Sài Gòn có thể nghe và biết về Quách Đàm, còn lớp trẻ ngày nay chắc hẳn sẽ hỏi: “Quách Đàm là ai?”. Để trả lời, xin nhắc tới một nơi chốn khá dễ thấy: ngôi chợ Bình Tây (Quận 6, TP. Hồ Chí Minh ngày nay).

Quách Đàm là người Hoa, di dân qua Việt Nam kể từ khi phong trào phản Thanh phục Minh nổi lên mạnh mẽ tại Trung Quốc. Tuy vẫn khoác bên ngoài bộ cánh của một người Hán theo nhà Thanh, nhưng thực

GIAI THOẠI VỀ CÁC TỶ PHÚ SÀI GÒN XƯA

ra, theo nhiều người biết chuyện, Quách Đàm ngầm ủng hộ cho nhóm phản Thanh phục Minh.

Trở lại xuất thân của con người được liệt vào danh sách nhà hào phú bậc nhất ở Sài Gòn–Chợ Lớn thời ấy, chúng ta được biết, thuở nhỏ Quách Đàm có cuộc sống cơ cực, nghèo khó. Cũng giống như chú Hỏa, khởi thủy Quách Đàm lập nghiệp bằng đôi quang gánh (mua ve chai). Quách Đàm vốn mồ côi, không nhà không cửa, nên phải sống lang lang đầu đường xó chợ. Ngày đi mua ve chai, tối về ngủ ở mái hiên các ngôi phố ở Chợ Lớn cũ, nằm ở khu vực Bưu điện Chợ Lớn, đầu đường Châu Văn Liêm ngày nay. Tuy sống cảnh đời bấp bênh như vậy, nhưng chú Ba Đàm (người ta thường gọi ông như thế) vẫn nuôi chí làm giàu. Vài năm sau, người ta đã thấy Quách Đàm có được một ít vốn. Vẫn chưa có nhà cửa, nhưng chú Đàm không vì vậy mà không bắt đầu con đường “doanh nghiệp” của mình, bằng cách dùng số vốn ít ỏi, mua đi bán lại các mặt hàng hiếm lạ, như da trâu, vi cá. Thời đó, những mặt hàng này chủ yếu là đem bán ở nước ngoài.

Công cuộc kinh doanh của Quách Đàm không phải là suôn sẻ ở buổi đầu, bởi ông còn phải ngủ đường

ngủ chợ, cho nên thường bị bọn xấu rình đánh cướp vốn liếng giấu trong hầu bao. Mất tiền nhiều lượt, nhưng chú Đàm vẫn không nản, kiên trì làm lại từ đầu, chỉ vài năm sau nữa, Quách Đàm đã có được một số vốn kha khá. Chú muốn được một căn phố ở khu vực chợ Kim Biên ngày nay (thời đó toàn bộ khu vực này còn là một con rạch chảy ra kênh Tàu Hũ). Lợi dụng địa thế ngôi nhà ở ngay bờ kênh, Quách Đàm đã chuyển sang kinh doanh nông sản, thực phẩm, chủ yếu là thu mua lúa gạo ở các tỉnh miền Tây. Ban đầu buôn nhỏ, sau phát triển to dần, trở thành nhà thầu cung cấp gạo lớn nhất nhì Sài Gòn–Chợ Lớn. Hầu hết những “chành” gạo ở dọc theo vùng Bình Đông, bến Lê Quang Liêm ngày nay, có thời là của chú Đàm.

Trong kinh doanh, Quách Đàm rất khôn khéo. Ông vừa tránh đối đầu với thế lực người Pháp, nhưng lại không hề thua kém họ trong thương trường. Họ Quách lại nhanh nhạy, thông minh, nên chẳng mấy lúc, nhờ tài ngoại giao, ông đã được “nhà nước bảo hộ” dành cho đặc quyền mua và xuất khẩu gạo. Khi đã có đặc quyền rồi, thì phải đền đáp lại, chừng như đó là cách của người Hoa trên thương trường: đã không làm

nghĩa cử đẹp thì thôi, còn đã làm thì làm cho xôm trò! Sự xôm trò đó là ngôi chợ Bình Tây. Nguyên vào thời đó (khoảng năm 1920), chính quyền TP. Sài Gòn nhận thấy ngôi Chợ Lớn cũ nằm ở gần chân cầu Chà Và đã quá cũ và chật chội, nên có ý định tìm địa điểm để dời đi, mà tìm mãi vẫn chưa có nơi nào thích hợp. Biết được tin đó, Quách Đàm hứa tặng không một khu đất khá rộng nằm ở khu vực Bình Tây, lúc đó đang là đất trống, vốn là sở hữu của ông. Chẳng những tặng đất, Quách Đàm còn cam đoan sẽ xây tặng cho một ngôi chợ mới, bề thế với một “số ít” điều kiện kèm theo: cho ông được cất hai dãy phố cặp theo hai hông chợ và phải đặt ngay trước cửa chợ một bức tượng đồng đúc hình... Quách Đàm!

Điều kiện dễ dàng đó đã nhanh chóng được chính quyền chấp nhận. Chợ xây hơn hai năm thì xong. Khi khánh thành, chợ được đặt tên là chợ Bình Tây, nhưng người dân vẫn quen gọi là Chợ Lớn Mới.

Kể từ khi tặng ngôi chợ, công việc làm ăn của Quách Đàm càng thêm khấm khá. Tuy nhiên, trong kinh doanh, ông cũng dùng những mưu mô thường thấy ở những tay phú thương cỡ bự. Có chuyện kể rằng, khi

thấy giá lúa gạo đang bị sụt và ứ đọng, họ Quách đã tung tiền thu mua hết số lúa gạo ứ đọng, đem về chứa trong kho, rồi nhờ một người quen ở Singapore đánh liên tiếp nhiều bức điện tín về Sài Gòn đặt hàng lúa gạo với giá cao không thể ngờ. Tin đó được truyền rao ra ngoài, lập tức nhiều người cùng đổ xô đi thu mua lúa gạo, dĩ nhiên là với giá cao chưa từng thấy! Cho đến khi họ vỡ lẽ ra, thì chỉ có nước ngậm đắng nuốt cay và chịu trận! Quách Đàm vớ bở cú đó. Ông ta mãn nguyện tâm sự với bạn bè: “Khi ra làm ăn, tôi đã nhờ thầy địa lý coi hướng xây nhà trên một long mạch, đồng thời tôi đã đặt tên cho công ty của mình là THÔNG HIỆP, điều đó cho thấy là tôi sẽ phát lên. Giải nghĩa chữ THÔNG HIỆP như thế này: Thông thương sơn hải (bán buôn khắp chốn), Hiệp quán càn khôn (thu tóm cả đất trời).

Dù lời nói của Quách Đàm có tính khoa trương, nhưng thực tế phải nhìn nhận là ông đã làm được việc mà nhiều người không làm nổi: từ bạch đình trở thành đại phú chỉ với sức lực, tài năng và ý chí của mình.

NHÀ TỶ PHÚ “LUÔNG SƠN BẠC”

Bố Hai Miêng chính là lãnh binh Huỳnh Công Tấn, người cho đến ngày nay vẫn không làm sao gột rửa được vết nhơ trong đời, bởi hành vi phản phúc, bán đứng nhà yêu nước Trương Định cho thực dân Pháp. Sở dĩ không thể bỏ sót Hai Miêng trong loạt bài này, chỉ vì ông ta tiêu biểu cho một kiểu “làm giàu” ở đất phương Nam vào thời ấy.

Là con trai trưởng của Huỳnh Công Tấn, nên ngay từ tuổi thiếu niên, Hai Miêng đã được nhà nước Pháp ưu đãi, cho đi Pháp du học, mãi cho đến tuổi trưởng

thành mới quay về quê hương. Đầu tiên, cũng như một số đông người được đào tạo ở Pháp về, Hai Miêng cũng cùc cung phục vụ chính quyền bảo hộ, dưới tay của tên đại gian Trần Bá Lộc trong những cuộc “bình định” Văn Thân ở Bình Định, Khánh Hòa. Có lẽ trong thời kỳ này, khi chính mắt nhìn thấy được những thủ đoạn vô cùng độc ác của những tên tay sai bán nước như Đốc phủ Lộc, nên Huỳnh Công Miêng đã “sáng mắt” hoặc biết sợ hãi cho một tương lai u ám, nên đã bất ngờ bỏ ngang “sự nghiệp” quan trường, về Sài Gòn lo làm giàu.

Nhờ cái thế quá lớn của cha, Hai Miêng hầu như muốn làm gì cũng được. Sài Gòn vào thời ấy có một dịch vụ rất khó kinh doanh nhưng hễ ai dám bước vào thì lại dễ làm giàu, đó là nghề thế chấp, cầm đồ. Nghề này buộc phải có vốn lớn, vì dân Sài Gòn ăn tiêu nhiều, số người cầm cố, thế chấp đông. Mặt khác, người Sài Gòn thích ăn gạo đong hơn là trữ nhiều gạo, do đó gạo buôn lẻ ở các chợ vẫn được nhiều khách hơn là cung cấp qua các cửa hiệu lớn. Hai Miêng đầu tư cho đàn em các tỉnh miền Tây thu mua lúa gạo, đem về chứa trong các kho lớn, rồi rải ra khắp các chợ qua các mạng

lưới riềng, lãi rất lớn, dù phải chịu cực trong khâu gom tiền về so với buôn sỉ.

Đội Tấn đã nhiều lần phản đối chuyện ấy, nhưng Hai Miêng đang nhắm vào mục tiêu độc chiếm thị trường lúa gạo ở Nam Bộ, kể cả xuất khẩu, tiêu dùng nội địa, nên cậu ta bỏ ngoài tai những lời la rầy của thân phụ. Việc làm này đã vô tình đụng phải những thế lực cực mạnh của người Pháp và giới Hoa kiều. Trong lúc thế lực của Hai Miêng trong làng kinh doanh lương thực đang hồi phát lên mạnh mẽ, bỗng chỉ một thời gian ngắn, hầu như mọi mối lái của Hai Miêng đều hướng sang cung cấp cho người khác. Hối ra mới biết, có lệnh ngầm từ Phủ Toàn quyền Nam Kỳ và của chính Huỳnh Công Tấn, nên những ai ủng hộ Hai Miêng buộc phải quay lưng. Hai Miêng gần như bị phá sản, đâm ra hận đời, sinh quậy phá tung bùng, quậy có bài bản, có “trình độ” hấn hoi. Anh ta tuyên bố: “Tao muốn làm giàu bình thường không được, vậy thì tao sẽ làm giàu mà không cần làm ăn, làm giàu bằng tiền của nhà nước!”.

Từ Sài Gòn cho đến các tỉnh Nam Bộ, bắt đầu từ đó nổi lên những lời đồn đại về hành vi “coi trời bằng

vung” của Hai Miêng. Cái tên gọi “Cậu Hai Miêng” hầu như nằm trên đầu môi của mọi người. Thiên hạ không còn coi Hai Miêng như một tên Việt gian như cha cậu ta, bởi Hai Miêng luôn đem tiền của giúp cho người nghèo, bênh vực kẻ cô thế. Tại sao cậu ta làm một điều trái ngược với tính chất gia đình như vậy, chẳng ai giải thích được, chỉ biết rằng Hai Miêng hành động chẳng khác nào những nhân vật anh hùng Lương Sơn Bạc trong truyện Thủy Hử của Trung Quốc.

Chuyện được lưu truyền đời sau chẳng khác nào một huyền thoại: Hai Miêng đi khắp Nam Kỳ lục tỉnh, chỉ để ăn chơi, giúp đỡ thiên hạ. Hết tiền cứ việc vô kho bạc nhà nước ở từng địa phương, xung quanh Huỳnh Công Miêng, tức thời kho bạc sẽ xuất ra theo ý cậu Hai muốn. Hình như đây là một mật lệnh từ chính quyền bảo hộ Pháp, họ muốn dành đặc ân hoặc một ý đồ gì đó cho Hai Miêng, để cậu ta không còn hận việc bị hất chân ra khỏi thương trường. Nhưng cũng có người đồn rằng, dành đặc quyền quá lớn cho Hai Miêng như vậy, phải chăng chính quyền bảo hộ nhắm làm giảm bớt sự căm thù của nhân dân đối với cha của hắn?

Trước hành động mang tính “Lương Sơn Bạc” đó,

Hai Miêng càng ngày càng được dân nghèo ngợi khen, được các băng giang hồ nể phục, theo phò dưới trướng. Mỗi lần cậu Hai Miêng đi tới đâu, lính chạy mặt, quan chức nhà nước né tránh. Thậm chí, có lần Hai Miêng xông đại vào một ngân hàng, bảo đưa cả một bao tải tiền giấy, rồi đem ra ngay trước cửa, phân phát cho phu xe kéo, dân cu-li.

Hai Miêng là một tay cự phú, gốc bán nước, duy nhất không bị lưu tiếng xấu.

VỤ “ĐỐT TIỀN” CỦA CÔNG TỬ BẠC LIÊU

Lâu nay, nhiều người vẫn nghĩ những mẩu chuyện về hai anh chàng công tử khét tiếng đất phương Nam ngày xưa—Hắc công tử và Bạch công tử, chỉ là sự tô vẽ hai con người ăn chơi phóng mạng. Thực ra, Hắc, Bạch công tử ngoài “tài” ăn chơi, còn là những “nhà doanh nghiệp” cỡ bự ở Sài Gòn một thuở.

Hắc công tử còn được gọi là công tử Bạc Liêu, bởi gốc gác của ông ta là xứ Bạc Liêu bạt ngàn ruộng lúa, tên thường gọi là Ba Qui, hay còn có biệt danh là Tám Bò, tên đầy đủ là Trần Trinh Qui. Bố là viên hội

đồng (hàm) Trần Trinh Trạch, giàu “nứt đổ đổ vách”
Giàu từ đời ông đời cha, nhờ điền sản và các cuộc kinh doanh muối, lúa gạo thuộc loại bậc nhất đất Nam Kỳ thời ấy, cho nên khi công tử Trần Trinh Qui mở mắt chào đời đã nhảy ngay lên hàng quý tộc, được giới bình dân tô vẽ huyền thoại, lại vừa được giới nhà giàu nể nang.

Thời đó, đất Nam Kỳ tuy rộng, nhưng mọi đầu mối đều đổ về Sài Gòn, nơi quy tụ mọi cuộc kinh doanh, mọi hình thức ăn chơi. Ba Qui ngay lúc 16 tuổi đã được cha mẹ gởi lên Sài Gòn ăn học và sau đó không lâu đã được sang Pháp “du học”, theo cái mode con nhà giàu thời ấy, “phải đi Tây mới làm nên đại nghiệp”.

Tuy nhiên, sau 5 năm học ở Pháp, Ba Qui về nước chẳng hề mang theo bằng cấp nào, ngoài cái bằng nhảy đầm (khiêu vũ) thuộc loại cừ khôi! Cũng từ đó, đất Sài Gòn đã nổi lên “đại danh” công tử Bạc Liêu. Đó là vào những năm của thập niên 30...

Khắp Sài Gòn–Chợ Lớn, thiên hạ đều biết đến Ba Qui dưới hõn danh công tử Bạc Liêu, bởi muốn phân biệt ông với một công tử khác đồng thời, cũng

nổi danh như ông, đó là Bạch công tử Phước George, tức công tử Mỹ Tho. (Chuyện về Bạch công tử, sẽ nói ở bài kế tiếp). Trở lại chuyện của Hắc công tử, xin kể một chuyện về “làm ăn” của anh ta, khá nông cuồng, nhưng cũng không kém phần “lý thú” cho những doanh nghiệp ngày nay. Tất nhiên, chàng công tử này kinh doanh lúa gạo và muối, nguồn sở hữu gần như vô tận của gia đình anh ta. Thời đó, việc kinh doanh lúa gạo hầu hết nằm trong tay những đại phú thương người gốc Hoa, thuộc dây mơ rễ má của chú Hỷ, của bá hộ Xường, nhưng khi Hắc công tử đứng ra kinh doanh mặt hàng này, thì những đại phú kia đều phải né mặt, âm thầm nhường bước. Bởi một lẽ dễ hiểu, cạnh tranh với một “núi lửa” như gia đình hội đồng Trạch thì không chột cũng què.

Hắc công tử hầu như đóng đô thường xuyên ở Sài Gòn, chỉ về Bạc Liêu mỗi khi cần tiền. Những lần trước, mỗi khi công tử hồi hương thì y như rằng, hội đồng Trạch phải mất đi vài chục ngàn gia lúa, để cho cậu con trai có tiền xài phá ở Sài Gòn. Nhưng lần đó thì khác, Ba Qui đã bảo thẳng ông bố: “Ba già rồi, nên nghỉ, con sẽ thay ba lo mọi thứ”. Hội đồng Trạch đã

trộn tròn mắt ngạc nhiên, nhưng sau đó cũng thử đề cho cậu ấm Qui “kinh doanh” Cậu Ba tổ chức thu gom lúa gạo với mục đích tích trữ, nhằm độc quyền làm giá, dự kiến sẽ hốt to. Theo tính toán thì lãi chắc, bởi lúc đó chỉ có vài tay có máu mặt đủ sức cạnh tranh với gia đình Hắc công tử, nhưng họ đều tỏ ý nhường bước, mặc sức cho Ba Qui tung hoành...Như điều gặp gió...chương, Ba Qui tung đến vài triệu bạc (vài triệu lúc đó bằng trăm tỷ bây giờ) để thu gom gạo, lúa. Các ghe chài vận chuyển gạo của Ba Qui nườm nượp về Sài Gòn, chứa đầy ở các kho thóc thuê của người Hoa. Chỉ cần vài tàu buôn ăn hàng, lập tức Ba Qui sẽ hốt bạc. Nào ngờ... vâng, trong thương trường vẫn có những bất trắc chết người, điều không may đã đến với một tay đầu cơ: lúa gạo đột ngột hạ giá đến mức không ai có thể ngờ tới.

Thì ra, tuy ngoài mặt, các ông chủ người Hoa tỏ ra nể nang Ba Qui, nhưng trong bóng tối, họ đã ngầm phá binh, bằng cách tuôn gạo trong các kho ra bán hạ giá, đồng thời báo động cho các mối lái nước ngoài (chủ yếu là ở Singapore, Hong Kong) biết, để họ liên tục phá giá. Ba Qui lãnh một cú quá mạng, lỗ

đến trên bạc triệu.

Nhưng, đó chỉ là... chuyện nhỏ. Thua keo này
chàng công tử lại bày keo khác. Mà lần sau thì chàng
ta không dại gì dẫn thân vào thương trường chi cho
mệt, phải tính toán lời lỗ thôi, cứ sẵn tiền kho của
ông bố đó, cứ tha hồ xài, đến già cũng không hết. Nghĩ
vậy, nên chàng Hắc quên ngay cú thua vừa rồi, lại tiếp
tục lao vào các cuộc đỏ đen, các cuộc chơi ngông, đốt
tiền ở các sòng bạc Đại thế giới, Kim Chung. Cuộc đối
đấu giữa hai công tử, một trắng một đen lại tiếp diễn...

BẠCH CÔNG TỬ-TỶ PHÚ ĐỐT TIỀN

Ở bài trước, các bạn đã nghe kể chuyện công tử Bạc Liêu, hay còn gọi là Hắc công tử. Bài này mời các bạn nghe chuyện về nhân vật thứ hai trong bộ đôi mà người đời thường gọi chung là Hắc-Bạch công tử. Tên cúng cơm đầy đủ của Bạch công tử là Lê Công Phước, còn gọi là Phước George. Cha của Phước là Đốc sứ Lê Công Xuân, người gốc ở Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (Tiền Giang ngày nay), vốn làm giàu nhờ nhiều ruộng, nhiều của chím của nổi trong các dịch vụ làm ăn mờ ám. Dòng dõi họ Lê vốn có nhiều công lao với người Pháp thời ấy, cho nên ngoài những ưu đãi trong công cuộc làm

ăn, họ còn được chính quyền bảo hộ cho nhập Pháp tịch, bởi thế Lê Công Phước mới có tên là Phước George.

Ngay từ thuở thiếu thời, Phước George đã được gia đình gửi sang Pháp du học. Và cũng giống như Hắc công tử Bạc Liêu, anh chàng Phước sau một thời học ở Pháp, khi về nước chỉ vồn vện có một cái bằng cấp... nhảm! Thất thu về học vấn, nhưng lại bội thu về vốn liếng ăn chơi trác táng, thành tích “lấy lòng” nhất của Phước George là mối tình giữa anh ta với cô công chúa của Sa hoàng Nicolas đệ nhị, lúc đó đang lưu vong ở Paris. Chàng Phước bằng tiền từ quê nhà gửi sang, qua trương mục ở ngân hàng, đã rút ra tiêu xài xả láng, quuyến rũ được cô gái Nga vương giả thất sủng đang cần tiền.

Qua cuộc phiêu lưu tình ái đó, Phước George đã tiêu xài khá nhiều tiền của ông bố, đến nỗi Đốc phủ Xuân phải triệu hồi cậu ấm Phước về nước. Vốn trắng trẻo đẹp trai, và cũng để phân biệt với một công tử đương thời, người ta đặt cho Phước biệt danh là Bạch công tử. Nếu so về tiền của thì có thể Bạch công tử có phần kém hơn Hắc công tử Bạc Liêu, song kể về ăn

chơi thì chàng Bạch lại có phần trội hơn, có lẽ do bản tính hào hoa, do đã từng mê hoặc được cả công chúa Nga. Có nhiều giai thoại về những cuộc ăn chơi trác táng, đốt tiền như đốt rác của hai anh chàng này, mà tiêu biểu nhất là chuyện chàng này đốt giấy bạc cho chàng kia tìm của rơi. Chuyện như thế này: Một ngày kia, hai chàng Hắc–Bạch tham gia một bữa tiệc lớn, tại nhà riêng một người bạn chung. Trong buổi đó, lúc gầy sòng đánh bạc mua vui, Hắc công tử lỡ tay đánh rơi một tờ giấy “oảnh” (giấy bạc Vingtpiastres–20đồng). Trong lúc Hắc công tử còn đang quờ quạng mò tìm dưới gầm bàn, thì bất ngờ, Bạch công tử rút ngay tờ giấy “xăng” (cent–một trăm đồng), bật diêm đốt để soi cho chàng Hắc tìm tờ giấy 20 đồng! Đúng là một cách chơi khăm đầy ác ý, nhằm mục đích hạ nhục đối thủ của mình. Tất nhiên, Hắc công tử hận lắm, nhưng anh chàng biết nhẫn nhục chờ cơ hội. Và, cuộc trả thù nghe nói đã diễn ra sau đó chỉ vài tháng, khá ngông cuồng. Hôm ấy, đích thân Hắc công tử mời bạn bè từ quê nhà ở Bạc Liêu, để chiêu đãi một tiệc thật linh đình. Trong số khách đó, không thể thiếu Bạch công tử. Trong buổi tiệc, khi ăn đến món tả–pín–lù

(bò nhúng dấm), Hắc công tử đã dùng cả một bao toàn giấy bạc bộ lư (giấy 100 đồng Đông Dương có in hình chiếc lư đồng) để dùng làm củi đốt lò! (thời đó vàng chỉ giá 50 đồng một lạng).

Cuộc rửa hận của Hắc công tử đã làm chấn động Nam Kỳ lục tỉnh thời ấy. Phước George thấm thía điều đó hơn ai hết, cho nên anh chàng quyết chí tạo thêm thanh thế, hầu lần lượt địch thủ. Mục đích duy nhất của Phước là giành lại ảnh hưởng trong giới mỹ nhân đất Sài Gòn thời đó.

Bạch công tử tung “độc chiêu” bằng cách lập một đoàn hát lấy tên là Huỳnh Kỳ (thuở ấy dân chơi, dân hào phú rất mê đào hát, làm chủ một gánh hát lớn là một cách kinh doanh “thời thượng” vừa hốt bạc lại vừa lấy tiếng). Gánh hát của Bạch công tử được tổ chức khá quy mô, ba chiếc ghe chài vận chuyển đoàn đi lưu diễn đây đó, được thiết kế như những chiếc du thuyền, và đặc biệt hơn nữa là cách bố trí của chủ nhà: chiếc thứ nhất có hai tầng, chia nhiều phòng, trong đó có phòng dành cho ông bầu Bạch công tử và các phòng để giải trí (đánh bạc, bida). Chiếc ghe thứ hai dành cho đào kép, có cả phòng tập tuồng. Còn chiếc ghe

thứ ba chỉ dành chờ... đội bóng đá của gánh hát Huỳnh Kỳ! Đội bóng quy tụ nhiều cầu thủ có tiếng, được trả lương cao, chỉ để đá bóng mỗi khi gánh hát đi lưu diễn. Vào thời ấy, đội bóng đá này đã gây thích thú cho khán giả nhiều nơi...

Mục đích ban đầu của Bạch công tử là dùng đoàn hát để kinh doanh, nhưng bởi máu ăn chơi tiếm nhiệm nặng, nên dần dần gánh Huỳnh Kỳ trở thành môi trường thuận lợi cho chàng công tử trắng này tiếp tục đốt tiền. Ông Đốc phủ Xuân lúc đó đã già, những dịch vụ tài chính khác đã bắt đầu có biểu hiện đi xuống... Thêm vào đó, với cách vừa làm ăn vừa phá của như Bạch công tử, nên chẳng mấy chốc nhà họ Lê mang những món nợ không thể ngờ nổi.

Lúc ấy Bạch công tử lại đưa đoàn hát đi xuất ngoại, diễn cho Việt kiều ở Pháp xem. Họa vô đơn chí, thành công chẳng được bao nhiêu, nhưng khi trở về lại bị chìm tàu ở Địa Trung Hải. Của cải đổ xuống biển, chỉ may mắn là người còn sống sót. Lúc trở lại Sài Gòn, hầu như Bạch công tử đã trắng tay. Về cuối đời, Bạch công tử sống cô độc, nghèo hơn cả những người trước đây vốn sống nhờ vào đồng tiền của ông ta...

Thế đấy, kinh doanh và trác táng không bao giờ có mảnh đất chung.

TRƯƠNG VĂN BÈN VÀ XÀ BÔNG CÔ BA

Cách đây ngót một thế kỷ, người dân Sài Gòn cũng như trên cả nước, đều biết đến xà bông hiệu Cô Ba (loại xà bông thơm) hay xà bông 72 phần dầu (loại xà bông giặt). Thời đó chưa có các loại bột giặt, cho nên mọi người đều chỉ dùng các loại xà bông giặt dạng cục (còn gọi là xà bông đá) cho nên hẳn nói đến xà bông, thì ai cũng nhớ đến thứ xà bông có ghi dòng chữ 72 phần dầu. Xà bông thơm thì hầu như chưa có các hiệu nước ngoài phong phú như sau này, do đó ai cũng biết loại xà bông hiệu Cô Ba. Tất cả những nhãn hiệu này đều cùng một xuất xứ, của một người chủ, đó là

nhà kỹ nghệ Trương Văn Bền, một kỹ nghệ gia Việt Nam có thể gọi là đã làm rạng danh uy tín nền công nghiệp nước ta. Thời ấy, nền kỹ nghệ nước nhà còn ở dạng phôi thai, vậy mà ông Trương Văn Bền đã dám đứng ra thành lập một công ty chuyên sản xuất chất tẩy rửa đầu tiên ở Việt Nam, đặt tên là Công ty Trương Văn Bền Và Các Con. Xà bông được sản xuất từ dầu dừa, soude và một vài phụ gia khác, nhưng dầu dừa là chủ yếu, bởi vùng lục tỉnh (đồng bằng sông Cửu Long) có nhiều dừa, thừa sức cung cấp nguyên liệu cho việc nấu xà bông. Có lẽ ông Bền đã nghĩ đến điều đó trước khi dựng lên nhà máy sản xuất chất tẩy rửa.

Buổi đầu có nhiều người hoài nghi về sự thành công của công ty Trương Văn Bền, bởi họ nghĩ rằng, với trình độ kỹ thuật học lóm, máy móc thô sơ, thì làm sao một người Việt Nam có thể cạnh tranh nổi với người Pháp hoặc người Hoa nhiều thế lực, nhiều tiền của? Ngay những thân nhân của ông Bền lúc ấy cũng khuyên ông không nên phiêu lưu vào ngành đó, họ sợ ông tiêu phí hết những đồng vốn ít ỏi lúc ban đầu. Nhưng mọi lời can ngăn hầu như không làm nao núng con người có đầu óc cấp tiến, thích tự lập và đương đầu với nền

công nghệ mạnh gấp nhiều lần của ngoại bang lúc ấy. Ông Trương Văn Bền đã từng sống ở Phnompenh (Campuchia), từng đi đây đó một số nơi ở ngoại quốc, nhìn thấy sự phát triển công nghiệp ở các nước, nên hơn ai hết, ông hiểu rằng, nếu quyết tâm thì không một trở lực nào có thể ngăn cản được con đường phát triển công nghệ. Ông Bền đã biết bắt đúng mạch, đánh đúng thị hiếu người tiêu dùng, bằng một mặt hàng mà không một đời sống văn minh nào không cần đến, đó là chất giặt, tẩy. Cho tới lúc ấy (các thập niên đầu thế kỷ 20), thị trường chất tẩy rửa hầu như mở ngõ cho các mặt hàng của nước ngoài, chủ yếu là Pháp, vừa ít vừa đắt, cung chưa đáp ứng được cầu.

Công ty “Trương Văn Bền Và Các Con” đã đáp ứng yêu cầu đó một cách đúng đắn. Chỉ một năm sau ngày ra đời, mặt hàng xà bông 72 phần dầu của ông Trương Văn Bền đã gần như hạ gục các sản phẩm cùng loại của nước ngoài, do giá rẻ, hợp thị hiếu người tiêu dùng và chất lượng cao.

Ngay lúc thành lập cho đến mãi sau này (gần ngót một thế kỷ), trụ sở của công ty Trương Văn Bền vẫn ở yên một chỗ tại đường Kim Biên (bên hông chợ Kim

Biên ngày nay). Sản phẩm làm ra ngày càng nhiều, cung cấp cho toàn quốc, có thời xuất đi toàn Đông Dương. Nơi nào xà bông Trương Văn Bền cũng được hoan nghênh.

Thành công với mặt hàng xà bông đá (xà bông giặt) rồi, ông Trương Văn Bền nghĩ tới bước thứ hai, mặt hàng cao cấp hơn—xà bông thơm. Và sản phẩm xà bông Cô Ba ra đời. Những người lớn tuổi vẫn còn nhớ ảnh bán thân của một cô gái Việt Nam (trang phục phụ nữ Nam Bộ) với áo dài, đầu chải rẽ ngôi, tóc búi, đeo kiềng vàng. Chân dung đó gọi là Cô Ba và mặc nhiên sản phẩm được gọi là xà bông Cô Ba, nhập tâm từ người bình dân cho tới giới thượng lưu. Lại một lần nữa, ông Trương Văn Bền đã thành công lớn. Xà bông Cô Ba là sản phẩm duy nhất đã đương đầu ngang ngửa với nhãn hiệu xà bông Cadeau danh tiếng của Pháp.

Không phải ngẫu nhiên mà ông Trương Văn Bền chọn biểu tượng hình cô gái gọi là Cô Ba đó, cô gái đoạt danh hiệu hoa khôi của cuộc thi hoa hậu đầu tiên ở Sài Gòn vào thập niên 30. Cô vốn là con một ông thông phán người Sài Gòn, nghe nói có sắc đẹp thuần túy Việt Nam, đã vượt qua được hàng trăm cô gái khác

GIAI THOẠI VỀ CÁC TỶ PHỤ SÀI GÒN XƯA

đến từ nhiều nơi, để đăng quang tại vườn Ông Thượng (Công viên Văn Hóa TP.Hồ Chí Minh ngày nay). Sắc đẹp của cô đã làm cho những người Pháp phải trầm trồ. Họ ngỏ lời mời cô sang Pháp mặc đồ đầm (Âu phục) và dự thi hoa hậu thế giới. Nhưng cô hoa hậu từ chối, tuyên bố chỉ thích mặc quốc phục (áo dài) và chỉ muốn là hoa hậu của Sài Gòn mà thôi!

Ông Trương Văn Bền cách đây hơn nửa thế kỷ đã chứng minh rằng, hàng nội địa không hề thua kém hàng ngoại!

TJA MA YENG-NHÀ KINH TẾ TRONG BÓNG TỐI

Vào những năm 1920, khi ở vùng Chợ Lớn vang danh Quách Đàm thì trong bóng tối có một tên còn lầy lùnh hơn, đó là TJa Ma Yeng mà người Việt tại Sài Gòn thường gọi ông ta bằng cái tên cộng “chức danh” là Má Chín Dảnh, hơn là tục danh đầy đủ. “Má Chín” là chỉ những nhà doanh nghiệp giàu có. Ông ta thuộc bang hội Quảng Đông ở Chợ Lớn, nhưng thế lực thì coi như bao trùm hết các bang hội khác của người Hoa, mà chỉ chuyên về... làm kinh tế bằng nước bọt!

Tja Ma Yeng là con trai trưởng của một phú thương bị phá sản, từ Quảng Đông di cư sang Hong Kong từ thế kỷ 19. Đúng ra họ Tja (Tạ) đã lưu lại mảnh đất có nhiều cơ hội làm giàu là Hong Kong, nhưng chẳng hiểu sao, thân sinh ông lại dắt díu cả gia đình sang tận Sài Gòn để lập nghiệp. Ông bố của Tja Ma Yeng không buôn bán bất cứ thứ gì, chỉ tiêu xài nốt số tiền còn lại. Ba năm sau, đợi cho đứa con trai đầu là Tja Ma Yeng đủ tuổi trưởng thành, họ Tạ mới đề ra phương án làm ăn khá lạ lùng: làm kinh tế bằng nước bọt!

Ông huấn thị cho Tja Ma Yeng: “Trong thương trường, muốn thành công thì điều trước tiên là phải có bộ óc nhạy bén. Sự nhạy bén của bộ óc còn quý hơn là tài sản nữa. Con là người có điều đó”.

Tja Ma Yeng rất giống tính cha: can đảm, mưu lược và thông minh. Chính những điều ấy đã giúp ông từ một cậu con trai một phú thương phá sản, đã trở thành một “Má Chín” chỉ trong vòng 5 năm. Câu chuyện bắt đầu vào năm 1908, khi đó tại Sài Gòn đang nổi lên một “đại ca Tư Mất”, là nhân vật trùm giới giang hồ, chuyên bảo kê sòng bạc và lãnh đạo nhóm

“maphia”, thế lực nghiêng trời, gây khiếp hãi cho giới doanh thương người Hoa.

Giới Hoa kiều là những người lúc nào cũng muốn được yên ổn làm ăn, nên rất cần một ai đó đứng ra che chở cho mình trước những tai họa như loại Tư Mất. Và người đó, bỗng nhiên xuất hiện là Tja Ma Yeng!

Họ Tà không là tay hảo hán giang hồ, cũng không có thế lực của chính quyền, vậy mà sự xuất hiện của ông ta đã làm cho Tư Mất và đàn em phải chùn chân, nung nhẹ tay đối với giới doanh thương người Hoa Chợ Lớn. Lý do? Mãi sau đó người ta mới biết: bằng tài nghệ riêng của mình, Tja Ma Yeng đã ngầm thương lượng với Tư Mất, đóng góp cho nhóm này một số tiền “hụi chết” khá hậu. Thế là các phú thương người Hoa được đặt ra ngoài vòng.

Nhưng tiền đâu Tja Ma Yeng thực hiện ý đồ táo bạo đó? Dĩ nhiên là không phải tiền túi của ông ta. Tất cả là do sự đóng góp của toàn giới Hoa kiều. Tja Ma Yeng chỉ là người vận động, môi giới. Nhưng để làm được, lại phải cần một “bộ óc” có tầm cỡ. Người con trai của họ Tà đã là người duy nhất làm được việc mà

cả giới Hoa kiều không một ai có khả năng. Sau vụ đó, Tja Ma Yeng nghiêm nhiên trở thành một “quân sư” đầy uy tín của cộng đồng Hoa kiều trong mọi mặt, chứ không riêng gì những cuộc dàn xếp như vừa kể trên. Vào thập niên 20 của thế kỷ này, khi nền kinh tế của Việt Nam đã bắt đầu vươn ra thế giới bằng việc xuất nhập khẩu lương thực và hàng tiêu dùng như Đông dước thì nhất thiết phải có bàn tay của Tja Ma Yeng. Ông đóng vai trò là “nhà chiến lược” hoạch định tất cả những công cuộc giao thương với nước ngoài cho giới người Hoa lúc đó. Quách Đàm muốn xuất lúa gạo cho Singapore, Hong Kong ư? Nếu không có sự tham mưu của Tja Ma Yeng thì không thể thành công. Tja Ma Yeng bằng tài riêng của mình, đã có sự liên hệ với các nhà doanh nghiệp châu Á. Ông ta nghiên cứu thị trường thế giới và khu vực, đánh hơi đường đi nước bước của thương trường hiện tại, tương lai, rồi đưa ra những quyết định tối hậu cho Hoa kiều Chợ Lớn. Do đó, các bang hội khác nhau đã không xem Tja Ma Yeng là người Quảng Đông, họ tôn vinh ông ta như là “lãnh chúa” của mình. Vào thời đó, chỉ cần một gậy hay lắc đầu của Tja Ma Yeng thì giá cả thị trường có thể đổi

thay, lên, xuống.

Chẳng mấy chốc Tja Ma Yeng giàu lên không thua gì Quách Đàm (chủ chợ Bình Tây, như đã viết trong một bài trước). Và đúng như phong cách một nhà chiến lược kinh tế, Tja Ma Yeng không bao giờ chường mặt ra để thiên hạ nhận diện. Ông luôn hành động âm thầm, kinh doanh trong lặng lẽ... Nghe nói, có thời kỳ, tài sản, vốn liếng của ông ta lên tới mức bằng phân nửa sản nghiệp của người Hoa cộng lại!

Vào thập niên 30, thời kỳ kinh tế Việt Nam suy thoái, Tja Ma Yeng đã chuyển dần cuộc làm ăn và tài sản về Hong Kong...

TÂY LÀM GIÀU Ở XỨ TA

Trước cả người Hoa, các tay tư bản người Pháp đã từng đến và nghiên cứu cách làm giàu ở xứ ta, mà đặc biệt là Sài Gòn và các tỉnh Nam Kỳ. Trước khi làm ăn thật, những tay đồ đen từ Pháp sang đã tính tới cách làm “ăn chơi” qua hình thức cờ bạc.

Năm 1906, tên Jean Duclos và sau đó, năm 1912, có tên Monpezat đã “đầu tư” một số ngựa giống Ả Rập tới Hà Nội, mở các cuộc đua ngựa rồi bành trướng đến Sài Gòn. Cả hai lão này đã từng thống trị các trường đua ngựa ở ngoài Bắc, trong Nam, vét biết bao tiền

của từ túi của dân bản xứ mê đỏ đen, nhưng đáng kể hơn hết là bốn bộ mặt doanh nhân thuộc hàng có máu mặt và rất đặc biệt vào những năm đầu thế kỷ 20.

Người thứ nhất là Mézin, có gốc nông dân ở miền Nam nước Pháp, nên khi sang Sài Gòn đã nhắm đến việc khai khẩn đất đai, lập đồn điền. Mézin không thích kinh doanh tại Sài Gòn, mặc dù nhà cửa, vợ con lão đều ở thành phố này. Người ta kể lại rằng, khi mới đặt chân lên đất Sài Gòn, Mézin là một người tay trắng, sống khá vất vả trong những ngày mò mẫm tìm cơ hội kinh doanh. Nhờ khéo léo, một phần nữa nhờ sự quen biết nhiều người Pháp trong ngành ngân hàng và các viên chức chánh quyền, nên Mézin đã có một kế hoạch táo bạo: khai phá vùng đất hoang vu thuộc tỉnh Cần Thơ để lập đồn điền. Vay được một số tiền kha khá, Mézin dựng lên một đồn điền mang tên “Domaine de l’Ouest” (Đồn điền miền Tây). Đất miền Tây Nam Bộ thời đó còn hoang hóa nhiều, đồng chua cỏ dại, rất khó khai thác, nếu không nói là dân bản xứ đã bó tay. Nhưng bằng tính toán đúng, bằng tiền vốn bỏ ra, cộng với sự giúp đỡ của chủ tỉnh Cần Thơ thời ấy, nên chỉ vài năm sau, đồn điền của Mézin đã khá bề thế. Nó trở

thành một trong vài đồn điền trồng lúa lớn nhất Việt Nam thời bấy giờ. Người thứ hai cũng làm giàu nhờ khai khẩn đất hoang, đó là Pháp kiều Gressier. Lão ta cũng là một nhà kinh doanh tay trắng lúc khởi nghiệp. Khi đã vay được vốn, Gressier nhắm vùng đất phèn mặn của xã Phú Lộc đã hiện ra nhiều kênh rạch chằng chịt để tháo mặn, xả phèn, giúp cho đồng lúa tốt tươi, năng suất tăng cao. Gressier thắng to liên tục nhiều chục vụ, trở thành một triệu phú nức tiếng, làm cho những Pháp kiều đồng hương với ông ta phải ganh tỵ.

Người Pháp thứ ba “lên ngôi” phú hộ tại Sài Gòn là Fernand Lafon. Ông này cũng không phải là nhà giàu khi bắt đầu sự nghiệp kinh doanh. Khi có người giới thiệu với ông ta khu đất trống nằm ở tứ giác Verdun (Cách Mạng Tháng 8 ngày nay)–Colombier (Hồ Xuân Hương)–La Grandière (Điện Biên Phủ) và cả khu vực trường nữ trung học áo tím sau này (Nguyễn Thị Minh Khai ngày nay), Fernand Lafon đã không ngần ngại bỏ tiền ra mua ngay với giá chỉ 0đ50/m². Thời đó toàn bộ khu ấy chưa có nhà cửa. Fernand Lafon đã phân ra nhiều lô, chủ yếu là đất để xây biệt thự, một phần xây thành nhà, một phần khác bán cho người khác xây dựng

những ngôi biệt thự thuộc loại sang trọng nhất Sài Gòn. Chẳng mấy chốc ông ta giàu to. Được đà, ông ta mở rộng phạm vi kinh doanh địa ốc, chuyên xây dựng các biệt thự sang trọng để bán lại cho người Pháp hoặc các triệu phú mới nổi người bản địa.

Ngoài ba bộ mặt tiêu biểu nói trên, còn có một người nữa nên nhắc lại ở đây, cho đủ bộ tứ Pháp kiều, đó là Vidal. Ông ta vốn trước đó là sĩ quan hải quân Pháp, hưu non và bám rễ tại đất Sài Gòn để làm ăn như mọi người bình thường khác. Ông này hòa nhập với phong tục người địa phương rất nhanh: tập ăn trầu, mặc áo dài khăn đóng, học tiếng Việt và lấy vợ Việt. Ông này làm ăn lương thiện, có lúc được dân làng cử làm hương cả—một chức sắc được tôn kính nhất tại làng. Trước khi qua đời, Vidal đã yêu cầu được mai táng theo nghi lễ của một tín đồ Phật giáo, thay vì theo Thiên Chúa giáo như hầu hết những người Pháp khác.

Những người Pháp kể trên đã để lại một bài học cho những người hoạt động doanh nghiệp: có chí thì sẽ làm giàu, bất cứ ở đâu, bất cứ trong hoàn cảnh nào. *(Có tham khảo một số tài liệu của học giả Vương Hồng Sển).*

LÀM GIÀU TỪ “ĐẠI THẾ GIỚI”

Làm giàu từ cò bạc thì chẳng có gì để được nhắc nhở, đừng nói là ngợi khen. Tuy nhiên, bởi nét đặc thù của Sài Gòn thời xưa là sự pha lẫn giữa làm giàu bằng ý chí, bằng sự phấn đấu tự vươn lên, lại có những kẻ làm giàu bằng bóc lột, bằng những mảnh khóc gian xảo. Ghi lại đây những bộ mặt đã từng một thời làm giàu bất chính, để phản ánh toàn diện hơn về bề trái của một Sài Gòn từng được mệnh danh là “Hòn ngọc Viễn Đông”.

Grand Monde (Đại Thế Giới) là một sông bạc

được người Pháp dựng lên, nhưng bị khống chế bởi những đầu nậu Hoa kiều và sau đó là những thế lực “Lục lâm thảo khấu”. Nếu so về tầm cỡ lúc đó, thì Đại Thế Giới được ví ngang với vài sòng bạc thuộc loại lớn nhất nhì của Macau. Khi thấy cái bảng hiệu bằng chữ Pháp thật to “GRAND MONDE” được trưng lên trước khu đất rộng trên một héc-ta, dân Sài Gòn cứ ngỡ đó là một câu lạc bộ giải trí dành cho người Pháp, như câu lạc bộ Cercle Sportif Saigonnais chẳng hạn. Nhưng đến ngày khai trương, thì thiên hạ mới ngó ra, bởi điều khiển toàn bộ công việc trong Grand Monde là người Hoa, và dịch vụ của nó không là giải trí thể thao mà chính hiệu là một sòng bạc.

Người trực tiếp điều hành là Lâm Giống, một trùm cờ bạc từ Hong Kong tới. Đó là một tỷ phú nhờ kinh doanh dịch vụ cờ bạc ở Macau, Hong Kong, trước khi được móc nối tới Sài Gòn và trụ lại khá lâu ở Đại Thế Giới. Về nhân vật này, nghe nói cũng lắm huyền thoại khá ly kỳ, được thêu dệt từ chính những bạn bè đồng sự của ông ta. Theo đó, Lâm Giống thời thanh niên đã từng làm đủ nghề, từ phổ ky (chạy bàn trong quán ăn), rửa chén, quét nhà, dọn bàn ghế và hầu phòng, đánh

giày cho mấy tay trùm cờ bạc. Chính nhờ nghề sau cùng đó, Lâm Giống đã làm quen với nghề cờ bạc. Từ một tên tép riu, dần dần Lâm Giống đã học được nghề, lão luyện các mách để làm trùm. Đầu thập niên 30, họ Lâm đã có cổ phần trong 2 sòng bạc lớn nhất Macau. Vào năm 1937, khi Sài Gòn lập hai sòng bạc Đại Thế Giới (Chợ Lớn) và Kim Chung (vùng Cầu Ông Lãnh) thì Lâm Giống đã có mặt. Nghe nói ông ta đã đấu thầu để được quyền khai thác sòng bạc Đại Thế Giới với giá 10 triệu đồng (nên nhớ vào những năm đó, giá một lạng vàng chỉ trên dưới 100 đồng) và chịu đóng thuế 200 ngàn đồng mỗi ngày cho công quỹ.

Suốt trong thời kỳ xảy ra thế chiến thứ 2, khi khắp nơi điêu đứng vì chiến tranh, vì nền kinh tế suy sụp, thì ở Sài Gòn, Chợ Lớn, hai sòng bạc Đại Thế Giới và Kim Chung vẫn bình yên mở cửa ngày đêm, sát phạt nhau điên đảo. Bao nhiêu con thiêu thân đã lao đầu vào ánh đèn néon rực sáng hai chữ Grand Monde đó, bao nhiêu người đã tán gia bại sản, bao nhiêu mạng sống đã bị hủy hoại một cách oan uổng bởi cái máu đỏ đen... Lâm Giống càng ngày càng giàu ra, thu vào bạc tỷ một cách dễ dàng. Người ta đồn rằng, vào thời ấy ở

Sài Gòn–Chợ Lớn không ai giàu hơn Lâm Giống. Hấn đầu tư vào nhiều ngành, đặc biệt là ngành nhà hàng, khách sạn và vũ trường (dancing). Hấn tổ chức đưa các vũ nữ, gái lầu xanh từ Hong Kong, Macau sang lũng đoạn cả thế giới ăn chơi của Hòn Ngọc Viễn Đông.

Khi Thế chiến thứ 2 chấm dứt, cũng là lúc Lâm Giống ngự trên đỉnh cao sự giàu sang của hấn. Hấn là “vua” muốn gì được nấy, trong nhiều năm.

Cho đến đầu thập niên 50, một “khắc tinh” của Lâm Giống đã loại y ra khỏi cuộc chơi. Đó là Bảy Viễn. Người nào từng sống ở Sài Gòn vào thời kỳ đó, đều biết đến cái tên nghe thuần túy Nam Bộ này. Bởi Bảy Viễn là một con người cùng một lúc có đến 3,4 “chức danh”: đầu đảng thảo khấu Bình Xuyên, “tư lệnh” lực lượng võ trang Bình Xuyên, chủ sòng bạc Đại Thế Giới kiêm... tỷ phú!

Bảy Viễn vào những năm đầu thập niên 40 là một trong 4,5 tên tuổi đứng đầu của làng thảo khấu vùng Sài Gòn–Chợ Lớn (Bình Xuyên là một làng vùng ven, chạy dài từ Nhà Bè, quận 8, đến giáp Bình Chánh), từng ở tù Côn Đảo về tội cướp. Khi Cách mạng tháng

8 nổ ra, Bảy Viễn cũng len lỏi vào hàng ngũ, đội lốt “chống Pháp” một thời gian, nhưng sau đó bị Tây mua chuộc, được người Pháp ưu đãi, cho cát cứ vùng Chánh Hưng, lập nên “lực lượng Bình Xuyên” Với cái “mác” Bình Xuyên, Bảy Viễn nhắm vào “kho bạc” Đại Thế Giới và chiếc ghế “Thần bài” của Lâm Giống.

Với chủ trương sát máu, áp dụng luật mafia, Bảy Viễn đã làm áp lực, buộc Lâm Giống phải nhường lại Đại Thế Giới cho ông ta. Lúc đó Bình Xuyên quá mạnh, Lâm Giống chẳng đại gì cường lại, nên chỉ sau một đêm thương lượng, ông ra đã lẳng lặng rút lui, nhường lại toàn bộ cơ ngơi Đại Thế Giới cho Bảy Viễn. Thật ra thì đằng sau Bảy Viễn đã có một bàn tay nâng đỡ rất có thể lực, đó là Bảo Đại và chính phủ bảo hộ Pháp. Bảy Viễn chấp nhận nâng mức thuế đóng cho nhà nước lên 500 ngàn đồng mỗi ngày. Với số thuế lớn như thế, vậy mà Bảy Viễn vẫn còn lãi gấp 5,7 lần. Chẳng mấy chốc, Bảy Viễn trở thành một tỷ phú vượt tất cả các nhà giàu đương thời.

Tuy nhiên, loại làm giàu kiểu Bảy Viễn không bao giờ bền. Chỉ đến cuối năm 1954, khi xảy ra cuộc “tương tàn” giữa lực lượng Bình Xuyên và nhóm của

Ngô Đình Diệm, để rồi cuối cùng Bình Xuyên bị đánh tan tác, Bảy Viễn bỏ chạy sang Pháp ẩn thân. Đại Thế Giới “rụng” bằng hiệu.

NHÀ TỶ PHÚ RỬA CHÉN

Nhân vật mà chúng tôi kể ra đây còn tương đối gần với chúng ta và cũng do một vài việc cần dè dặt, nên chỉ xin nêu tên tắt. Nhưng với người từng theo dõi thương trường Sài Gòn trước 1975 ắt không lạ tỷ phú NĐQ.

Sinh ra và lớn lên ở một tỉnh miền Trung, vào những năm trước chiến tranh thế giới lần thứ 2, NĐQ đã không chịu sống hẩm hiu cùng quê nghèo của mình. Con người nghèo tiền nhưng có chí lớn này, vào một hôm, đã âm thầm leo lên tàu hỏa xuôi vào Sài Gòn, nơi

cậu ta lần đầu tiên đặt chân đến.

Không tiền, không thân nhân, dù là thân con trai cũng thường là miếng mồi ngon cho những tệ nạn xã hội của Sài Gòn thời ấy. Vậy mà NĐQ đã không hề ngần ngại. Cậu vừa xuống xe lửa ở ga Sài Gòn, đã vội làm một cuộc cuốc bộ ra khu vực trung tâm thành phố, nơi có các phố Catinat, Charner và Bonard (Đồng Khởi, Nguyễn Huệ và Lê Lợi ngày nay). Đi một lượt qua các phố phường hoa lệ, cuối cùng cậu ta dừng lại trước một nhà hàng—khách sạn sang trọng nhất thời ấy, đó là Hotel Continental.

Ngang nhiên bước vào một nhà hàng cực kỳ sang trọng, mà ngay như dân có tiền ở Sài Gòn cũng chưa chắc đã dám mạnh dạn như vậy, kéo ghế ngồi xuống một cách đường hoàng, NĐQ không thèm nhìn ai, cậu chờ... Bồi nhà hàng loại quý tộc này, xưa nay chỉ quen tiếp những khách sang trọng, nay thấy có một cậu ăn mặc tuy sạch sẽ, nhưng lại quá đơn giản, đượm nét tỉnh lẻ, họ trịch thượng hỏi:

—Anh cần gì?

Q. nhìn vào bảng thực đơn bằng tiếng Pháp, cậu

gọi một món ăn kèm theo chai rượu khai vị, rất đúng giọng Pháp, lại chững chạc, trước sự ngỡ ngàng của các phục vụ viên. Họ ngần ngừ, nhưng cuối cùng cũng phải bán hàng. Q. ăn uống xong, đòi gặp chef d'hotel (người quản lý khách sạn). Một tay người Pháp bước tới, anh ta tỏ vẻ hoài nghi, hơi khinh thường và lại càng bức dọc hơn khi nghe Q. yêu cầu cho gặp monsieur directeur (giám đốc). Hỏi chuyện gì, Q. đáp thẳng:

– Không giấu ông, tôi thật không có tiền trả bữa ăn này. Bây giờ đã lỡ ăn, tôi muốn gặp ngài giám đốc để xin thương lượng. Tôi nói rõ, tôi chỉ tạm thời thiếu, chứ không ăn quịt.

Chef d'hôtel và cả ê-kíp phục vụ đều không ngớt lời thóa mạ, đòi báo cảnh sát, nhưng Q. vẫn bình tĩnh, xin được gặp chủ nhà hàng. Cũng may, vừa lúc ấy lão chủ người Pháp trở tới, ông ta nghe được những câu đối đáp bằng tiếng Pháp của Q., nên hơi tò mò, cho mời Q. vào phòng riêng. Q. thưa chuyện:

– Thú thật với ông, tôi là một người ở tỉnh xa tới, hết tiền, lại đang đói, bởi chưa tìm ra việc làm, cho

nên tôi đánh bạo ăn một bữa cơm của nhà hàng ông, nhưng không ăn quýt, nên tôi xin được làm bất cứ công việc gì ở đây, từ quét dọn, bung bê, chà rửa toilette cho đến rửa chén bát, miễn là giúp tôi có thể trả lại tiền bữa cơm hôm nay.

Người chủ Tây không hài lòng lắm, nhưng trước thái độ khá thành khẩn và lễ độ, cộng với những câu cú tiếng Pháp khá chuẩn của chàng trai, cuối cùng ông ta cũng bằng lòng như một cách thử việc cho những chỗ làm còn đang thiếu. Q. được bố trí cho rửa chén ở nhà bếp. Cậu ta chăm chỉ làm việc y như một nhân viên thực thụ và hiệu suất rất cao. Đúng một tuần lễ, khi được gọi lên để lĩnh lương, NĐQ đã lễ phép thưa với chủ là mình xin nghỉ việc. Cậu ta hỏi lại:

– Tiền công tôi làm so với tiền bữa ăn hôm trước đã đủ chưa?

– Tất nhiên là còn thừa tiền.

Lão chủ Tây cố cầm giữ cách nào Q. cũng từ chối, anh ta nói:

– Xin cảm ơn ông về lòng hào hiệp mà ông đã dành cho. Tuy nhiên, tôi có cái mộng riêng của mình,

nên không thể tiếp tục ở đây giúp việc được.

Trước khi chia tay, người chủ Tây còn hỏi:

– Anh có thể cho biết giấc mộng mà anh đang ấp ủ là gì không?

Q. úp mở đáp:

– Làm chủ. Làm một nhà đại doanh nghiệp.

Câu trả lời của Q. lúc đó có thể đã làm trò cười cho người chủ Tây.

Bẵng đi một thời gian rất lâu, trong lúc ở nhà hàng Continental hầu như chẳng ai còn nhớ gì đến cậu trai ăn chực ngày nào, thì thật bất ngờ, vào một ngày cuối năm 1949, tức là 15 năm sau, có một “ông chủ” đi xe Traction bóng loáng, bước vào khách sạn. Ông ta đặt một bàn sang trọng nhất trong nhà hàng và xin được gặp chủ nhân.

Người chủ Pháp năm xưa vẫn còn đó. Khách lên tiếng:

– Ông chủ chắc không còn nhớ tôi? NĐQ– người năm xưa ăn thiếu ông một bữa cơm, phải rửa chén để trừ.

– Tôi đã nhớ ra ông. Rất hân hạnh.

Cũng nhờ có bằng tiểu học, lại nói lưu loát tiếng háp, Q. đã xin làm thư ký cho một đồn điền cao su, sau dần dần được cất nhắc lên làm cai thợ. Và cái đích cuối cùng của Q. đã đạt được: làm chủ. Do suốt trong thời gian dài làm việc, Q. không nhận hết tiền lương, chỉ lấy đủ tiền vật, còn bao nhiêu cậu gửi lại chủ: tích lũy dần, đến lúc đủ tiền mua một ít cổ phần của công ty, rồi sau đó một cơ may đến, khi chủ Tây cần bán bớt một phần công ty, Q. đã được mua trả góp.

Công ty nhỏ, lại đang hồi cây cao su bị thoái hóa, hưng về tay Q. thì chỉ một thời gian ngắn đã phát triển trở lại. Trong vòng 5 năm, công ty cao su do Q. làm chủ đã có thể sánh ngang với một số công ty bậc trung. Khi Q. về thăm lại ông chủ nhà hàng Continental là lúc có quyền xưng mình là “triệu phú” địa vị của anh ta trên thương trường đã được nhiều người nể nang. Những mặt khác, trong kinh doanh, có thể NĐQ. hứa hẫng là một ông chủ hoàn hảo, nhưng xét về mặt hành công bằng chính ý chí của mình thì Q. phải được đánh giá cao.

GAİ THOẠI VỀ CÁC TỶ PHÚ SÀI GÒN XUA

NĐQ tậu một ngôi nhà lớn ở đường Paul Blanchy Hai Bà Trưng ngày nay), lọt vào danh sách 20 người giàu nhất Sài Gòn thời ấy. Có lẽ giai đoạn “đẹp” nhất rong đời Q. là tới lúc ấy . Bởi từ 1961 trở về sau, NĐQ lã bắt đầu rước vào những bất hạnh: một cô con gái ái xe đi chơi Vũng Tàu bị tai nạn chết thảm dưới gầm cầu Rạch Hào, rồi tiếp theo là vụ tự phá sản (thực ra ông ta đã bị phá sản do nhiều nguyên nhân, mà trong đó sai lầm lớn nhất về cuối đời là “giấc mộng politic” làm chính trị). Ông ta đã tập tễnh ứng cử để rồi nhận ấy những ê chề...). Vào giữa thập niên 60, thì tỷ phú NĐQ đã chính thức bị xem là phá sản. Ngôi nhà ở đường Hai Bà Trưng về tay chủ khác. Q. lặn mất vào bóng tối.

NGUYỄN TẤN ĐỜI VÀ VỤ SỤP ĐỔ THẦN TÀI TÍN NGHĨA

Những năm đầu của thập niên 70, khi cường độ cuộc chiến tranh đã đến hồi khốc liệt thì cũng là thời điểm cực thịnh của hệ thống ngân hàng tư nhân ở Sài Gòn, trong đó đứng đầu vẫn là Tín Nghĩa Ngân hàng (TNNH), hay còn gọi một cách bình dân là ngân hàng Ông Thần Tài, của ông Nguyễn Tấn Đời. Với hàng trăm chi nhánh trên toàn miền Nam, hầu như TNNH đã chiếm lĩnh toàn bộ các dịch vụ tiền gửi và cho vay. Cùng lúc đó, những công trình lớn được đầu tư bởi ông Nguyễn Tấn Đời cũng mọc lên, như khách sạn

Président (Trần Hưng Đạo, Q.5), bệnh viện tư loại lớn nhất nhì thành phố (đường Trần Hưng Đạo, Q.5), một hãng gạch bông có uy tín, một ngôi nhà thủy tạ (gần cầu Bình Lợi) thường được gọi là “nhà mát” của Nguyễn Tấn Đồi và một số công trình khác nữa.

Từ giữa thập niên 60 về trước, ở Sài Gòn chỉ những người trong giới ngân hàng là biết đến tên ông, còn người dân thì hoàn toàn xa lạ. Tuy nhiên, kể từ năm 67, hầu như ai cũng nghe nhắc đến tên con người có gốc gác từ Rạch Giá và Long Xuyên (Kiên Giang, An Giang ngày nay) này. Ông Nguyễn Tấn Đồi vốn là một nhân viên của Ngân Hàng Việt Nam Thương Tín (Ngân hàng nhà nước) trong nhiều năm, leo lên được chức trưởng phòng. Sự nghiệp công danh đang hồi hanh thông, bởi ban lãnh đạo ngân hàng đang có ý tin dùng và cất nhắc ông lên cao nữa... Bỗng một hôm, vào giữa năm 1966, ông Đồi đột ngột xin nghỉ việc. Tại sao? Đó là câu hỏi đầy ngạc nhiên của nhiều người, và chỉ được trả lời sau đó 6 tháng, khi có tin chính thức về việc ông Nguyễn Tấn Đồi thành lập Ngân hàng Tín Nghĩa. Thì ra, con người có chí lớn đó không chịu “an phận” làm một chuyên viên có thể lực ở ngân hàng nhà nước.

Chỉ bốn năm sau, vào năm 1971, TNNH hầu như trùm thiên hạ, lấn lướt hẳn các ngân hàng khác, kể cả Ngân hàng Việt Nam Thương Tín. Biểu tượng ông thần tài đưa cao tay với xâu tiền điệu trong tay, hầu như quen thuộc với mọi người. Ở tận các hang cùng ngõ hẻm, dân nghèo sở hữu một món tiền nho nhỏ đều có thể có cuốn sổ tiết kiệm “Thần Tài”. Nhưng, dùng một cái, tử phú Nguyễn Tấn Đời bị bắt! TNNH bị sụp đổ!

Chuyện gì đã xảy ra cho nhà tử phú tiếng tăm này? Nếu theo tin tức đăng tải công khai trên các báo xuất bản tại Sài Gòn vào thời điểm đó, thì Nguyễn Tấn Đời đã phạm vào các tội làm TNNH mất cân đối thu chi và không còn khả năng chi trả cho khách hàng; cá nhân ông Đời đã vi phạm việc huy động vốn và đầu tư, kinh doanh... Nhưng theo dư luận bên ngoài, kể cả của những người am tường nghiệp vụ ngân hàng, thì ông Nguyễn Tấn Đời đã bị các đối thủ “chơi” một vố thẳng tay, hết đường chống đỡ. Đó là các tập đoàn tài phiệt đang cạnh tranh với ông, họ thấy cái thế của ông trong hệ thống ngân hàng quá lớn (theo con số được báo chí công bố lúc đó, thì tổng số tiền của TNNH lên đến 22 tỷ đồng—số tiền này vào lúc đó rất lớn—gần

bằng tổng số tiền của tất cả các ngân hàng tư nhân gộp lại), và có khả năng ông ta sẽ bỏ vôi sang địa hạt chính trị. Một câu hỏi khác đã từng được dư luận nêu lên: phải chăng ông Nguyễn Tấn Đồi đã bị thế lực của các tướng lĩnh trong quân đội Sài Gòn ra tay triệt hạ? Bởi cạnh tranh với TNNH còn có Kỹ Thương Ngân hàng—một ngân hàng quân đội—mà đa số vốn là của các tướng lĩnh chớp bu trong quân đội Sài Gòn, trong đó có Nguyễn Văn Thiệu, Trần Thiện Khiêm, v.v...

48 giờ đồng hồ sau, khi chính quyền Sài Gòn ra lệnh phong tỏa tất cả các TNNH, ông Nguyễn Tấn Đồi đã bị bắt tại nhà một người cháu ở đường Phan Liêm. Cuộc thẩm vấn ông Đồi diễn ra chóng vánh, gần như đã được xếp đặt sẵn, để rồi tội danh được công bố như đã nói ở trên. Ông Nguyễn Tấn Đồi bị tổng giam vào khám Chí Hòa, như một tội nhân đặc biệt.

Nguyễn Tấn Đồi ở tù cho đến ngày Sài Gòn được giải phóng, nghe nói nhân lúc tình hình còn lộn xộn, ông ta đã thoát ra khỏi Chí Hòa, sau đó về Rạch Giá để rồi lên tàu (do người nhà chuẩn bị sẵn) rời khỏi Việt Nam.

THỢ SỬA XE ĐẠP TRỞ THÀNH CHỦ RẠP HÁT

Ngày nay, khi đi ngang qua đường Trần Hưng Đạo, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, người ta dễ dàng nhìn thấy một rạp hát khá bề thế, mang tên Hưng Đạo, nhưng có lẽ ít người biết rõ quá trình hình thành của nó.

Vào khoảng thời gian bắt đầu nổ ra cuộc chiến tranh thế giới lần thứ 2, Sài Gòn vẫn còn khá lạc hậu, với phương tiện giao thông cá nhân chủ yếu là xe đạp. Tại góc giao lộ Générale Marchand và Galliéni (Nguyễn Cư Trinh và Trần Hưng Đạo ngày nay)thường

ngày vẫn có một cậu con trai khoảng tuổi 18–20 ngồi cặm cùi sữa, vá xe đạp bên vệ đường. Thời đó người dân chính gốc thành phố còn thất nghiệp dài dài, nói chi đến những dân nhập cư từ các tỉnh thành xa, do đó người ta xem việc một thanh niên ngồi sữa xe như vậy là chuyện bình thường.

Những người thường lui tới con đường đó, đặc biệt là những khách hàng từng đôi ba lần đưa xe đến sữa, đều phải công nhận anh thợ sữa xe ấy là một chàng trai hiền hậu, dễ thương, lại rất chăm chỉ, cẩn thận. Xe hư đâu sữa đó, sữa có chất lượng, lại chỉ lấy tiền công vừa phải, đôi khi với những khách hàng già cả, cậu ta còn tự nguyện sữa miễn phí “để làm quen”. Lâu dần, khách hàng càng lúc càng đông, thậm chí có người bị hư xe ở xa cũng ráng dẫn bộ tới, để cậu sữa. Chàng trai ấy tên là Niệm.

Một năm sau ngày ra nghề, người ta thấy chỗ bức tường phía sau lưng anh thợ sữa xe ngồi, có treo lủng lẳng vài chiếc vỏ, ruột xe đạp, cùng với một ít những phụ tùng khác. Anh ta giải thích: “Để khi nào khách có cần thì mình thay cho tiện”. Thời đó không có “chợ phụ tùng” hoặc các loại phụ tùng xe được bày bán khắp

nơi như ngày nay, cho nên việc phục vụ linh hoạt của cậu Niệm này rất được bà con ủng hộ. Hai năm sau, khách hàng nhìn thấy có thêm một hai chiếc xe đạp ráp hoàn chỉnh, dựng ở đó. Cậu Niệm lại giới thiệu: “Nhân tiện ráp sẵn, nếu bà con nào có cần thì mình nhường lại, giá phải chăng”. Tất nhiên là hàng của cậu ta ráp đến đâu bán được đến đó.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp, trong lúc cả Sài Gòn đang hoảng loạn vì những cuộc dội bom của phi cơ đồng minh xuống thành phố, dân chúng lo chạy tránh bom, thì ở góc đường đó, chàng trai sửa xe vẫn cứ bám trụ với “cơ ngơi” của mình, gồm 4 chiếc xe đạp vừa mới ráp, cộng với một thùng phụ tùng mới. Với cậu, giữa cái chết do bom đạn và chết đói, cậu ta sợ chết đói hơn. Vả lại, trong đầu cậu trai nghèo này, chừng như còn nuôi một hoài bão...

Chiến tranh thế giới lần thứ 2 vừa kết thúc, cũng là lúc người ta ngạc nhiên khi thấy chàng trai đó đứng ra thuê hẳn một góc nhà (chỗ căn phố mà suốt mấy năm qua cậu ta vẫn ngồi phía trước hiên nhà để hành nghề) và khai trương bảng hiệu: “Nguyễn Thành Niệm,

sửa xe và bán phụ tùng xe đạp”.

Thì ra, do khéo dành dụm trong nhiều năm qua, đến lúc đó cậu ta đã có được một số vốn nhỏ nhỏ, đủ để “dựng tiệm” Cậu tâm sự với những người quen biết: “Cái nghèo nó làm cho mình phải bỏ dở chuyện học hành, mà không học thì khó bề lập thân. Bây giờ chỉ còn một cách là phải chí thú làm ăn, phải đi lên bằng con đường thương mại...”. Điều đó đã hoàn toàn đúng. Năm năm sau, đầu thập niên 50, cả một dãy phố từ đầu đường Nguyễn Cư Trinh chạy dọc theo Trần Hưng Đạo, đến gần đường hẻm Nguyễn Văn Dực, đã quy về một mối, do một người làm chủ: Nguyễn Thành Niệm!

Cậu ta trúng nghề phụ tùng xe đạp là chủ yếu, nhưng cũng phải kể đến yếu tố cần kiệm và óc nhạy bén với thị trường. Chỉ trong vòng 10 năm, từ một anh chàng sửa xe đạp tầm thường, Nguyễn Thành Niệm tậu được đến gần 30 căn phố mặt tiền đường Galliéni (Trần Hưng Đạo). Có người nói, sở dĩ Niệm mua được nhiều nhà như thế là bởi vì thời đó mọi người vừa trải qua một giai đoạn khủng hoảng do cuộc chiến tranh, bị lung lạc tinh thần, muốn bán rẻ nhà cửa để hồi hương lập nghiệp, nên giá nhà khá rẻ, và Niệm đã chớp đúng

thời cơ.

Con đường “lập thân” của Nguyễn Thành Niệm đã rộng mở. Anh ta chuyển sang kinh doanh đa dạng hơn, gồm cả phụ tùng xe gắn máy, xe hơi, máy móc cơ giới nói chung. Và thế là một công ty nhập khẩu phụ tùng xe, máy được hình thành—Công ty Indo Comptoir Nguyễn Thành Niệm. Cuối thập niên 50, đây là một trong 10 công ty xuất nhập khẩu phụ tùng cơ giới lớn nhất của Sài Gòn và có cả những chi nhánh ở khắp Việt Nam, vươn ra tới Nam Vang, Vientian, Paksé (Lào). Nguyễn Thành Niệm trở thành một tỷ phú.

Đầu thập niên 60, tại dãy phố góc đường Nguyễn Cư Trinh—Trần Hưng Đạo, cạnh trụ sở của công ty Nguyễn Thành Niệm, người ta thấy mọc lên một tòa nhà đồ sộ với chữ hiệu trên mặt tiền rất nổi: Rạp hát Hưng Đạo. Thì ra, đúng nơi mấy chục năm trước Niệm ngồi sửa xe đạp, giờ đã được dựng lên một rạp hát lớn nhất thành phố, lại do chính ông làm chủ. Có lần Nguyễn Thành Niệm đã nói với bạn bè: “Cuộc đời cũng giống như một sân khấu. Mình cố làm sao cho sân khấu lộng lẫy thì càng hay...”.

LÝ LONG THÂN VÀ CON SỐT CHIM CÚT

Ai đã từng ở Sài Gòn từ đầu thập niên 60 đến 1975, đều ít nhiều đã nghe nhắc đến Lý Long Thân. Tuy chỉ là một nhà doanh nghiệp, nhưng tay này đã “vang” danh” và có thể lực “ngiên trời” vào thời ấy, chẳng riêng gì vùng Chợ Lớn, mà lan rộng khắp miền Nam. Vậy Lý Long Thân là người như thế nào?

Muốn nói chính xác về “nhà kinh tế” này rất khó, bởi ông ta cũng giống như đa số thương gia người Hoa trên đất Việt, sống rất bí ẩn, mà hoạt động thương trường lại càng kín đáo, kỳ bí hơn. Nếu phải kể về một

vụ việc diễn hình, thì có lẽ nên nói đến “con sốt chim cú” ở Sài Gòn vào đầu thập niên 70.

Đầu tiên có nguồn tin: chim cú đẻ ra vàng (!). Tất nhiên là nhiều người đã cười mũi vào loại tin tức đó. Nhưng bỗng dưng nó trở thành sự thật, khi có những kẻ thập thò đi khắp ngõ hẻm rỉ tai và đề nghị mua ngay những cặp chim cú của ai đó đang đẻ trứng. Rồi một đồn mười, mười đồn trăm, cứ thế thị trường chim cú tăng lên vùn vụt. Và nó không dừng lại ở đó. Từng phút, từng giờ, ở đâu này, đâu nọ của thành phố Sài Gòn, đi đâu người ta cũng bàn tán chỉ một đề tài: chim cú. Ban đầu là cú đẻ được giá, sau đó đến cú đẻ, cú con, ngay cả trứng cú cũng leo giá tận trời. Phải, đó là một cơn “đại hồng thủy” về cú xảy ra ở Sài Gòn—mà có thể nói, là lần đầu tiên xảy ra trên thế giới.

Tin tức thuộc loại truyền miệng, tin vịt, thì loan đi còn nhanh hơn là tin qua hệ thống viễn thông. Những mẩu chuyện như “ông A, nhờ nuôi được 5 cặp chim cú đẻ mà đã trúng lớn, mua được căn nhà lầu 4 tầng” đã làm cho thiên hạ cứ sốt vó lên, bỏ cả công ăn việc làm, đổ xô chạy đi tìm mua chim cú. Có một vị nhà giàu đã dốc hết tiền của ra, mua cả ngàn con chim

“thần” với giấc mộng sẽ làm trùm, kết quả là chỉ sau 2 tuần, 1 ngàn con chim cú mua bằng 1 ngàn cây vàng, chỉ còn trơ lại... 1 ngàn con chim cú rô-ti!

Thì ra, chuyện “con chim cú đẻ ra vàng” chỉ là một trò bịp của bọn xỏ lá nào đó, chúng tung ra thủ đoạn để tự những người Sài Gòn tranh giành nhau, tự đẩy nhau vào thế phá sản. Chỉ trong vòng chưa đầy một tháng, con số chim cú đã làm cho hàng ngàn người thất nghiệp, hàng vạn người điêu đứng, và làm cho hoạt động kinh tế ở một số đô thị miền Nam lúc đó bị chấn động, dĩ nhiên là trong một số lĩnh vực đủ cho ai đó thực hiện những ý đồ thâm độc. “Ai đó” chính là Lý Long Thân, một trùm tư bản vốn đã từ lâu khống chế nhiều hoạt động thương nghiệp của Chợ Lớn.

Nhưng tại sao Lý Long Thân lại tung ra độc chiêu đó? Chỉ vì, chỉ có biến loạn thị trường thì “đòn” tiếp theo, địch thủ mới không đỡ được, đó là sự tăng giá sắt thép, phân bón và cả lương thực, những thứ này vốn nằm trong vòng khống chế của họ Lý và một số trùm khác. Chỉ cần một cú như “dịch chim cú” thôi, nền kinh tế dưới chế độ Sài Gòn đã nằm trong vòng “cương tỏa” của họ. Bởi vậy, như chính Bộ trưởng kinh

tế của chế độ Sài Gòn vào năm 1973 đã than thở: “Mọi chủ trương, mọi sắc luật của Chính phủ, chỉ cần một con “sốt lên” của Chợ Lớn là bốc thành khói!”.

Lý Long Thân là một tỷ phú mà tài sản không thể nào thống kê nổi. Nghe nói, ông ta có chân trong một tập đoàn tư bản của Châu Á, chứ không riêng ở Sài Gòn. Tiền của, tài sản riêng của ông ta được gửi ở nhiều ngân hàng trên thế giới, để nếu cần, sẽ rút đi êm. Mà quả vậy, khi Sài Gòn được giải phóng năm 1975, Lý Long Thân đã chạy một mạch mất dạng.

TÚ ĐẠI MỸ NHÂN SÀI GÒN

CÔ BA “HOA KHÔI MỌI THỜI ĐẠI”

Ai đã từng sống ở đất Sài Gòn trước thập niên 60, đều không thể không nghe tiếng cô Ba, người đẹp tiêu biểu đất phương Nam. Cô chính là người có chân dung được in trên bao xà phòng hiệu Cô Ba, của hãng Trương Văn Bền. Nhưng cô Ba là ai mà xinh đẹp và được ngưỡng mộ như vậy?

Thật ra, kể cả những người nay đã ở tuổi 70-80, từng sống, cũng không thể biết mặt thật của người đẹp

này. Vì cô là một hoa khôi được phong chức danh vào thập niên 90 của thế kỷ 19.

Không ai biết tên thật của người đẹp, chỉ được truyền tụng bằng hai từ đặc trưng Nam Bộ là “Cô Ba” Nhưng chắc chắn một điều, cô là người Việt Nam đầu tiên được bầu là hoa hậu, được chính thức ghi danh trên báo chí Pháp ngữ ở Sài Gòn lúc ấy (thời điểm cuối thế kỷ 19, Sài Gòn chỉ có vài tờ báo Việt ngữ, nhưng báo Pháp được phổ biến rộng rãi hơn, trong số này có tờ Le Courrier Saigonnais của Paul Blanchy và tờ Le Mékong của nhóm thân hữu ủng hộ Toàn quyền Paul Doumer) và được người Pháp vô cùng ngưỡng vọng, bốc người đẹp lên tận mây xanh! Một nhà báo đã viết trên tờ Le Courrier Saigonnais rằng, nếu cô Ba chịu đi thi hoa hậu thế giới, thì chắc chắn sẽ có thứ hạng cao! Các tay phong lưu người Pháp cũng đánh hơi được điều đó, chính thức mời cô Ba ký hợp đồng để sang Pháp, giới thiệu với mọi người bên kinh đô ánh sáng, rồi sau đó sẽ tạo điều kiện cho Cô Ba tham dự kỳ thi hoa hậu thế giới sắp sửa được tổ chức! Nghe nói gia đình cô Ba đã không đồng ý, có lẽ vì sợ mất con vào tay mấy lão Tây háo sắc. Mà bản thân Cô Ba cũng phản đối,

bởi cô quan niệm rằng mình tham dự thi hoa hậu là để cho vui, để mọi người ngoại quốc biết là phụ nữ Việt Nam cũng không thua kém ai, còn chuyện đi thi tài với năm châu, thì cô chưa nghĩ tới. Cô cũng cho rằng, mỗi dân tộc có cái đẹp khác nhau, do đó nếu đem ra so tài thì sẽ không chuẩn xác. Thật là một ý nghĩ khá tiến bộ!

Về thân thế của cô Ba, người ta chỉ được biết vắn tắt: cô là con gái thứ của một viên quan nhỏ người Việt, giúp việc cho chính quyền bảo hộ, được gọi là thầy Thông Chánh. Cô là người con gái đẹp không ai bì kịp, như mô tả lại của cố học giả Vương Hồng Sển trong một quyển sách của ông: “Đẹp tự nhiên, không răng giả, không ngực keo su nhọn tạo, tóc dài chấm gót, bới ba vòng một ngọn, mượt mượt mà thom phức dầu dừa mới thắng, đẹp không vì son phấn giả tạo, đẹp đến nỗi Nhà nước in hình vào con tem Nhà Dây Thép (Bưu điện) và một hiệu buôn xà bông xin phép họa hình làm mẫu rao hàng: xà bông Cô Ba (trích Sài Gòn năm xưa...).

CÔ BA TRÀ

Không biết có phải ngẫu nhiên hay không, người đẹp thứ hai trong “tứ mỹ nhân” lại cũng thứ ba, gọi là cô Ba Trà. Vào khoảng 1923 đến năm 1935, hầu hết dân chợ Sài Gòn đều nghe danh, biết mặt một người đẹp bậc nhất thời ấy, đó là cô Ba Trà. Thuở xưa, dân Sài Gòn thích gọi ai đó bằng thứ kèm với tên tộc, chứ ít khi gọi “Thu Hồng, Diễm Châu” như sau này. Danh xưng cô Ba Trà hầu như nằm lòng các vương tôn công tử thời đó, mà điển hình nhất là các chàng công tử Bạc Liêu, Mỹ Tho (Hắc Công Tử, Bạch Công Tử). Ngoài ra, những người đeo bám theo sau cô Ba Trà còn có các quan chức Pháp, các tay quan chức người Việt nhiều tiền của và thế lực, trong số này nổi trội hơn có Còm-mi Kính, một tay chơi có cỡ, từng mê và được cô Ba mê lại. Họ thường đi đôi ở khắp nơi chốn ăn chơi, những chốn phồn hoa đô hội.

Nói về sắc đẹp của cô Ba Trà, một tờ báo thời ấy đã mô tả: “Mỗi cái nheo mắt của cô Ba, thì hầu như tay

chơi nào cũng tay chân rụng rời, mỗi khi cô cười thì y như rằng rượu rót tràn, tiền tuôn ra... Người ta đã không tiếc tiền của, kể cả nhà cửa, ruộng vườn và cả sinh mạng mình nữa, để chỉ được kề cận bên người đẹp, nhìn người đẹp nheo mắt, nuốt lấy nụ cười như hoa nở của nàng...”

Năm 1930, lúc kinh tế thế giới đang bị khủng hoảng vậy mà nghe nói chiều nào cô Ba Trà cũng được các vương tôn công tử chở trên Delage mui trần, đi dạo phố Catinat, Bonard (Đồng Khởi và Lê Lợi ngày nay) để khoe sắc, khoe hương, để lòe thiên hạ. Những người cao tuổi từng sống ở Sài Gòn thời ấy kể lại rằng, mỗi lần xe họ lượn qua như vậy, thì ở phía sau có vài chục chiếc xe kéo (một dạng xích lô, do người kéo phía trước, thay vì ngồi đạp như bây giờ) chạy theo như một cuộc diễu hành! Gặp bữa nào nàng đi với một trong hai chàng Hắc, Bạch công tử thì coi như cánh kéo xe trứng mắm, các công tử sẽ vất xuống cho mỗi người vài cắc bạc (một cắc bạc thời ấy đủ một bữa chợ!).

CÔ TƯ NHỊ

Cùng thời với cô Ba Trà còn có cô Tư Nhị, Sáu Hương, Hai Thời... Nếu so về nhan sắc, thì khó nói ai hơn ai. Nếu cô Ba Trà quá nổi tiếng trong giới vương tôn công tử, thì trái lại, cô Tư Nhị lại nổi tiếng hơn trong giới văn nhân, nghệ sĩ. Cô xuất thân “trường Đầm”, có bằng diplôme, và khi ra đời đã được các nhân vật có tầm cỡ trong giới báo chí thuở ấy sẵn đón và mời mọc tập tành viết báo. Tuy cô viết không giỏi, nhưng cũng được kể là người “biết viết lách”, nên rất được nể nang, mời mọc hết tiệc này đến lễ lạc nọ. Nghe nói cô có họ hàng với Lê Phát Thanh, một triệu phú thời đầu thế kỷ 20 tại Sài Gòn, thừa hưởng cái gien nhan sắc của nhà họ Lê này, nên sắc đẹp của cô được nhân lên với cái đẹp của cô con gái rệu Phát Thanh thời trước (Lê Phát Thanh làm giàu lớn ở Sài Gòn vào những năm cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20, những năm đó, Toàn quyền Paul Doumer còn nắm quyền ở Nam Kỳ, cho nên việc Thanh chơi thân với ông ta đã làm cho sự nghiệp thêm vững, qua giới thiệu của

Doumer, ông Phát Thanh đã gả cô con gái rệu xinh đẹp cho một nhà báo Pháp tên là Julien Delpit, về sau, do tiêu pha vung mạng nên Delpit bị phá sản, vợ chồng phải dắt nhau lưu lạc sang tận Lào để mưu sinh...). Cô Tư Nhị nhờ quen biết nhiều văn nhân, chính trị gia, nên được họ đưa lên một vị trí đặc biệt hơn cô Ba Trà. Người ta đồn rằng Tư Nhị có thời đã từng là nhân tình của viên Toàn quyền Pháp.

Về sau (khoảng năm 1940), nghe nói cô này lâm cảnh sa sút và chết nghèo ở một khu thuộc quận 5.

CÔ SÁU HƯƠNG

Chỉ sau Ba Trà, Tư Nhị vài năm, thì Sáu Hương nổi lên. Cô này được dân phong lưu thời đó tả lại: “Đẹp như Tây Thi! Cô có nước da trắng ngần, đôi mắt lá liễu sáng ngời, bờ môi mọng lúc nào cũng ươn ướt và luôn mỉm cười...” Sáu Hương cũng là người có học, xuất thân trường Áo Tím (Nguyễn Thị Minh Khai ngày nay) và có thời được tôn là “Hoa khôi trường Áo Tím”. Vào

đời, cô may mắn quen biết với một Pháp kiều già, vốn là quản lý nhà hàng Continental nổi tiếng, và được giúp đỡ vốn liếng. Có một giai thoại kể lại rằng, lúc mới quen Sáu Hương, vì quá mê nhan sắc của cô, nên lão Pháp kiều đã mạnh dạn hứa hẹn sẽ nhượng nhà hàng Continental cho cô Sáu.

Thời ấy, nhà hàng Continental là một trong hai nhà hàng khách sạn bậc nhất của Sài Gòn (cái kia là Majestic), nên trước việc lão Tây buông ra lời hứa như thế, chẳng ít người đã cười vào mũi lão ta, cho là nói phét, nhưng lão này đã quả quyết: “Các người không nhớ là ngày trước, khi công tước Duc de Mongtpensier mới sang Saigon, ông đã mời bà công tước Comtesse de B. đến ăn và hứa với bà rằng ông sẽ mua tặng bà nhà hàng Continental làm lễ cầu hôn, và ông ta đã làm được chuyện đó!”.

Lời hứa của lão Pháp già chưa được thực hiện, không phải vì lão không có tiền, mà do lão chết đột ngột! Từ đó, cô Sáu Hương chẳng cần đến cái nhà hàng Continental mà cũng giàu và nổi tiếng. Bởi vì cô quá đẹp. Đẹp đến nỗi những tay chơi, những triệu phú đều say mê, đeo bám như đĩa chung quanh cô. Họ thi nhau

cung phụng cho người đẹp không thiếu một thứ gì, từ nhà lầu, xe hơi, cho đến những trương mục trong ngân hàng. Người ta đồn rằng, trong số những mỹ nhân thời đó, chỉ có Sáu Hương là giàu nhất! Tuy vậy, cô chỉ vang danh khoảng 10 năm, rồi sau rút vào im lặng... Chừng như biết dừng lại đúng lúc, trước khi nhan sắc tàn phai. Có người nói, về sau cô Sáu Hương sống sung túc với người thân ở một ngôi biệt thự vùng Bà Chiểu...

TRÙM TÀI PHIỆT ĐỎ ĐEN SÁU NGỌ

Trước khi tại Sài Gòn nổi lên một sông bạc thuộc loại lớn nhất nhì Á châu, được gọi là Grand Monde (Đại Thế Giới), thì dân ở đây đã biết tới một tay trùm và hệ thống cờ bạc không bảng hiệu của ông ta, đó là Sáu Ngọ. Có người nói ông ta là Lê Văn Ngọ, có người bảo là Nguyễn Văn Ngọ, trong khi chính đương sự thì lại thích được gọi bằng cái tên Tây *P.Ngo. Sobnng*, để dễ gọi, người ta thường gọi nôm na là Sáu Ngọ, hoặc Thầy Sáu.

Sáu Ngọ là ai mà được nhiều người biết đến thế?

GIAI THOẠI VỀ CÁC TỶ PHÚ SÀI GÒN XƯA

Ông ta không làm chính trị, không phải Việt gian, cũng không phải là tay mại bản kiểu Chú Hỏa, mà chỉ là... một trùm cờ bạc!

Ở Sài Gòn thời ấy, người ta thường có câu cửa miệng: “Cờ bạc mà được như Sáu Ngọ thì hãy nên cờ bạc!”. Như thế đủ thấy rằng “Thầy Sáu” không phải là tự xưng, mà do chính bàn dân thiên hạ tặng cho ông, chỉ vì họ sánh Sáu Ngọ ngang hàng với nhiều loại thầy chú khác rất có máu mặt ở Sài Gòn. Phải nói rằng, dù chỉ là một tay trùm cờ bạc, nhưng Sáu Ngọ đã được sự nể nang của hầu hết mọi người (tất nhiên mỗi người một kiểu nể), từ thường dân cho đến các thầy chú thứ thiệt! Bởi một lý do đơn giản, Sáu Ngọ nhờ cờ bạc mà thành cơ nghiệp. Và cũng từ cờ bạc ông ta đã, một cách nào đó, từng làm những cuộc đối đầu, gần như là sự thách thức với chính quyền Pháp ở Sài Gòn lúc ấy!

Vào thời sau thập niên 20, ở Sài Gòn còn lắm nhiều nhưng, người dân còn nhiều cơ cực, nên một trong những thú vui của họ là mê đỏ đen. Họ đánh bạc vừa mong đổi đời, cũng vừa thỏa tính nông cuồng, do đó họ rất khoái có những tay “hảo hán” theo kiểu Sáu Ngọ.

Thuở ấy, người dân Sài Gòn dù là dân giàu, mấy ai lên xe xuống ngựa được như Sáu Ngọ. Ông ta có đến 4 chiếc ô-tô riêng, mà chiếc nào cũng thuộc loại đắt tiền, lông lẫy. Cứ sáng sáng, “Thầy Sáu” diện đồ láng coóng, đầu đội nón nỉ, tay cầm ba-tông, bảo tài xế đưa đi một vòng Sài Gòn, ghé lại các nhà hàng loại xịn như La Pagode, Brodard, hay Continental, ngồi nhâm nhi cô nhắc, mạt-ten, phì phà thuốc lá như một quan thuộc địa thứ thiệt!

Sáu Ngọ khởi đầu sự nghiệp cũng bằng hai bàn tay trắng như hầu hết những tay giang hồ hảo hán khác, nhưng đặc biệt hơn là ở chỗ ông ta biết mượn thời thế để phát lên. Ban đầu không nhiều tiền thì làm cò con, tổ chức những sòng bài rải rác ở các điểm khác nhau, trốn xâu lậu thuế... Dần dần có tiền tích trữ khá, Sáu Ngọ bung ra làm ăn táo bạo. Ông ta nắm được cái “bệnh” chung của hầu hết nhân viên công lực thời đó là khoái ăn của đút, cho nên hễ tổ chức nơi nào thì y như rằng làng lính nơi đó đều bị thầy Sáu mua đút. Mua bằng cách nào, đó là một nghệ thuật riêng. Đầu tiên, thầy điều tra, biết được đối thủ của mình thuộc loại nào, thích ăn chơi như thế nào, đã có “phòng nhì,

phòng ba” chưa... Tùy theo tình trạng của mỗi người, các sách lược sẽ được áp dụng. Với cách đó, ít khi Sáu Ngọ thất bại, thậm chí với cả các quan chức người Pháp. Bởi vậy, chỉ sau một năm “kinh doanh”, Sáu Ngọ đã nghiêm nhiên trở thành một bộ mặt bự trong làng. Vào lúc xảy ra cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, cũng là lúc Sáu Ngọ lên ngôi “vua”, đã tóm thu hầu như trọn các sông bài lớn nhỏ ở khắp vùng Sài Gòn, Chợ Lớn.

Danh tiếng lẫy lừng như thế ắt có kẻ thù. Mà kẻ thù dữ dằn nhất của lão ta lại là người Pháp, tay biện lý Lafrique vốn thù ghét đỏ đen, nay lại nghe những chuyện thêu dệt về Sáu Ngọ, nên có ý chơi cho anh chàng A-na-mít này một trận lấy oai! Vừa nhậm chức chưa được bao lâu, chuyện đầu tiên lão Lafrique hành động là cuộc đột kích vào các sông bạc của Sáu Ngọ. Lão chắc mẩm phen đó sẽ tận diệt cái gai mà bao nhiêu người trước không nhổ được. Nhưng... mọi việc không như lão ta nghĩ. Chẳng hiểu sao tin báo rất đáng tin cậy mà Lafrique nắm được thì tất cả những địa điểm làm ăn của Sáu Ngọ đều đang hoạt động, vậy mà khi cuộc đột kích vào, hầu như nơi nào cũng trống không?

Như thế là sao? Không lẽ bọn Sáu Ngọ có cánh tay, hay có phép tàng hình? Hay là...

Điều hoài nghi sau cùng của tay biện lý Pháp đã đúng. Bởi vì, khi kiểm tra lại, Lafrique biết được rằng trong số nhân viên công lực, đã có người là “tay trong” của Sáu Ngọ. Mà không chỉ một vài người, họ rất đông. Có nghĩa là, Sáu Ngọ đã mua được những tai mắt bên trong các lực lượng an ninh, những người này sẽ báo cho ông ta mọi tin tức mỗi khi có các cuộc hành quân. Bởi vậy, biện lý Lafrique luôn thất bại.

Không chịu bó tay, Lafrique thề sẽ diệt cho bằng được kẻ “tử thù”, lão còn tuyên bố là nếu không thắng Sáu Ngọ, lão sẽ từ chức. Vậy mà cuối cùng lời thề đó đã không thực hiện, bởi vì Sáu Ngọ như những cánh tay ma, bị chặt cái này lập tức mọc ra cái khác.

Thực ra, Sáu Ngọ còn có những chiêu rất ngoạn mục khác mà nhà cầm quyền khác không ngờ tới được. Đó là sự ăn chia sòng phẳng cho mọi tay em. Hễ đàn em nào trung thành, làm được việc, thì sẽ được hưởng lợi nhuận xứng đáng, thậm chí còn được cứu sinh mạng khi lâm nguy. Từ đó Sáu Ngọ nhận được sự đền ơn đáp

nghĩa tận tình.

Lúc ở trên đỉnh cao của sự nghiệp, Sáu Ngọ sở hữu một lúc đến trên 10 ngôi biệt thự ở khắp Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, ngoài ra còn có các cơ ngơi khác ở nhiều nơi, trị giá tài sản rất lớn. Có tiền là có tất cả, Sáu Ngọ thậm chí còn mua được quốc tịch Pháp, được ưu tiên, miễn trừ một số mặt, và nhờ thế, ông ta đã càng giàu thêm. Mãi đến khi sắp nổ ra cuộc thế chiến lần thứ hai, ảnh hưởng các cuộc làm ăn của Sáu Ngọ vẫn còn... Lúc người Pháp cho phép thành lập Đại Thế giới, thì những hoạt động của Sáu Ngọ mới tàn lụi dần. Công cuộc kinh doanh đỏ đen của Sài Gòn bước sang một kỷ nguyên mới...

TỨ ĐẠI PHÚ GIA SÀI GÒN

Ai đã từng sống ở Sài Gòn trước đây (Sài Gòn thời chiến) đều đã nghe câu nói: Nhất Sĩ, nhì Phương, tam Xường, tứ Định (về một giai thoại khác trong bài viết về Chú Hỏa, chi tiết nói rằng chú Hỏa được xếp đầu danh sách, xem ra không đúng, chúng tôi ghi lại để tham khảo)... Đó là bốn nhà giàu bậc nhất Sài Gòn, đồng thời cũng là tứ đại phú gia của cả Nam Kỳ Lục Tỉnh. Ngày nay ít ai còn được biết tường tận về từng người trong danh sách này...

NHẤT SĨ

Sĩ là tên hiệu của Lê Phát Đạt, sinh quán tại Cầu Kho, thuộc địa phận Sài Gòn. Tên thuở thiếu thời của Đạt là Sĩ, nhưng khi lớn lên, theo học trường nhà dòng (Sĩ là một tín đồ Thiên Chúa Giáo) nên đã tự nguyện đổi thành tên Đạt. Sau khi đi học ở nước ngoài về, lúc này Đạt lấy lại tên ban đầu và từ đó mọi người quen gọi là ông Sĩ.

Đầu tiên, Sĩ làm trong ngành thông ngôn (interprète), rồi sau đó leo lên chức tham biện. Lúc mới ra làm công chức, Sĩ chưa phải là nhà giàu, lại còn lận đận đường công danh, bị thuyên chuyển từ Sài Gòn về tận tỉnh Tân An. Nhẫn nại, giỏi chịu đựng, do đó Sĩ không hề chán nản công việc, luôn tỏ ra là một công bộc trung thành. Do đó, chỉ hơn một năm sau, Sĩ được chuyển trở lại Sài Gòn. Lần này Sĩ may mắn hơn, được thăng chức Huyện hàm. Nhưng điều may mắn lớn nhất của ông Sĩ là thuộc về đất đai. Khi ấy đất đai ở Sài Gòn còn bỏ hoang rất nhiều, nhà cửa thừa thớt, đường

á thô sơ... Huyện Sĩ là một công chức mẫn cán, nên lược ưu tiên mua đất với giá rất rẻ, và muốn mua bao nhiêu cũng được. Nghe nói lúc đầu Sĩ đã từ chối, vì ngại không đủ sức, nhưng sau đó được bạn bè khuyến khích, Sĩ đã mạnh dạn mua. Số ruộng đất này không chỉ riêng ở Sài Gòn, mà còn có nhiều ở tỉnh Tân An. Không ngờ, sau đó ít lâu, khi mật độ dân cư đông lên, đất đai hiếm dần và giá cả tăng vọt. Mua một bán mười, thậm chí cả trăm lần hơn. Rồi cứ thế, tài sản của Huyện Sĩ lên đến con số kếch sù, không thể nào ngờ nổi. Ông trở thành đại phú.

Phú quý sinh lễ nghĩa, Huyện Sĩ quá thừa tiền của, nên hay làm việc thiện, mà một trong những việc thiện đó là xây một ngôi thánh đường còn lưu dấu tích tới ngày nay ở vùng trung tâm Sài Gòn: nhà thờ Chợ Dũi hay còn gọi là nhà thờ Huyện Sĩ (góc đường Nguyễn Trãi – Tôn Thất Tùng).

NHỊ PHƯƠNG

Phương là tên tộc của Đỗ Hữu Phương, một hàm Tổng đốc thời Pháp đô hộ Nam Kỳ. Nhắc đến Tổng Đốc Phương, dân Sài Gòn cũ ai cũng biết đó là một tay Việt gian cỡ lớn, có nhiều nợ máu với nhân dân. Nhưng về mặt tài sản, thì Phương là một đại phú, đứng hàng thứ nhì, chỉ sau Huyện Sĩ.

Về nguồn gốc số tài sản kếch sù của Đỗ Hữu Phương, có người nói là do tài của bà vợ ông ta, Trần phu nhân. Bà này giỏi về kinh doanh, đã làm mọi việc để làm giàu... Song, nhiều người rành chuyện hơn, đã cho rằng đó là do nhà nước bảo hộ Pháp trả ơn cho Phương về lòng trung thành của Phương, hay nói một cách rõ hơn, đó là nhờ tài luồn cúi, nịnh nọt trong suốt cuộc đời làm Việt gian của Phương!

Những giai thoại của Phương phần nhiều đượm tính tiểu lâm, ngụ ý mỉa mai một con người phản dân hại nước. Trong số những giai thoại đó, có chuyện sau, xin thuật lại, dựa theo tư liệu của cố học giả Vương

lồng Sển: Tuy là người phục vụ đắc lực cho chính quyền Pháp, nhưng Tổng đốc Phương chỉ có vốn tiếng Pháp rất ba trợn. Do đó, vào một ngày kia, nhân dịp Tết Tây, quan Tổng đốc nhà ta bèn nịnh quan lớn Tây bằng một con dê quay vàng ngậy! Biếu quà ăn mừng năm mới thì phải giới thiệu chủng loại con vật đã được quay vàng. Khổ nỗi, do trình độ tiếng Tây của Tổng đốc nhà ta quá khiêm nhường, nên thay vì phải nói là “bouc” hay “chèvre” để chỉ con dê, ông ta đã làm một màn pạc-lê bồi như thế này: “Lui mêm xối xiên, dà na lấp, dà na cốt” (Lui même chose chien, il y a corne): Lắm giống như con chó, mà có râu, có sừng. Dù cho quan Tây có hiểu được sự mô tả của kẻ cục cung tận tụy với mình, nhưng phải cố lắm mới tìm được tròng người võ bụng!

TAM XƯỜNG

Nhân vật đứng hàng thứ ba, được gọi là tam Xường, tức bá hộ Xường, tên thật là Lý Tường Quan, gốc người Minh Hương (người Hoa ủng hộ Minh triều chống Mãn Thanh, chạy nạn sang Việt Nam). Ông là người sớm hòa nhập vào nền văn hoá Việt Nam, theo đạo Thiên Chúa và được học trường Collège des Interprètes (trường thông ngôn) của Pháp, ra làm thông ngôn cho chính quyền bảo hộ Pháp. Với trình độ tiếng Pháp giỏi, rành tiếng Việt, lại được trọng dụng, nên con đường hoạn lộ của ông tràn đầy tương lai... Bất ngờ vào năm 30 tuổi, Lý Tường Quan, tự Xường đã bỏ việc, ra ngoài làm thương mại.

Bất đầu, ai cũng cho rằng ông Xương sai lầm, bởi thời buổi đó muốn nằm mơ cũng khó lòng được địa vị như ông. Tuy nhiên, chỉ ít lâu sau, mọi dự nghị về ông đều tỏ ra thiếu chính xác. Bởi nghề kinh doanh lương thực và dịch vụ của ông tỏ ra đắc địa vào thời Sài Gòn mới phát triển. Độc quyền cung cấp thịt cá, một công

việc bị nhiều người coi thường, vậy mà chỉ chưa đầy 5 năm, Lý Tường Quan được mọi người gọi là bá hộ Xường (bá hộ là từ chỉ những người giàu lớn). Ông có sản nghiệp lớn, nhà đất nhiều. Dinh thự riêng của ông vào thời đó tọa lạc tại đường Gaudot (Hải Thượng Lãn Ông ngày nay) được nhiều người nể vì.

Chỉ tiếc một điều là, khi ông chết rồi, số sản nghiệp còn lại đã bị con cháu tranh chấp, dẫn đến những vụ kiện tụng kéo dài nhiều thế hệ sau, đến nỗi hầu như xóa sạch dấu vết vào những năm hậu bán thế kỷ 20 này.

TỨ ĐỊNH

Người đứng hàng thứ tư, tứ Định, là Trần Hữu Định, cũng được gọi là Bá hộ Định. Làm giàu do tự thân làm nên, không tham gia hàng ngũ công bộc của Pháp. Bá hộ Định vốn là con của một nghiệp chủ gốc Hoa ở Chợ Lớn (thuở sinh thời, ông có ngôi nhà lớn gần cầu Palikao, chợ Kim Biên và Bình Tây ngày nay). Phải nói rằng, vào thời buổi ấy mà ông và Bá hộ Xường

được đứng trong hàng ngũ “tứ đại phú” quả là điều hi hữu. Bởi nếu không quyền thế, thì chỉ làm giàu thường thường mà thôi, khó leo lên đến tột đỉnh như Huyện Sĩ hay Tổng đốc Phương được. Vậy mà hai ông Xường và Định đã làm được và theo nhiều người, họ không hề thua kém bao nhiêu so với hai cự phú hàng đầu.

Theo lời kể lại của nhiều người am tường thời ấy, sở dĩ Bá hộ Định làm giàu nhanh là do đã sớm đứng ra làm một dịch vụ mà thời sau ông, chú Hỏa từng làm, đó là nghề mở tiệm cầm đồ (Mont de piété). Nghề này đặc biệt dễ làm giàu, bởi nhiều người dân Sài Gòn vốn dĩ ăn tiêu rất phóng khoáng, có đồng nào xào đồng nấy, hết tiền thì có cái gì trong nhà đem xào cái nấy, rồi mua sắm cái khác, và cứ thế... Bởi vậy, dịch vụ cầm đồ tỏ ra đắc lợi. Ông Định lại biết bành trướng nghề nghiệp, tổ chức nhiều hiệu cầm đồ ở khắp Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định. Khi mọi người nhận ra việc “trúng quả lớn” của ông, thì ông đã nghiêm nhiên trở thành Bá hộ, vượt xa mọi đối thủ có ý cạnh tranh. Của để ra của, triệu phú đã trở thành đại phú chỉ trong vòng chưa đầy 10 năm. Đến khi ông mất, các con cháu ông không còn mặn mà ngành ấy nữa. Chỉ khi có một số

người Pháp và Hui Bon Hoa nổi lên, thì nghề ấy mới sống mạnh hơn.

Ngày nay, khi Sài Gòn đang bước vào thời điểm kỷ niệm 300 ngày khai sinh, hầu như mọi người đều đã quên bốn con người vừa kể trên. Còn chẳng là một vài địa danh như Nhà thờ Huyện Sĩ và con đường Tổng đốc Phương nay đã đổi thành Châu Văn Liêm.

NHỮNG CUỘC PHIÊU LƯU TÌNH ÁI CỦA HẮC CÔNG TỬ VÀ BẠCH CÔNG TỬ

CUỘC TRANH DÀNH NGƯỜI ĐẸP CỦA CẬU BA QUI

Lúc mới đặt chân lên đất Sài Gòn vào năm 1938 Trần Trinh Qui đã có ngay cái “hỗn danh” Tám Bò thay vì Ba Qui theo đúng thứ của cậu ta trong gia đình. Về cái hỗn danh này, có người kể lại rằng, vào thời đó, người nông dân nào làm ruộng mà có được một đôi bò để kéo cày, thì được gọi là trung nông, được hai đôi được gọi là phú nông. Bốn đôi bò (8 con) trị giá

bằng 4.000 gia lúa, một tài sản khá lớn đối với mọi người; nhưng đối với Ba Qui (Trần Trinh Qui, con trai thứ của ông Hội đồng hàm, Trần Trinh Trạch, đại nghiệp chủ ở Bạc Liêu) thì chỉ là con số lẻ. Khi ấy Ba Qui mới 18 tuổi, vừa chân ướt chân ráo tới “Hòn ngọc Viễn Đông”, thường bị các vương tôn công tử thành phố coi là “công tử vườn”. Có lẽ do vậy, nên trong một canh bạc với các đại phú thương, Ba Qui thay vì đặt tiền, đã đặt mỗi canh bạc bằng đơn vị “4 đôi bò”! Kết quả, hôm đó cậu Ba Qui đã thua đến 10 lần 4 đôi như thế và cũng từ ấy, cậu ta nổi tiếng, thành danh luôn là cậu “Tám Bò” (để bạn dễ hình dung, chúng tôi xin đưa ra con số để so sánh: Hiện nay ở nông thôn miền Tây Nam Bộ, nông dân bán 1.000 gia lúa thì mua được một chiếc xe Dream. Có nghĩa là, ngày xưa, mỗi lần Ba Qui thua 4 đôi bò, là vừa nướng vào sòng bạc khoảng 20 cây vàng!)

Nổi danh ở chiếu bạc, nhưng ở các địa hạt khác, chàng công tử Bạc Liêu này vẫn chưa được nể trọng lắm... Bởi vậy, trước ngày lên đường đi Pháp du học theo lệnh của gia đình, Ba Qui đã “thề” trước bạn bè rằng, cậu ta sẽ trở thành trùm, dù cho phải bán hết

ruộng muối và lúa của ông thân sinh ở Bạc Liêu!

Sau 5 năm “du học” ở trời Tây, Ba Qui trở lại Sài Gòn với cái bằng...đăng-xê (danseur, khiêu vũ, hay còn gọi là nhảy đầm, theo cách nói ở Nam Bộ). Và đúng như “lời nguyện”, Ba Qui đã chơi...“mát trời” và lập tức khẳng định thế đứng của chàng công tử Bạc Liêu lắm của, chơi ngông và đào hoa số một! Mục tiêu đầu tiên là khi vừa qui cố hương của cậu Ba là một người đẹp đang nổi tiếng như cồn trong giới vương tôn lúc đó, hoa khôi Tuyết Lan!

Đúng ra, Nguyễn Thị Tuyết Lan chưa từng dự thi hoa hậu, cũng chẳng đạt được chức danh bà hoàng sắc đẹp, song bởi sắc đẹp của cô nghiêng nước đổ thành nên được người ta tặng cho mỹ danh “hoa khôi” Vào năm 1943 ở Sài Gòn, Tuyết Lan là số một, là bà hoàng của mọi cuộc yến tiệc, vui chơi. Nhân tình của cô toàn là những tay cờ bạc, vừa giàu sụ lại vừa nhiều thế lực, nhưng chưa một ai độc chiếm được nàng. Thời đó, một đối thủ đáng gờm khác của Ba Qui là Phước George, tức Bạch công tử, hay còn được gọi là công tử Mỹ Tho, người cũng đang ngắm ghé Tuyết Lan. Ba Qui biết mình phải làm gì để chiếm thượng phong. Để được là

kẻ chiến thắng trên tình trường! Cậu ta tuyên bố với bạn bè: “Moa sẽ chiếm cho bằng được Tuyết Lan, dù phải đổi cả sản nghiệp của ông già moa!” Nói là làm. Chỉ hai tuần sau khi về nước, Ba Qui đã tổ chức một buổi dạ tiệc lớn chưa từng có ở ngôi biệt thự mới, tọa lạc tại đường Chasseloup Laubat. Khách mời hầu như không thiếu một ai và dĩ nhiên là phải có Bạch công tử Phước George!

Và thật bất ngờ, đoá hoa tuyệt sắc xuất hiện bên cạnh Hắc công tử Ba Qui, không ai khác hơn là nàng Tuyết Lan! Khi đến bắt tay Bạch công tử, Ba Qui cố tình trêu chọc: “Vợ chồng moa rất hân hạnh được Monsieur Phước George đến tề xá!” Điều này có nghĩa là, hoa khôi Tuyết Lan đã chấp nhận làm “Hắc phu nhân”

Sau đó, mọi người đều biết chuyện, để chiếm được người đẹp, Hắc công tử đã mua tặng cho nàng ngôi biệt thự dùng làm nơi tổ chức dạ tiệc hôm ấy và có lẽ còn có cả ngàn đôi bò theo kiểu trị giá bò để đánh bạc! Bạch công tử tạm thua keo đầu. Tất nhiên là chàng Bạch ấm ức lắm. Nhưng vốn là người hào hoa, lại tính toán thâm hơn, nên Phước George giả bộ như chẳng có gì xảy ra để âm thầm toan tính một cuộc phục thù,

rửa hận.

Cuộc rửa hận còn “lưu danh muôn thuở” như chúng ta đều nghe kể, đó là vụ Bạch công tử đốt tờ giấy bạc 100 đồng (cent piastres) để soi sáng cho Hắc công tử tìm tờ giấy 20 đồng (giấy “hoảnh”, tức vingt piastres, hai mươi đồng) trong một bữa tiệc do Bạch công tử mời, có mặt cả người đẹp Tuyết Lan!

BẠCH CÔNG TỬ VÀ CUỘC TÌNH TỪ ĐÔNG SANG TÂY

Bạch công tử tên thật là Lê Công Phước, con của đại chủ Lê Công Xuân, người gốc Chợ Gạo, Gò Công, thuộc tỉnh Mỹ Tho, cho nên thường được gọi là công tử Mỹ Tho, để phân biệt với công tử Bạc Liêu (Hắc công tử). Nhờ cha làm Đốc phủ sứ cho chính phủ bảo hộ Pháp, nên Phước được nhập Pháp tịch, được mang tên Tây là George, gọi PhướcGeorge.

Nói về tiền của, thì có thể Phước George không

hàng Ba Qui, nhưng được cái bạo gan, nên lúc nào Bạch công tử cũng tỏ ra có số đào hoa hơn đối thủ của mình.

Bị thua võ người đẹp Tuyết Lan, Bạch công tử đã ứa hận bằng trận đốt tiền như nói ở trên. Song Phước George vẫn chưa hả dạ. Thời đó, trong giới “thuyền duyên” còn có những “đại mỹ nhân” như cô Ba Trà, Hầu Hương, Tư Nhị, Hai Thời...là những người mà cả đại vị công tử từng say mê, đeo đuổi. Khi bị phỗng tay lên Tuyết Lan, Bạch công tử quay sang tấn công dữ dội các người đẹp vừa kể. Những cuộc chèn chén, vui chơi, tiêu tiền như nước của các công tử để “cho các người đẹp lé mắt” đã được cạnh tranh quyết liệt. Hầu hết những cuộc “đua tình” đó, Bạch công tử đều thắng, mà cụ thể là cô Ba Trà đã gần như là sở hữu riêng của hàng công tử Mỹ Tho. Nhưng đặc biệt hơn hết là cái máu mê đào hát của Bạch công tử.

Thuở đó. Ở Sài Gòn và các tỉnh Nam Kỳ, hình thức hát bội còn thịnh hành. Các đào hát nổi danh đều nằm trong các đoàn hát bội, như đào Năm Nhỏ ở đoàn hát của Cô Ba Ngoan, đã từng được Bạch công tử say mê một thời. Mê đào hát, Bạch công tử lập gánh hát lấy tên là Huỳnh Kỳ. Người ta kể lại rằng, khi làm chủ

gánh hát, Bạch công tử chẳng hề nghĩ là kinh doanh để làm giàu, mà mục đích chính là được gom trong tay những cô đào hát trứ danh nhất, đẹp nhất! Gánh hát Huỳnh Kỳ được tổ chức lạ lùng bậc nhất Nam Kỳ lục tỉnh (đúng ra là độc nhất vô nhị ở Việt Nam), di chuyển đó đây bằng ba chiếc ghe to, chiếc nào cũng trang trí lộng lẫy chẳng khác những người du thuyền sang trọng bên trời Tây. Chiếc thứ nhất là “hành dinh” của Bạch công tử, với nào phòng ngủ đầy đủ tiện nghi, phòng chơi bài, billard, uống rượu, phòng nháy đêm... Chiếc ghe thứ hai chở đào kép, phong màn... Chiếc ghe thứ ba chở riêng một đội bóng đá, để khi cập bến chỗ nào, thì đoàn hát cứ lo diễn, còn cầu thủ lo đá bóng giao hữu! Thiên hạ đồn rằng vào thời ấy, hầu hết các cô đào danh tiếng đều là bồ ruột của chàng công tử này. Ngoài ra, lúc nào trên “du thuyền” của chàng ta cũng có cả tá những người đẹp Sài thành, đi theo để cho công tử giải sầu.

Những chuyện trên đây cũng chưa bằng cuộc tình lãng mạn hao tốn bạc triệu (tiền thời ấy) mà Bạch công tử đã vướng phải, khi đi du học bên Tây. Lúc đó, tuy danh nghĩa là du học, nhưng thực chất là cuộc du hí

vô tiền khoáng hậu của chàng công tử Mỹ Tho tại Pairs. Tuy tạm trú ở Quận 7 của Paris, Bạch công tử chẳng mấy khi ở đó. Chàng ta thường lấy sòng bạc Monter Carlo để “trợ học” ...Thuở ấy, Phước George còn rất trẻ, song đã nổi danh là một tay chơi triệu phú, luôn chơi nổi, dám ăn thua một đêm đến cả trăm ngàn franc! Mà nào đã dừng ở đó, Phước George còn năng lui tới những địa điểm nổi tiếng là chốn ăn chơi của các trọc phú, như Saint Tropez, Cannes, Nice... Và một hôm, chàng ta đã gặp phải tiếng sét ái tình, ngay tại Saint Tropez, của một cô gái tóc xanh mắt vàng. Nàng công chúa Nga lưu vong.

Thời ấy, Nga hoàng Nicolas II và gia đình đang sống lưu vong ở Pháp và người đẹp làm xiêu lòng chàng công tử Việt Nam đó là cô con gái út Anastasia. Nàng kiều nữ hoàng gia Nga, chẳng hiểu vô tình hay cố ý, đã gặp gỡ và đeo bám Phước George như đĩa.

Say tình còn hơn say thuốc phiện, Bạch công tử nhà ta đã ngày đêm bám theo người đẹp, cùng nàng đến hầu như không thiếu một nơi chốn ăn chơi nổi tiếng nào. Mà một trong những hành động ngông cuồng nhất của chàng ta là mua tặng nàng... một chiếc thủy phi cơ

làm quà sinh nhật!

Hậu quả của các cuộc trác táng nêu trên là những món nợ khổng lồ, mà sau đó ông Đốc phủ sứ Lê Công Xuân ở Việt Nam phải gánh trả cho ngân hàng Pháp. Báo hại họ Lê gần muốn hết sản nghiệp! Riêng nàng công chúa Nga, sau khi biết chàng Phước George không phải là một ông vua dầu hỏa Phương Đông, đã ôm cầm sang thuyền khác.

Vậy mà nào đã sợ, 5 năm sau, khi đã nổi danh trùm ăn chơi ở Sài Gòn, khi đã lập đoàn hát Huỳnh Kỳ, Bạch công tử lại có ý định đem cả đoàn hát đi lưu diễn trời Tây. Có lẽ để cho người tình mắt xanh nể mặt! Nể nang đâu chẳng thấy, chỉ biết là hai tháng sau khi “đem chuông đi đánh xứ người” ở Paris, chàng công tử nông cuồng đã phải khăn gói xuống tàu về nước. Nhưng nào đã yên, lúc tàu đi qua Địa Trung Hải, không may bị chìm, Phước George suýt mất mạng!

Khi chiến tranh thế giới lần thứ hai sắp kết thúc, thì cũng là lúc cả hai chàng công tử Hắc, Bạch gặp long đong. Một số nhóm hắc đạo đã nổi lên và trong một trận đột kích của tướng cướp Bảy Viễn vào nhà

riêng của Hắc công tử, vài triệu đồng (một số tiền khổng lồ thời ấy) đã không cánh mà bay. Bạch công tử cũng gặp nhiều chuyện xui xẻo như thế...đến nỗi, vào những năm dứt chiến tranh thế giới, cũng là ngày tàn của hai chàng chơi ngông. Người đẹp Tuyết Lan nghe nói cũng đã cho “de” người tình Bạc Liêu. Còn các đào hát trứ danh cũng đã quay lưng với anh chàng Phước George!

Một kết thúc tất yếu!

ĐẠI THẾ GIỚI.-TỪ THIÊN ĐÀNG ĐẾN ĐỊA NGỤC

TỪ SÁU NGỌ ĐẾN ĐẠI THẾ GIỚI

Sài Gòn vào những ngày đầu thế kỷ 20 nổi lên những tay “yêng hùng”, những tay lục lâm, nhưng lại thích tự xưng mình là hảo hán. Trong số này phải kể đến trước tiên là Tư Mất và Sáu Ngọ. Tư Mất thuộc hàng “anh chị”, tức dân giang hồ, dao búa, một loại trùm du đảng thuộc hàng “bố già” vào thời ấy. Khắp Sài Gòn, Chợ Lớn, thậm chí cả Nam Kỳ lục tỉnh hễ

nghe danh Tư Mất là đều khiếp sợ (tất nhiên chỉ trong giới giang hồ và lương dân). Ở bài này, chúng tôi chưa nói đến Tư Mất, mà chỉ xin nhắc qua Sáu Ngọ, một người có dính líu tới “lịch sử đỏ đen” của Sài Gòn.

Người ta nói, người Pháp đến Việt Nam vào hạ bán thế kỷ 20 nói là khai phá một nước chậm tiến, nhưng lại mang theo hai thứ họa lớn: sự xâm lược đô hộ và một nếp sống sa đọa, ngoại lai. Sự sa đọa đầu tiên là nạn cờ bạc, hút xách. Nói như thế không có nghĩa là ở Việt Nam trước đó không có cờ bạc, và các tệ nạn xã hội, tuy nhiên nếu có thì cũng ở mức độ nhỏ, một thứ tệ nạn “nội địa” Phải đợi khi người Pháp có mặt, đồng thời được sự “tiếp tay” của một số người Hoa kiều, thì những gì của ngoại bang mới thực sự xâm nhập vào Việt Nam, đặc biệt là vùng đất phía Nam của nước ta (Sài Gòn là tiêu biểu). Người dân Sài Gòn đã bắt đầu nghe nói về những “thiên đàng” đỏ đen ở Macau, Monte-Carlo và Las Vegas. Và một hậu quả tất yếu của sự “lây nhiễm” này là sự ra đời của các sòng bạc, những nơi chốn mang hình thức casino*, và

* *Casino (hoặc Cazino): Nhà chơi (ở các nơi nghỉ mát)*

sự nổi lên của những “ông trùm”, trong số này có Sáu Ngọ.

Sáu Ngọ được dân Sài Gòn gọi bằng Thầy Sáu, không phải do có chức tước gì, hay giàu sang phú hộ gì, mà chỉ vì là Trùm. Ông nổi lên từ hàng dân đen, có máu giang hồ và có mộng làm “dân cậu”. Đầu tiên “thầy Sáu” bắt chước Tây, đứng ra lập các Xec (Cerle – Câu lạc bộ giải trí) riêng cho người Việt Nam. Thực chất đây là các sòng bạc, được tổ chức lén lút, trong phạm vi hẹp, tuy nhiên mức sát phạt thì không nhỏ.

Vào những năm đầu thế kỷ, hệ thống sòng bạc của Sáu Ngọ hiện diện khắp Sài Gòn – Chợ Lớn và các vùng phụ cận. Sáu Ngọ là chủ chứa, là trùm, hay gọi là “đầu nậu” cũng được, và nếu cần cũng có thể gọi là “bố già” của một dạng mafia* thời đó. Ông ta tổ chức bằng nhóm những tay anh chị, du côn để bảo vệ công việc làm ăn, đồng thời để trấn áp những địch thủ dám phá bĩnh việc “kinh doanh” của thầy Sáu. Giống như

* *Mafia (hoặc Maffia): Bọn bất lương*

kiểu mafia Ý, Sáu Ngọ gần như mua đứt làng lính, mua cả những quan tòa, biện lý người Pháp nổi tiếng là dũ dẩn, để vô hiệu hóa mọi sự cản trở hoạt động của ông ta. Sáu Ngọ còn chơi trội, dùng tiền mua luôn quốc tịch Pháp, lấy tên là Paul, và lộng hành càng dũ.

Đứng trước tình hình đó, một số quan tòa Pháp tỏ ra cứng rắn hơn, trong số này có biện lý Lafrique. Ông này quyết bằng mọi cách triệt hạ cho được Sáu Ngọ, đôi lần làm cho “vua cờ bạc” phải điêu đứng. Nhưng rồi bằng nhiều mảnh khóc, thủ đoạn, Sáu Ngọ vẫn tồn tại, và nạn cờ bạc vẫn lan rộng ở Sài Gòn, và các tỉnh Nam kỳ. Và đây là nguyên nhân dẫn tới việc ra đời một casino qui mô lớn hơn, đó là Đại Thế Giới và Kim Chung.

Đại Thế Giới (Grand Monde) được người Pháp chính thức cho thành lập với lý do: thà cho cờ bạc công khai, có lấy thuế, còn hơn để kiểu cờ bạc lén lút nhưng tràn lan như kiểu của Sáu Ngọ, vừa thất thu thuế, vừa bị xúc phạm đến quyền lực của chính phủ bảo hộ Pháp.

Đồng lúc thành lập với Đại Thế Giới có sông bạc Kim Chung ở khu vực Cầu Muối, Cầu Ông Lãnh (nay

là khu Dân Sinh, phường Cầu Ông Lãnh, TP.HCM), nhưng Kim Chung có qui mô kém hơn, đối tượng chơi thuộc loại bình dân hơn Đại Thế Giới, nên mỗi khi nhắc tới casino tiêu biểu của Sài Gòn, người ta hay nói đến Đại Thế Giới.

Đại Thế Giới tọa lạc trên đường Galliéni (nay là đường Trần Hưng Đạo – Q.5 TP.HCM), trong một khuôn viên rộng mênh mông, vòng rào tường cao, cửa ra vào có bảo vệ mặc đồng phục canh gác cẩn mật, người ra vào tự do, nhưng không phải ai cũng mạnh dạn vào, bởi muốn bước vào phải có tiền và bởi cái “sát khí” của thần đỏ đen luôn vừa quyến rũ thiên hạ, lại vừa hù dọa mọi người. Trên cổng lớn sáng rực ánh đèn néon, hàng chữ Grand Monde (Đại Thế Giới), như một lời xác nhận với mọi người dân Sài Gòn rằng nơi đó là sòng bạc được nhà nước bảo trợ, cứ mặc tình mà sát phạt!

AI LÀ CHỦ NHÂN ĐẠI THẾ GIỚI?

Phép hoạt động là của nhà nước cấp, nhưng tư nhân điều hành. Ngay từ đầu khai trương, ai cũng tưởng Sáu Ngọ hay vài tay có máu mặt sở tại sẽ được cho đứng thầu, nhưng không, chủ thầu là một tay nào đó từ Hồng Kông đến. Sở dĩ người Pháp cho các tay Hồng Kông trúng thầu vì họ hiểu rằng, chỉ có những người từng am tường về tổ chức sòng bạc tầm cỡ thì mới có khả năng đưa Đại Thế Giới lên ngang tầm với các sòng bạc ở châu Á. Người trúng thầu vốn xuất thân từ các sòng bạc ở Macau, đã sành sỏi về tổ chức casino, do đó ông ta đã rập khuôn từ mọi hình thức đến mọi mảnh khốe. Cùng kéo sang “miền đất hứa” mới với chủ còn có những cô hồ–lì (người đứng điều khiển cuộc chơi của từng môn đỏ đen, theo cách gọi của người Trung Hoa) xinh đẹp và sành điệu, thừa sức làm vừa lòng khách chơi, dù có bị thua cháy túi!

Ngay từ lúc mới mở cửa, Đại Thế Giới đã thu hút ngay con số khách đỏ đen kỷ lục: tuần lễ đầu luôn có

một vạn người tới thử thời vận mỗi ngày, nhà chứa thu vô không dưới một triệu đồng (một triệu đồng bạc Đông Dương hồi đó hết sức lớn, bằng bạc tỷ bây giờ). Tiền nộp cho nhà nước không phải ít, từ 200 nghìn, sau lên 300 nghìn và có lúc lên đến 500 nghìn/ngày, vậy chủ chứa vẫn hốt đậm hơn bất cứ ngành kinh doanh nào khác.

Khách chơi lúc đầu còn giới hạn trong giới trung lưu, đến người nhiều tiền, lần hồi thu hút tới những giới bình dân, cả phu kéo xe, phu bốc vác bến tàu, vì có đủ hình thức chơi, từ hốt me, tài xiu, đến roulette*, v.v... Người chơi không cần phải “động não” nhiều, và cũng không cần có nhiều vốn. Nhiều thua nhiều, ít thua ít, chỉ không đánh mới không thua! Vậy mà Đại Thế Giới như có bùa, như ma túy gây nghiện, nó có thứ ma lực lạ lùng càng lúc càng lôi cuốn người chơi lao vào như con thiêu thân trước ánh đèn. Thế là bước đầu người Pháp thắng một keo quan trọng. Loại được Sáu Ngọ một cách nhẹ nhàng, hiệu quả...

** Roulette: Bánh lăn. Bàn cò quay. Trò đánh bạc bằng cò quay)*

CUỘC CHIẾN ĐỎ ĐEN

Gọi là cuộc chiến vì không còn từ ngữ nào để dùng cho sát nghĩa hơn. Cuộc chiến giữa khách chơi và nhà cái, cuộc chiến giữa bản thân người chơi với gia đình họ, và cuộc chiến cực kỳ quyết liệt giữa những thế lực để giành quyền chi phối sông bạc Đại thế giới. Từ ngày Đại Thế Giới mở ra, đã có không biết bao thảm ảnh gia đình xảy ra. Có người là công chức cấp cao của nhà nước, giàu sang tột bậc, vậy mà chỉ trong vòng vài tuần “làm quen” với Grand Monde, đã nướng hết sản nghiệp vào đó, và tất nhiên là nướng luôn cả cuộc đời. Có những người vợ, những cô này bà nọ, chỉ vì ham vui, vào thử vài lần, rồi bắt bèn vào tiếp và... cuối cùng lột hết vòng vàng nữ trang, lấy cắp cả tiền ở nhà, “cúng” sạch, và sau đó là “cúng” luôn cả cái ngàn vàng của mình! Thời đó cầu Bình Lợi (thuộc quận Bình Thạnh bây giờ) được xem là nơi kết liễu những cuộc đời bất hạnh, sau một đêm cháy túi ở Đại Thế Giới...

Cả Sài Gòn, vùng phụ cận, cả Nam Kỳ lục tỉnh

nữa, và cũng không thiếu người ở những miền xa của đất nước đổ xô vào Sài Gòn, về với Đại Thế Giới lập lòe ánh sáng ma quái, để chơi, để khóc và cả để chết. Vậy mà như một luồng thác lũ, không thể ngăn nổi. Trong khi đó một cuộc đổ xô khác, ở phía những thế lực muốn nắm Đại Thế Giới, cũng đến hồi quyết liệt. Hồi ông vua cuối cùng của triều Nguyễn, Bảo Đại, Đại Thế Giới lại như rồng lên mây, như được chấp thêm cánh bay. “Đức quốc trưởng” Bảo Đại đã được người Pháp giao lại nguồn lợi Đại Thế Giới, như là một món quà ân thưởng, làm cho ông vua sành cò bạc này thích thú không gì bằng. Đệ nhị thế chiến nổ ra, tình hình sôi sục, nhưng vẫn không ảnh hưởng gì đến sông bạc Đại Thế Giới, nếu không muốn nói là nó còn chuẩn bị sức để phát mạnh hơn ở tương lai.

Giai đoạn “sục sôi” nhất của Đại Thế Giới là thời điểm giới “yêng hùng lực lâm” và vài tay chính trị hàng đầu của chính quyền Sài Gòn chĩa mũi dùi vào sông bài. Từ năm 1947 đến 1953, đã nhiều lần Đại Thế Giới nằm trong tầm ngắm của nhiều người. Đến khi xảy ra cuộc đối đầu chính trị giữa phe Ngô Đình Diệm với phe trung thành của vua Bảo Đại, thì rõ ràng có một

người rắp tâm nuốt chửng “cái máy hốt bạc” này. Người đó là Bảy Viễn, thủ lĩnh nhóm Bình Xuyên. Vốn là tay “anh chị”, từng nuôi mộng như Sáu Ngọ, nên khi được quyền lực trong tay, được “Hoàng đế cuối cùng” ủng hộ, được các tướng lĩnh thân Pháp hậu thuẫn, Bảy Viễn đã làm một cuộc “đảo chánh”, lật đổ sự thống trị của các nhà thầu người Hồng Kông khỏi lãnh địa Đại Thế Giới. Bình Xuyên đã trúng thầu khai thác Đại Thế Giới với giá 500 ngàn đồng mỗi đêm, thừa sức có tiền nuôi quân đóng bên kia cầu chữ Y của họ, và thả sức ăn tiêu, bỏ túi riêng. Đại Thế Giới như một mỏ vàng gần như vô tận, ai nắm được nó thì nắm được cả sức mạnh chính trị về tay mình. Đã có lúc người ta ngỡ là Bảy Viễn sẽ trở thành một nhân vật hàng đầu nhờ khai thác được nguồn béo bở đó. Kịp đến khi nổ ra cuộc “huynh đệ tương tàn” trong nội chính chính phủ miền Nam lúc đó, giữa Ngô Đình Diệm và Bình Xuyên, mà cuối cùng Bình Xuyên bị thua, tan rã và Đại Thế Giới cũng bị khai tử luôn. Những ngày đầu năm 1955 đã đánh dấu ngày tàn của Grand Monde, khi chính quyền thời đó trước áp lực của quần chúng, đã phải ngậm ngùi ký lệnh dẹp sông bạc lớn nhất Đông Nam Á.

GIAI THOẠI VỀ CÁC TỶ PHÚ SÀI GÒN XƯA

Người Sài Gòn thở phào nhẹ nhõm mỗi khi đi ngang qua nơi vừa “thiên đàng” vừa “địa ngục” mà không còn nhìn thấy mấy chữ Grand Monde –Đại Thế Giới...

TỶ PHÚ NGÀNH IN

Chuyện kể về những công dân ngành in, sau khi trở thành tỷ phú, chắc ngày nay ít ai tin, nhưng cách đây gần một thế kỷ, đó là sự thật!

Trong giới nhà in ở Sài Gòn cho đến những năm của thập niên 60, nhiều người vẫn còn biết về các ông chủ của ngôi nhà số 157 đường Tự Do (nay là Đồng Khởi) và một nơi nữa bên hông Bưu Điện hiện nay (phía đường Nguyễn Du). Đây là hai nơi mà một thời là hai ấn quán nổi tiếng. Nó gắn liền với ba tên tuổi được xem là tiền bối của ngành in ở Sài Gòn. Một người là

GIAI THOẠI VỀ CÁC TỶ PHÚ SÀI GÒN XƯA

Đình Thái Sơn, kế đó là Nguyễn Văn Viết và sau cùng là Nguyễn Văn Cửa. Họ chính là ba tỷ phú xuất thân từ thợ nhà in!

Đình Thái Sơn, người gốc Nghệ An, tha phương mưu sinh vào Sài Gòn từ tuổi thiếu niên. Nhờ theo đạo Thiên Chúa, nên ông xin được chân học việc ở nhà in thuộc nhà thờ Tân Định. Nghề dạy nghề, vài năm sau ông đã trở thành một tay thợ giỏi, và may mắn được ông Trương Vĩnh Ký, một học giả đang rất được nhiều người kính nể, nhất là các chức sắc tôn giáo quản lý nhà in, để “lọt mắt xanh” và được giới thiệu lãnh thầu một số công việc ngành in, trong đó có dịch vụ đóng sách. Dịch vụ này lúc đó thu khá cao, nên chỉ một thời gian làm ăn, ông Đình Thái Sơn đã phát lên dần. Và còn may mắn hơn nữa, ông được ông chủ nhà in Câu Toán ở đường d’Ormay (Mạc Thị Bưởi ngày nay) thương tình, gả con gái cho.

Bước tiếp theo sau đó, ông Sơn đứng ra tự thành lập một imprimerie (nhà in) lấy tên là Phát Toán và được ông bố vợ nhường hẳn chỗ cơ ngơi, biến nhà in cũ nhỏ hơn, thành một nhà in mới bề thế hơn. Từ đó việc làm ăn của ông Đình Thái Sơn lên rất nhanh, bởi

đó là buổi giao thời, việc in ấn sách báo Việt ngữ tỏ ra đặc địa. Rồi từ cơ ngơi đường d'Ormay, ông Sơn đã mua thêm căn nhà 157 đường Catinat, để khai trương ấn quán mới, lấy tên là l'Imprimerie de l'Union (Đồng Hiệp ấn thư cuộc). Lúc này có thêm một thân hữu lúc hàn vi của Sơn cùng tham gia, đó là ông Nguyễn Văn Viết.

Hai người bạn đồng hướng, cùng có tay nghề khá và tài kinh doanh, nên chỉ một thời gian sau, nhóm nhà in Union của họ đã có uy tín tại Sài Gòn, hầu như không một công việc in ấn nào không qua tay họ. Lúc đó cũng là giai đoạn Sài Gòn chuyển sang văn minh hóa cao hơn...

Có thể nói, nếu ông Đinh Thái Sơn là người đặt viên đá đầu tiên cho ngành in ấn thương mại tại Sài Gòn thì ông Nguyễn Văn Viết lại là người phát triển cho nó mạnh lên. Lúc bấy giờ tên tuổi hai người này đã thường nhắc đến trong giới công thương kỹ nghệ gia. Nhà in Union ở 157 đường Catinat được chuyển về cùng trường Tabert (đối diện hông trái Bưu điện Sài Gòn) và tiếp tục thế độc tôn của mình.

Tiếp bước hai vị trên, người thứ ba nổi lên từ đầu thập niên đầu thế kỷ 20, đó là ông Nguyễn Văn Của. Ông này về sau còn được gọi là Huyện (hàm) Của. Ông Của thuở thiếu thời rất nghèo, sống cơ cực trong một xóm ổ chuột, phải làm lụng vất vả ban ngày, đêm đến lại phải xách đèn lồng theo người chị gái đi bán chè, rong rui khắp thành phố. Mỗi khi đi qua trà đình tửu quán, nhìn thấy cảnh thiên hạ ăn chơi, cậu ta không hề ham muốn, mà chỉ có mỗi ham muốn cháy bỏng là làm sao để có tiền giúp đỡ gia đình... Có lẽ đó là động cơ mạnh mẽ, đã thúc đẩy ông quyết tâm học một cái nghề cho tương lai. Và nghề đó chính là nghề in ấn.

Tuy ý chí biến thành sự thực phải qua thời gian dài và gặp biết bao trở lực, nhưng cậu bé Của đã kiên trì vượt qua...Đầu tiên, cậu ta xin vào làm thợ tại nhà in của ông Đinh Thái Sơn và Nguyễn Văn Viết. Tại đây, Của được hai ông kia phát hiện khả năng, nên chẳng mấy chốc cậu bé đã được nâng đỡ và giao cho vai trò chính yếu trong nhà in. Cuối cùng, vào thập niên 10 của thế kỷ này, Nguyễn Văn Của đã chính thức cùng với Đinh Thái Sơn và Nguyễn Văn Viết trở thành là 3 trong số 10 nhà giàu có nhất tại Sài Gòn!

Qua câu chuyện làm giàu của họ như vừa kể, ta thấy tuy họ có được sự giúp đỡ cũng như có một số may mắn ban đầu, nhưng chủ yếu vẫn là do nỗ lực từ bản thân họ là chính. Họ đã nhẫn nại và biết nắm bắt cơ hội để đứng vững trên thương trường. Về mặt này mặt nọ, những người này tuy chưa phải là các nhân tố tích cực của giới tư bản thời đó, nhưng dù sao chuyện “biết làm giàu bằng công sức lao động” của họ cũng rất đáng cho chúng ta trân trọng...

DÂN NHÀ GIÀU SÀI GÒN XƯA CHƠI XE

Dân Sài Gòn từ lâu đời vẫn được tiếng là chịu chơi. Tính chịu chơi này chẳng riêng gì người giàu, mà ngay giới bình dân cũng có máu đó... Bài này kể chuyện chịu chơi của một số triệu phú, nhưng cũng không thiếu những “dân đen”...

Sài Gòn ngót một thế kỷ trước, đó là thời của nhiều tên hảo hán, các phú hộ đặc thời, những người có những cách chơi ngông mà cho đến ngày nay vẫn còn được nhắc đến. Chỉ nói chuyện chơi xe thôi, thì phải nhắc tới các loại người sau đây: Một là các chàng

ông tử như Hắc, Bạch công tử, và một kia là loại như Bảy Viễn, Sáu Ngọ. Hồi đó, kỹ nghệ xe hơi còn phôi hai, nên chỉ có ít hiệu xe như Panhard, Delage. Trac-
ion. Citroën, Ford... Và sau đó là hai hiệu xe mới hơn, đó là Vedette và Rolls Royce. Vedette là loại xe bụi tổ
hàng, được liệt vào hàng “oai vệ” nhất thời ấy, nhưng
lĩ nhiên là không thể bì được với hiệu xe Rolls Royce
quý tộc. Nghe nói vào những năm đầu của thập niên
1930, khi mà Sài Gòn mới bắt đầu làm quen với xe hơi,
hì toàn vùng Sài Gòn Chợ Lớn, Gia Định có chưa tới
100 chiếc ô-tô. Người có chiếc Delage “chiến đấu” nhất
úc ấy là vị Thống Đốc Nam Kỳ, xe của ông ta mang
số lưu hành 100, mỗi khi chạy tới đâu thì có lính đi
dẹp đường đến đó, chẳng phải sợ ai ám sát, mà chẳng
qua ngại xe bị trầy!

Người thứ hai chơi xe hơi đó là vua cờ bạc Sáu
Ngọ. “Thầy Sáu” nhờ tổ chức sòng bạc nên giàu nứt
vách, dư tiền nên chơi sang, cũng mua một chiếc
Delage và hai chiếc Panhard cáu chỉ. Chiều chiều, thầy
Sáu ngồi xe đi dạo, tuy không có lính đi dẹp đường,
nhưng đi đâu cũng rầm rộ tới đó, bởi thời ấy ai nhìn
thấy một chiếc xe hơi thấy đều trầm trồ, nhìn không

nháy mắt! Về sau, Sáu Ngọ còn sắm thêm vài chiếc Traction nữa...

Sau thế chiến thứ nhất, sắp bước vào nửa thập niên 30, là thời của các chàng công tử ở Nam Bộ. Hắc công tử Bạc Liêu, rồi Bạch công tử Mỹ Tho, là những người như chúng ta nghe nói, thuộc loại chơi nông số một, cho nên khi họ muốn chơi xe, thì cũng rất khác đời. Thời đó các dân chơi rất khoái các loại xe mui trần (décapotable), đi cho mát, đồng thời cũng để cho thiên hạ dễ nhìn thấy mặt người ngồi trong xe! Có lẽ bởi lý do này, nên dù đã có hàng chục xe hơi riêng, vậy mà đi đâu các chàng công tử vẫn khoái ngồi xe kéo hơn, để còn được dịp xài sang, lấy tiếng với dân nghèo.

Có người kể lại rằng, khi nghe người ta nói đến loại xe Rolls Royce trứ danh, cả hai chàng công tử đã nhờ hãng Charner gửi “còm-măng” mỗi người một chiếc, giá cả “bí thì bí”, không thành vấn đề. Không ngờ, khi hãng sản xuất điều tra ra lai lịch của hai chàng, họ đã từ chối không bán. Hỏi ra mới biết, hãng Rolls Royce chỉ bán cho những loại khách có máu mặt như vua chúa, hay các tỷ phú nổi tiếng trên thế giới!

Có lẽ do bị ức vì chuyện đó, nên sau này, khi qua Pháp, dù có điều kiện đi xe Rolls Royce, nhưng Bạch công tử thể không bao giờ bước lên hiệu xe đó! Cũng may, chứ không thì gia sản của chàng ta sẽ hụt đi một số tiền khổng lồ cho khoảng chơi xe Rolls Royce.

Cỡ như Sáu Ngọ hay các chàng công tử kể trên chơi xe thì còn có lý, bởi họ vốn nông cuồng. Còn như Bảy Viễn (thuộc Bình Xuyên) mà cũng đua đòi chơi xe. Nguyên là, khi đã hùng cứ một vùng đất bên kia cầu chữ Y, một hôm Bảy Viễn gọi một tay em tới hỏi: “Cỡ như tao, có quyền mua Rolls Royce không” Tên đàn em thuật lại chuyện hai công tử bị bẽ mặt ngày trước và khuyên Bảy Viễn không nên “phiêu lưu”, nhưng Bảy Viễn vẫn không nghe, cứ chuyển tiền sang Anh Quốc xin mua. Kết quả là, một lần nữa hãng Rolls Royce đã từ chối với lý do: “Không nằm trong danh sách cung cấp”.

Có lẽ bởi thế, cho nên sau đó Bảy Viễn chỉ thích dùng toàn xe của pháp. Ông ta sắm một lúc 100 chiếc Peugeot 203 và 403 dùng chở khách từ Sài Gòn đi Vũng Tàu và Đà Lạt, lấy tên là đội xe “Nghĩa Hiệp”.

Qua kiểu chơi xe của Bảy Viễn, sau này một số nghệ sĩ cải lương ở Sài Gòn (cũ) cũng có mode chơi xe rất ngông, thích phô trương hơn là làm phương tiện đi lại. Ta còn nhớ, thời hoàng kim của cải lương miền Nam (thập niên 50-70), các chàng kép hát dù phải vay tiền nóng với lãi suất rất cao nơi các “mẹ mìn”, nhưng họ vẫn vay, chỉ để mua cho được những chiếc xe đời mới. Mua rồi đổi, đổi rồi lại mua... Cứ thế, gần như suốt đời họ vẫn mang nợ một ai đó và cái thú chơi xe!

Dân Sài Gòn xưa chơi xe như thế đó. Rất ngông, nhưng họ lại rất khoái. Nhiều người cho rằng tại vì đó là... máu chịu chơi! Cũng qua những cách chơi như vậy, ta ngẫm lại những câu chuyện về cuộc đời các tỷ phú trong tập sách này, sẽ hiểu tại sao họ làm giàu quá dễ, nhưng giữ của được lâu dài thì họ (và con cháu họ sau này) lại tỏ ra không nổi trội bằng... Người rành chuyện cho rằng, giữa máu hảo hán và máu kinh doanh, làm giàu, luôn luôn đối nghịch nhau.

Dù sao, những gì vừa kể, dù thật hay huyền thoại, dù còn trong thực tế hay chỉ là dĩ vãng xa rồi, cũng đủ cho ta một chút gì đó để nhớ, để có đôi chút thú vị...

PHẦN PHỤ LỤC

HẢO HÁN SÀI GÒN, DÂN CHƠI BẾN NGHÉ

Trong suốt 300 năm ra đời và phát triển, Sài Gòn đã sản sinh ra vô vàn sự việc, con người, từ điều tích cực đến tiêu cực... Sài Gòn muôn vẻ, muôn mặt. Trong số này không thể ghi lại hết những nét rất Sài Gòn, đó là những nhân vật đã có thời được gọi là hảo hán...

Những nhân vật được dân Sài Gòn nhắc tới nhiều nhất trong giới giang hồ, hảo hán, trước hết phải kể đến hai người, Phan Xích Long và Tư Mất. Hai người này tuy có hai tính cách khác nhau, nhưng lại mang một đặc trưng rất Sài Gòn, nên được thiên hạ nhớ lâu.

Phan Xích Long tên thật là Phan Phát Sanh, con của Phan Núi, một viên chức cảnh sát vùng Chợ Lớn. Thời niên thiếu, Phan Xích Long ít học, chỉ thích tụ tập bạn bè vui chơi. Lớn lên, không làm được thầy thông, thầy ký như ý cha mẹ mong muốn, nên Xích Long phải đi làm sớm để mưu sinh. Việc làm đầu tiên của ông là làm bồi cho Tây. Thời đó dân bồi Tây thường thuộc thành phần “anh chị”, dao búa, nhưng riêng Phan Xích Long thì không hẳn như vậy. Ông, ngoài thì giờ làm việc, còn tụ tập bạn bè lại để bàn chuyện... bí mật. Chuyện bí mật đó chỉ ít lâu sau đã lộ rõ, làm cho không ít người trong nhóm phải giật mình! Thì ra, tuy ít học, làm bồi Tây, nhưng Phan Xích Long lại mang một hoài bão rất lớn, đầy tính chất phiêu lưu, chẳng khác nào chuyện của các anh hùng Lương Sơn Bạc: Phan Xích Long “xung đế”, tự nhận mình là thái tử của vua Hàm Nghi. Đến lúc đó thiên hạ mới vỡ lẽ ra, từ lâu Phan Xích Long đã âm thầm liên kết với nhóm anh em trong giới giang hồ, để chuẩn bị cho một cuộc khởi nghĩa.

Chẳng biết cuộc chuẩn bị đến đâu, chỉ khi có mật tin trong giới với nhau, người ta mới hay rằng “hoàng đế” Phan Xích Long đã truyền hịch nổi dậy! Người trong

nhóm tuân thủ đã đành, mà cả người ngoài, tức những người dân đen bị áp bức cũng ủng hộ vô điều kiện. Song, có lẽ do tổ chức quá gấp gáp, nhiều sơ hở, nên cuộc “khởi nghĩa” đã sớm tan rã, do sự đối phó, đàn áp dã man của chính quyền Pháp lúc ấy. Phan Xích Long và vài thân tín chạy thoát được, lánh nạn ra tận Phan Thiết, còn các đồng đảng của ông thì bị bắt rất đông, bị đưa ra xử ở toà đại hình về tội làm loạn. Phiên toà gây xôn xao dư luận, kéo dài từ ngày 5 đến ngày 12-11-1913 (Quý Sửu). Phan Xích Long cũng bị bắt, bị đưa xử chung trong phiên toà đó. Những bản án quá nặng đã được tuyên, nhằm làm giảm nhuệ khí những ai còn có ý định làm loạn như vậy. Phan Xích Long và một số tay chủ chốt bị kêu án chung thân. Chuyện không kết thúc ở đó, mà còn bi thảm hơn và đầy hào khí, đầy tính Thuỷ Hử, khi sau đó các đồng đảng của họ Phan đã âm thầm tụ họp và dự tính một cuộc cướp ngục, hầu giải thoát cho thủ lĩnh của họ. Kháms lớn thời ấy nằm ở khu vực Thư viện Thành phố ngày nay (trong tứ giác Lê Thánh Tôn–Nguyễn Trung Trực–Lý Tự Trọng và Nam Kỳ Khởi Nghĩa). Vào nửa đêm 12 tháng Giêng năm Bính Thìn (1916), nhóm cướp ngục

đã từ nơi xuất phát ở chân Cầu Móng (Quận 4 giáp ranh Quận Nhì– nay là Quận Nhất), nhóm người dưới danh nghĩa Thiên Địa Hội, đã bất thần tràn lên, hướng về phía Khám lớn để mở cuộc tấn công, nhằm phá ngục cứu “hoàng đế” Tất cả các thành viên nổi dậy đã gây được sự chú ý của người dân Sài Gòn, bởi họ đều ăn vận quần đen, áo trắng, cổ đeo đầy những đạo bùa chú rất lạ (mà theo họ quan niệm là có thể chống được súng đạn). Họ chỉ vũ trang giáo, mác, gậy gộc... Nhưng khí thế thì hùng hực! Tuy vậy, giáo mác và khí thế đâu làm sao chống lại được với súng đạn thật. Cho nên chỉ sau vài giờ nổi dậy, chưa phá được khám thì toàn bộ lực lượng đã bị đánh tan. Ba người bị bắn chết ngay tại cổng Khám lớn, 4 người nữa bị giết trên đường thoát thân, một số rất đông bị bắt giam vào đúng nơi họ định phá ngục cứu thủ lãnh!

Tòa đại hình Sài Gòn kết án tử hình 38 người. Trong đó có Phan Xích Long. Cuộc xử bắn sau đó được thi hành tại Đồng Tập Trận vào ngày 20-2 và 16-3-1916. Tổng cộng trước sau có tất cả 57 người đã ngã xuống vì đại cuộc của Phan Xích Long. Tuy chưa làm được điều định làm, nhưng dù sao chính hành động

này của họ Phan cũng đã gióng lên hồi chuông báo động cho các cuộc vùng dậy của nhân dân Sài Gòn sau này...

TƯ MẮT

Đồng thời với Phan Xích Long là Tư Mắt. Người này không có được chí lớn và hành động chống Pháp giải thoát người nghèo như Phan Xích Long. tuy nhiên, anh ta vẫn được người Sài Gòn nhắc tới, bởi tính cách giang hồ vào thời ấy.

Tư Mắt tên thật là Nguyễn Văn Trước, sinh ra và trưởng thành tại vùng Chợ Lớn. Lớn lên làm thợ hót tóc, rồi sau đó làm chủ tiệm, mở cửa tiệm hót tóc tại số 200 đường Marins (đường Thủy Bình, sau đổi là Đồng Khánh – nay là Trần Hưng Đạo B). Vào những ngày đầu thế kỷ XX, khắp vùng Sài Gòn – Chợ Lớn (và cả Nam Kỳ lục tỉnh) không ai không nghe danh “đại ca Tư Mắt”, bởi ông ta là tay giang hồ hảo hán bạo gan,

bạo phổi mà hành động nặng tính Lương Sơn Bạc nhất. Đã có nhiều “huyền thoại” chung quanh cuộc đời ngang dọc của con người này, đến nỗi, dù cho Tư Mất hành động cướp bóc cũng được ngợi khen, bởi nhiều người cho rằng Tư Mất lấy tiền của kẻ giàu đem chia cho người nghèo.

Tương truyền, Tư Mất có đến hàng ngàn đồng đảng ở khắp nơi. Ông ta cầm đầu những cuộc cướp của nhà giàu, chứa bạc và cả những dịch vụ làm ăn không rõ nguồn gốc... Sở dĩ Tư Mất được xưng tụng là hảo hán, có lẽ do những hành động đơm chất Tống Giang, Vớ Tòng của Thủy Hử, hoặc hành động như Đon Hùng Tín trong truyện Thuyết Đường. Ai đã quen biết với Tư Mất, từng được “anh Tư” che chở, đều bái phục chất hảo hán rặt Nam Bộ của anh ta: đàn em bất kể là người nào, nếu lúc bình sinh chịu khuất phục Tư Mất thì lúc hoạn nạn, dù ở hoàn cảnh nào, cũng được “anh Tư” ra tay cứu vớt. Thậm chí có người khi bị sa cơ, ở tù, người nhà không thấy ai thăm viếng, chỉ thấy Tư Mất hoặc đàn em của anh ta đến thăm tận khám đường, tiền bạc quà cáp đầy đủ và còn có thể được Tư Mất bỏ tiền ra lo cho tại ngoại.

Thời đó, chính quyền Pháp hình như ngại đụng chạm đến Tư Mất, một phần vì lực lượng “đầu gấu” trong giang hồ của Tư Mất quá đông, nhưng phần quan trọng là họ sợ chạm đến lòng ngưỡng mộ Tư Mất của số đông dân nghèo. Có một câu chuyện được kể lại rằng, vào một ngày nọ, khi Tư Mất cùng vài đồng bọn tới một ngôi chợ nhỏ, đang ngồi ăn uống thì bị lực lượng cảnh sát bao vây. So về tương quan lực lượng thì phía Tư Mất thua chắc, dù đại ca có giỏi võ đến đâu....Nhưng, thật bất ngờ, một đám đông chẳng biết từ đâu, đã bất thần tấn công cảnh sát, giải thoát cho đại ca Tư Mất! Sau hiểu ra mới hay những người đó là đám dân nghèo, chỉ vì mến mộ Tư Mất nên đã liều thân!

Ngày 14-5-1915, Tư Mất bị đưa ra trước Toà Đại hình ở Sài Gòn, bị khép tội du côn, kèm theo tội tham gia hội kín ủng hộ Ông Cường Để. Tưởng chừng với tội danh đó người Pháp sẽ kêu một án rất nặng, nhưng thật bất ngờ, Tư Mất chỉ phải lĩnh có mấy năm tù. Tư Mất ở tù chẳng phải xảy ra vụ cướp pháp trường như vụ Phan Xích Long, có lẽ người Pháp đã dàn xếp sau đó... Khi ra tù, Tư Mất có vẻ trầm tĩnh hơn, dù đám đàn em vẫn một mực tôn sùng, bái phục.

Ở tuổi 50, bỗng dưng Tư Mất rũ áo giang hồ, có lẽ do hối lỗi những gì mình đã gây ra trong suốt một thời gian dài, nên xin vào làm công quả ở chùa Giác Lâm (Bình Thới – Phú Thọ). Nghe nói ông ta chết già trong âm thầm lặng lẽ ở ngôi chùa đó...

DÂN CHƠI BẾN NGHÉ

Ngoài hai tên tuổi nổi bật nêu trên, Sài Gòn còn khá nhiều các hảo hán, mỗi người một vẻ, người hùng cũng có, xỏ lá ba que cũng không thiếu. Tất cả họ, dù là hảo hán thứ thiệt, hay hảo hán nửa mùa, đều luôn hãnh diện tự cho mình là “chơi theo kiểu Nam Bộ” với phương châm “hành hiệp”, lấy câu “hoạn nạn tương cứu, sinh tử bất ly” làm đầu. Nhưng cũng không thiếu những người như Bảy Viễn, lúc còn là dân giang hồ thì luôn miệng thề thốt trọng nghĩa khinh tài, nhưng khi đã có của (do người Pháp cung cấp) thì lại tỏ ra gian ác xỏ lá không ai bằng! Nhưng nói chung, đã là dân giang hồ chính hiệu, dân hảo hán Sài Gòn trăm

phần trăm thì luôn “chơi đẹp”, móc ruột gan ra chơi với bằng hữu, luôn tỏ ra “bảnh” khó bì!

Nói về vụ chơi bảnh, xin kể hai giai thoại sau đây, để cho thấy cách chơi đặc trưng Nam Bộ. Đầu tiên là của Sáu Ngọ, vua cờ bạc, đồng thời là tay hảo hán cỡ bự của Sài Gòn. Một hôm, đi chơi phố Catinat (Đồng Khởi ngày nay), Thầy Sáu (biệt danh do em út tặng cho Sáu Ngọ) ghé vào một hiệu bán nón (mũ) do người Pháp làm chủ. Thời đó, những chiếc nón nỉ (thường của Pháp, Ý) rất đắt tiền, chỉ dành cho dân Tây hoặc nhà giàu. Bởi vậy, khi nhìn thấy Sáu Ngọ với trang phục lôi thôi, tên chủ tiệm người Pháp đã có ý khinh khi. Đến khi thầy Sáu lên tiếng hỏi mua vài chiếc nón đội chơi, tên chủ trả lời mà có ý đui khéo: “Nón này mắc lắm, anh không mua nổi đâu!”. Sáu Ngọ thông hiểu tiếng Pháp, nên nghe câu trả lời đã nổi điên, ông ta hất hàm bảo chủ tiệm: “Còn bao nhiêu cái nón, lấy hết cho tao!” Nói xong, ông ta móc ra một xấp tiền trả “cái rẹt”! Tên chủ người Pháp quá bất ngờ, nên sau đó riu riu gói hơn một chục chiếc nón, kèm theo câu trịnh trọng: “Merci Monsieur” (Xin cảm ơn ngài).

Chuyện thứ hai thuộc về Hội đồng hàm, Trần Trinh Trạch, cha của Hắc công tử Bạc Liêu, Trần Trinh Qui (Ba Qui). Ông này tuy đã già, nhưng lúc nào cũng muốn chứng tỏ mình là “dân chơi” thuộc loại hảo hán, như muốn cho mọi người biết: “Tao như vậy, nên mới sinh ra thằng Hắc công tử Ba Qui như thế...”. Một hôm, Hội đồng Trạch lên chơi Sài Gòn, nhân đó muốn sắm xe hơi chạy về Bạc Liêu cho oai. Ông ta ghé lại hãng Charner (Trung tâm Bách Hóa TP.HCM ngày nay), là nơi duy nhất bày bán các loại ô tô mới từ châu Âu đưa qua. Thời ấy, chỉ những quan Tây cỡ lớn, hay những nhân vật phú hộ người bản xứ thuộc loại tiếng tăm lừng lẫy mới đủ khả năng sắm những chiếc xe hơi hiệu Peugeot, Delage, Panhard, Ford... đang được trưng bày một cách nghênh ngang trong cửa hàng. Bởi vậy, vào một buổi sáng chủ nhật, khi thấy một cụ già búi tóc, mặc áo bành tô, quần lụa lèo, chân đi giày hàm ếch bước vào, những vendeurs (người bán hàng) đã không thèm chào hỏi. Đến khi ông cụ lên tiếng hỏi giá cả từng loại xe thì bị ngay những cái trợn mắt khinh thị, một tên bán hàng còn hỏi trịch thượng: “Ông có bao nhiêu tiền mà dám hỏi chiếc xe đó?”. Hội đồng Trạch

tức khí, vừa vỗ vào hầu bao đeo ở thắt lưng vừa quát: “Tao mua hết cả nhà tụi bây cũng còn được nữa là!” Rồi ông ta leo lên xe, bảo thủ hết chiếc này đến chiếc khác. Cuối cùng, ông ta mua chiếc Delage loại “chiến” nhất, giá trên 2000 đồng (nên nhớ rằng thời ấy chỉ vài chục đồng một lượng vàng). Đến khi ông mở gói tiền toàn giấy bộ lư (tiền 100 đồng, loại tiền giá trị lớn nhất lúc đó) ra, mọi người trở mắt nhìn, mấy tên vendeurs tên to, dạ dạ vâng vâng rồi rít!

Về sau, Hội đồng Trạch vẫn còn khoái chí chuyện đó. Ông ta luôn khoe: “Tao cho tụi nó biết thế nào là hảo hán đất Nam Bộ!”

HỒN MA CON GÁI CHÚ HỎA

Do chú Hỏa (Hui Bon Hoa) quá giàu và được người Sài Gòn coi như một nhân vật huyền thoại, do đó những điều thêu dệt quanh ông và gia đình ông cũng không ít. Trong số này có câu chuyện mà mãi đến ngày nay vẫn còn là điều bí ẩn...Chúng tôi ghi lại đây qua một số truyền thuyết, chưa chắc đã chính xác, nhưng cũng xem như là một tư liệu để góp thêm vào sự hiểu biết về chú Hỏa...

BÓNG MA TRONG LẦU ĐÀI

Vì cuộc sống của một phú hộ như chú Hỏa quá biệt lập nên mọi chuyện riêng tư của gia đình này lọt được ra ngoài chỉ bằng những lời đồn đãi.

Thực hư ra sao chưa được kiểm chứng, nhưng hầu như người sống ở Sài Gòn lâu đời cũng đã từng nghe, tuy có nhiều cách bàn tán, nên có nhiều tình tiết không đồng nhất. Một trong những truyền thuyết đó là một bóng ma thường xuất hiện trong tòa dinh thự rộng lớn của gia đình chú Hỏa! Chuyện này do một số á-xâm hầu hạ trong nhà tiết lộ ra.

Họ nói rằng cứ đêm đêm thường có những tiếng khóc tỉ tê trong một căn phòng trên lầu vắng. Và đã có lần họ nhìn thấy một người con gái mặc toàn trắng, tóc xõa dài chấm đất, đứng ở đầu cầu thang.

Những tôi tớ trong nhà báo chuyện này cho chủ, nhưng chủ gạt ngang và còn cấm nói ra ngoài. Một người hầu già sau này kể lại rằng bà được lệnh của bà chủ, hàng ngày phải mang một mâm cơm lên một phòng không người ở trên lầu, mà theo bà chủ giải thích thì

đó là để cúng cho một người khuất mặt được thờ trong nhà.

Có điều lạ là cửa phòng không hề được mở, nên không biết được bên trong thờ ai. Người hầu già bung mâm com mỗi bữa lên đặt vào một ô cửa nhỏ bằng một gang tay, rồi cứ để đó và đi xuống.

Người ta đã dặn bà này thật kỹ, coi như một nghiêm lệnh: “Khi mang com lên phải đi lùi. Đặt xong mâm com xuống thì phải bước đi ngay, không được quay đầu lại, nếu trái lời sẽ bị bẻ cổ học máu chết liền!”

Với lời đe dọa đó thì đâu có người nào dám cãi. Những mâm com cứ thường xuyên mang lên cúng với toàn món ngon vật lạ. Nhưng có một điều hết sức kỳ lạ là hầu như mâm com cúng nào khi được dọn đi cũng đều hết sạch như có người vừa ăn!

Chính điều đó đã làm cho những người hầu hạ trong nhà sợ hãi thêm. Họ tin chắc là người “khuất mặt” trong căn phòng kia đã “hiển linh” hiện hồn về!

Vì quá sợ nên người hầu già xin nghỉ việc, nhưng bà đã được cho nhiều tiền cùng những lời động viên

nên rồi cuối cùng đã ở lại tiếp tục công việc “lạnh xương sống” kia!

“NGƯỜI ĐẸP” TRONG NHÀ MỒ

Vẫn theo truyền thuyết thì sau đó ít lâu, bỗng có tin một cô con gái trong lâu đài đã mang “bệnh kín” và từ trần. Đám tang được tổ chức khá âm thầm, theo chủ gia thì bởi cô này chết nhằm giờ trùng, lại mang bệnh lạ nên không làm đám tang rình rang theo lệ con nhà giàu.

Người chết được an táng trong một ngôi nhà mồ ở vùng ngoại ô xa, nơi mà gia đình Chú Hỏa có một ngôi biệt thự dùng để nghỉ mát cuối tuần. Người hầu già hồi trước cũng được điều tới để lo nhang khói trong ngôi nhà mồ này, đặc biệt là vẫn mỗi bữa một mâm cơm cúng và những điều kiện nghiêm ngặt như trước

Chỉ một tháng sau lại có một tin giạt gân được tung ra làm thót tim người chung quanh: ma hiện hồn trong nhà mồ!

Nhiều người đã rình và thấy được cứ vào nửa đêm thì có một bóng trắng của một cô gái xõa tóc đi ra từ trong nhà mồ...

Câu chuyện ma hiện hồn đã lan truyền rộng khắp vùng, nên hễ trời tối là ít có người dám bén mảng tới. Kể cả thân nhân người chết cũng ít tới lui...

HAI TÊN TRỘM

Trên đời này, có lẽ chỉ có những tay trộm đêm là không hề biết sợ ma! Bằng cứ là đã từng xảy ra những vụ đào mồ để lấy cắp vật quý chôn theo người chết.

Nhưng đó là đối với những ngôi mộ mới chôn, mộ bình thường, không có triệu chứng là có ma. Chứ còn như khu nhà mồ của dòng họ Chú Hỏa thì câu chuyện ma hiện hồn đã làm cho thiên hạ khiếp vía đâu riêng gì lũ trộm?

Vậy mà có hai con người không sợ. Chỉ sau khi có tin ma hiện độ vài tuần là có hai bóng đen lén vào nhà mồ lúc trời sập tối, trăng chưa lên. Mục tiêu của

chúng là chiếc quan tài của cô gái mà chúng nghi là có chôn theo nhiều của quý giá. Vì theo tục lệ người Tàu, nếu là con gái cung hay vợ yêu mà bị chết thì gia chủ cho liệm theo xác nhiều vật quý như vàng, ngọc. Đặc biệt họ tin rằng một cục vàng hay viên ngọc bỏ vào miệng cho xác chết ngậm sẽ giúp cho người chết được an hưởng chốn suối vàng, đồng thời người sống trên dương thế cũng sẽ được phúc lộc theo, sẽ làm ăn phát đạt.

Hai tên trộm dùng xà ben nạy nắp áo quan dưới ánh đèn pin... Vậy mà khi nắp quan tài bật ra, bọn chúng phải sửng sốt kêu lên, vì quan tài trống không, chẳng có đồ đạc, cũng chẳng có xác chết!

Trong lúc hai tên còn đang ngơ ngác thì chợt xuất hiện sừng sững giữa nhà mồ một người con gái mặc toàn trắng, tóc dài quá gót, đang cất lên một tiếng rú kinh hoàng!

Hai kẻ bất lương bỏ cả đồ nghề, ù té chạy bán sống bán chết, chạy đến khi va đầu vào một gốc cây và nằm lăn ra...

SỰ THẬT VỀ HỒN MA

Cũng như là lời truyền miệng sau này về hồn ma con gái Chú Hoả, theo người am hiểu thì Chú Hoả có một cô con gái (có người nói là cháu gái, cũng có tin nói là một cô hầu gái cưng yêu của ông chủ) chẳng may bị bệnh nan y lúc bấy giờ, đó là bệnh cùi. Bệnh phát nhanh nên dù có nhiều tiền cũng chữa không khỏi được.

Đến khi bệnh hành quá, gia chủ phải nhốt cô ta vào phòng riêng, không cho ai thấy, hằng ngày mang thức ăn nuôi dưỡng. Đến lúc bệnh quá nặng thì chuyển ra nhà mồ, giả như người chết, để tránh tai mắt của mọi người. Và cũng nhằm ngăn sự tò mò của kẻ hiếu kỳ, gia chủ đã tung tin ma hiện hồn về cho thiên hạ sợ.

Thời gian sau, nghe đâu cô gái đó chết thật, xác được chôn đúng nơi cô giả chết. Và lại có tin, lần này cô ta đã hiện hồn thật?

Hư thật ra sau, theo năm tháng qua đi rồi cũng chẳng ai kiểm chứng được gì, và câu chuyện chìm vào quên lãng. Ngày nay còn lại chẳng là ngôi đình cơ đồ

GIAI THOẠI VỀ CÁC TỶ PHÚ SÀI GÒN XƯA

sộ kia, cùng với cái danh tiếng chú Hỏa và câu chuyện gần như hoang đường được mỗi người thêm dệt đôi chút cho thêm phần hấp dẫn...

GIẤC MƠ SÀI GÒN CÔNG NGHIỆP HÓA

Những bài trong tập sách này hầu hết đều viết về những việc của Sài Gòn thuộc dĩ vãng, ngót một thế kỷ trước...Để thú vị hơn, trong phần phụ lục này, chúng tôi sẽ có riêng hai bài.một nói về một Sài Gòn của tương lai. Qua dạng một phóng sự viễn tưởng, tác giả đã phóng xa giấc mơ của mình, để mơ một giấc mơ thật kỳ thú về thành phố Sài Gòn thân thương. Do là giấc mơ, cho nên những gì bạn đọc được có thể không có, chưa có, nhưng cũng có thể những điều đó sắp thành sự thật...”.

Mồng một Tết

Tôi mở tung cửa sổ, cửa cái, đón ngọn gió xuân lùa về. Hương hoa từ vườn nhà tỏa nhanh, làm thơm nức cả gian phòng rộng. Nhà của tôi đang ở, thuộc khu đô thị mới, quận 2 (Thủ Thiêm trước đây), Thành phố Hồ Chí Minh, một khu biệt thự khá sang trọng, mà tôi là một trong hơn 10.000 công nhân nghèo, được nhà nước cho mua trả góp trong vòng 50 năm. Đây là cái Tết đầu tiên chúng tôi đón ông bà trong nhà mới, nên mọi người đều rất phấn khởi, náo nức chờ để được tận hưởng cái hương vị ngọt ngào mà cả đời chúng tôi mới có được.

Tờ lịch trên tường in đậm những con số 2005. Vâng, chúng tôi đang sống trong 5 năm đầu của thế kỷ 21. Đất nước Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh đã bước những bước thần kỳ, nên chỉ trong vòng 10 năm đã hoàn toàn khác với những gì có trước năm 1997. Một thành phố công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vượt lên đứng đầu ở Đông Nam Á.

Đứa con út của tôi, thuộc thế hệ trưởng thành vào

đầu thế kỷ 21, đã lên tiếng, đưa ra lời đề nghị đầu năm:

–Con có vé đi xem vũ kịch ở nhà hát ca múa nhạc Sài Gòn, con mời cả nhà đi xem để lấy hên đầu năm.

Đứa con gái giữa của tôi được dịp khoe sự sành sỏi của mình:

Nhà hát vũ kịch Sài Gòn kể từ ngày khai trương 5 năm trước đây, bây giờ mới có một chương trình hay đến như thế này. Cuộc phối hợp biểu diễn toàn châu Á lần này được đánh giá là hoành tráng và lộng lẫy nhất thế giới, trong đó đội ca múa nhạc của Việt Nam sẽ làm rung động hàng triệu con tim yêu nghệ thuật.

Đứa con gái đầu lòng của tôi thì đề nghị:

–Đi đâu cũng được, nhưng trước hết phải lên cầu mới Sài Gòn, chụp mấy kiểu ảnh đầu năm. Bố biết không, cây cầu mới được xây dựng xong vào năm 2000, được so sánh là đẹp ngang với cầu ở cảng Sydney bên Úc đó!

Bà xã tôi là người thích phong cảnh, đ. sợ mất phần, nên vội lên tiếng:

–Đi xem hát, chụp ảnh xong, chúng ta sẽ ghé qua

nhà cao nhất Đông Nam Á, mới xây ở Thủ Thiêm, lên tầng thứ 100 để ăn tôm càng nướng, ngồi nhìn phong cảnh tuyệt vời.

Cuộc xuất hành đầu năm đã được thống nhất, giờ tới phần phương tiện khởi hành. Đến 8 người lớn, nên phải tính tới phương án đi bằng hai xe. Tôi bảo:

–Bố lái một xe, thằng út lái chiếc kia, chúng ta ra thẳng cầu mới.

Bà xā tôi đề nghị thiết thực:

–Chúng ta chỉ đi có mấy nơi, thì việc gì phải dùng xe riêng. Tất cả đi xe điện ngầm, vừa khánh thành hôm đầu tháng.

Ý kiến khá hợp thời, cả nhà đồng ý ngay. Đứa con lớn của tôi còn nói:

–Tàu điện ngầm của Việt Nam thuộc loại hiện đại nhất nhì của châu Á, giá rẻ hơn đi xe riêng, lại khỏi phải tìm chỗ đậu mất thì giờ. Nào, chúng ta chuẩn bị đi cho kịp giờ hoàng đạo, bố nhé!

Từ nhà của chúng ta cách trung tâm Thủ Thiêm 2 cây số, nhưng đường xe điện ngầm đi qua rất tiện lợi.

Chúng tôi lên tàu, chỉ vài phút sau đã vượt qua sông Sài Gòn. Xuống trạm, chúng tôi leo lên theo những bậc thang bóng loáng, 30 giây sau đã hiện diện ở dốc cầu phía đường Tôn Đức Thắng. Cây cầu vượt sông Sài Gòn qua Thủ Thiêm này được xây vào những năm cuối của thế kỷ 20, khánh thành vào đúng đầu thế kỷ 21. Cầu dài trên 1000 mét, phía Sài Gòn bắt đầu ở giao lộ Lý Tự Trọng và Tôn Đức Thắng, ngay dưới đường cầu đi qua là đường xe điện ngầm. Cả hai công trình này được đầu tư rất lớn về tiền của lẫn kỹ thuật. Cây cầu sau khi hoàn thành đã nổi bật lên trước mặt thành phố, biến hẳn bộ mặt của con sông Sài Gòn. Giờ đây con sông không còn cảnh đen ngòm, rác rến trôi lênh bênh như xưa, mà thay vào đó là những tàu thuyền hiện đại, chạy qua chạy lại như mắc cửi, nhưng lúc nào cũng trật tự, đẹp mắt. Phía bên kia cầu là bờ sông Thủ Thiêm, đã không còn cảnh những dãy nhà lá lụp sụp của những năm cuối thế kỷ 20. Bây giờ, dọc theo sông là những tòa cao ốc mọc lên vút trời. Còn bên này cầu, chỗ xưởng Ba Son cũ, ngay doi đất nhô ra, đã mọc lên một nhà hát hiện đại bậc nhất Đông Nam Á, với mái vòm hình những chiếc nón lá, được xây dựng

theo mẫu thiết kế của một kiến trúc sư người Việt Nam, tốt nghiệp trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh.

Đứng ở đầu cầu bên này, nhìn suốt theo cầu sang bên kia, lòng tôi bồi hồi xúc động. Những gì mà những thế hệ trước tôi đã mơ ước, giờ đây đã trở thành hiện thực. Cây cầu vượt sông Sài Gòn sang Thủ Thiêm chẳng khác nào như một giấc mơ!

Con tôi đã chụp cả cuộn phim trên chiếc cầu “của thế kỷ 21” này. Sau đó, chúng tôi đi trở xuống đường hầm, theo lời đề nghị của tôi:

– Giờ này còn sớm, chúng ta hãy làm một vòng thành phố bằng xe điện ngầm, lúc quay về vẫn còn kịp để xem hát.

Tàu điện ngầm mà chúng tôi đang đi thuộc tuyến vòng quanh thành phố, chạy xuyên từ Thủ Thiêm, vượt qua sông Sài Gòn, theo đường Đinh Tiên Hoàng lên thẳng Phan Đăng Lưu, dọc theo Phan Đăng Lưu xuyên suốt Hoàng Văn Thụ, rồi Lý Thường Kiệt, sau đó thẳng đến cầu Phú Lâm; từ đó đánh một vòng vượt kinh Tàu Hủ, qua bên kia Quận 8 và vòng trở lại theo bến Hàm Tử về nhà ga chính đặt trước công viên Quách Thị

Trang. Một nhà ga tàu lớn nhất nhì châu Á! Ngoài ra, còn có những đường xe điện ngầm xuyên ngang dọc thành phố, ta muốn đi tuyến nào cứ theo bản đồ mà xuống và đón tàu khác để đến nơi. Theo tuyến xe này, cả nhà chúng tôi sẽ được đi một vòng thành phố, tuy ngầm dưới lòng đất, nhưng cũng hết sức thú vị, bởi ngồi trong toa xe có máy điều hòa nhiệt độ, ghế nệm êm ru, thì nội cái cảm giác đó thôi cũng đủ làm cho ta thích thú tuyệt vời.

Trên bản điện tử hiện ra dòng chữ mỗi lần xe chạy qua một trạm nào đó. Đứa con út của tôi thông báo:

– Mình đang đi ngang qua trường đua Phú Thọ.

Hai mươi phút sau, chúng tôi đã trở lại nhà ga chính trước cửa chợ Bến Thành. Xe chỉ dừng lại đúng 3 phút, rồi lại tiếp tục cuộc hành trình. Năm phút sau đã có mặt tại chân cầu mới, đường Tôn Đức Thắng. Từ đây chỉ cần đi bộ chưa đầy 1 phút đã tới nhà hát ca vũ kịch Sài Gòn. Đây là công trình đồ sộ nhất vào năm đầu của thế kỷ 21, tại thành phố Hồ Chí Minh. Rạp được xây dựng trên nền đất của xưởng sửa chữa tàu Ba Son cũ, nằm nhô ra sông trên một doi đất, thoát

trông chẳng khác nào nhà hát Opera của thành phố Sydney (Úc). Lối kiến trúc của nhà hát được xem là độc đáo nhất thế giới: ba tòa nhà khổng lồ với mái vòm hình ba chiếc nón lá (biểu trưng của Việt Nam) chụp xuống, tạo một hình ảnh sinh động, toát lên nét đặc thù dân tộc, đẹp và hoành tráng làm sao!

Đứa con út của tôi bấm máy ảnh lia lịa, nó bảo:

– Mấy đứa bạn của con ở nước ngoài cứ đòi xin những tấm ảnh chụp nhà hát này. Một đứa bạn ở Mỹ còn sánh biểu tượng nhà hát này ngang với tượng Nữ Thần Tự Do ở New York!

Buổi diễn hôm đó, chúng tôi đã được xem một chương trình độc nhất vô nhị: những màn ca vũ nhạc đặc sắc nhất của các nước thành viên của ASEAN. Hai giọng ca hàng đầu của Việt Nam vừa mới đoạt giải “giọng ca vàng châu Á” là ngôi sao của buổi diễn.

Buổi diễn chấm dứt lúc 12 giờ trưa. Chúng tôi đi xe điện ngầm trở lại trung tâm Thủ Thiêm. Theo lời đề nghị của bà xã tôi, cả nhà đi thang máy lên tầng thứ 100 của tòa nhà cao nhất Việt Nam – đồng thời cũng cao nhất Đông Nam Á – mới xây dựng xong hồi đầu thế

kỷ. Đây là trung tâm Thương mại và Dịch vụ của Thành phố, được xây dựng với sự hợp tác đầu tư của 12 nước trên thế giới, nhưng người vẽ thiết kế và đứng ra thực hiện việc xây dựng là một kiến trúc sư lừng danh của Việt Nam. Trên tầng thượng của tòa nhà là một nhà hàng ăn đẹp nhất, rộng rãi nhất thành phố, chung quanh toàn bằng kính, do đó khách ngồi ăn có thể ngắm nhìn quang cảnh bốn bên, tầm mắt phóng xa hàng trăm dặm, thấy được cả thành phố Vũng Tàu.

Đứa con trai của tôi chợt đề nghị:

– Hay là đi Vũng Tàu chơi, chiều về?

Bà xã tôi hưởng ứng ngay:

– Phải đó, mình đi Vũng Tàu bằng tàu cao tốc, chỉ mất chưa đầy 20 phút. Ra đó tắm biển, ngoạn cảnh, đến 6 giờ chiều lên tàu về, 6 giờ rưỡi đã có mặt ở nhà! Đi nhé, bố nó!

Trong nhà, tôi là phe thiểu số, cho nên bất cứ đề nghị nào có tính biểu quyết dân chủ thì y như rằng tôi thua. Do đó, cuộc đi chơi Vũng Tàu bằng tàu hỏa cao tốc coi như đã được thông qua. Mà nghĩ cũng phải, kể từ khi tuyến đường dành cho tàu hỏa siêu tốc Sài Gòn–

Vũng Tàu xây dựng xong, xem như giữa hai thành phố đã được rút ngắn lại. Tốc độ tàu chạy đạt 475 km/ giờ, nên một người có thể thoát ở đây, thoát ở kia, giống như từ Sài Gòn đi ga Bình Tiệu!

Ăn xong, lúc ngồi uống trà, tôi chỉ tay về hướng xa lộ Hà Nội, bảo cả nhà:

– Đi Vũng Tàu, lúc về chúng ta sẽ ghé lại xem công trình xây dựng khu Vietnamland đã bắt đầu khởi công. Đây là một khu giải trí giống như Disneyland ở Mỹ, hợp tác giữa công ty Disney và Việt Nam, nó sẽ lớn và độc đáo hơn khu giải trí hiện có ở Singapore.

Một đứa con tôi hỏi:

– Chùng nào thì khu Vietnamland xây xong, bố? Và tại sao người ta không dựng nó ở gần trung tâm thành phố một chút, lại đưa ra tận Thủ Đức?

Tôi giải thích theo những gì đã biết qua tin tức báo chí:

– Nghe nói trong vòng 5 năm thì xong. Như vậy có lẽ Vietnamland sẽ khánh thành vào năm 2020. Còn tại sao xây ở Thủ Đức? Con không nhớ là hiện nay

thành phố chúng ta đang đô thị hóa rộng dần về hướng Đông đó sao? Đến năm 2015 thì trung tâm thành phố không còn ở chợ Bến Thành, quận 1 nữa, mà là Bắc Thủ Thiêm, hướng về xa lộ Hà Nội. Như vậy, khu Vietnamland trong tương lai sẽ ở gần sát nách trung tâm thôi.

Nhấp chén trà sen đầu xuân, hưởng ngọn gió xuân trong lành ở độ cao ngót 400 mét, lòng tôi càng rộn ràng hơn khi nhìn chung quanh.

Thành phố cuối thế kỷ 20 con đầy những khu nhà ổ chuột, những khu nước đen lượn lờ... Vậy mà giờ đây đã công nghiệp hóa trăm phần trăm, đã hiện đại hóa vượt lên ngang tầm với những nước tiên tiến. Không thần kỳ sao được, khi chỉ trong một thời gian ngắn sau khi thống nhất nước nhà (30 năm thì có là bao so với sự phát triển) mà đã diễn ra một điều ngoạn mục. Đất nước tôi, thành phố tôi vào xuân năm 2005 như ngày xưa (năm 1995) chúng tôi từng mơ, khi nghĩ về một Singapore hay Tokyo...

Tôi bảo các con mình:

– Thành phố này thuộc về thế hệ của các con.

GIAI THOẠI VỀ CÁC TỶ PHÚ SÀI GÒN XƯA

Hãy giữ lấy mọi điều tốt đẹp này, làm cho nó càng lúc càng kỳ diệu hơn...

SÀI GÒN CUỐI THẾ KỶ XXI

Mùa Xuân năm 2091...

Có hai người khách trẻ, một nam một nữ có tuổi đời chưa quá hai mươi, ngõ ngang bước xuống sân bay quốc tế Long Bình... Hình như đây là lần đầu tiên họ đặt chân đến mảnh đất này. Chàng trai quay sang cô gái ngây ngô hỏi:

– Đây có phải là Việt Nam chưa?

Cô gái chùng như là chị, gật đầu đáp:

– Việt Nam là đây, chứ em nghĩ nó ở đâu nữa?
Sân bay này gọi là... Tân... Sơn... gì đó?

Một vị khách đứng tuổi, đứng phía sau vội chen

GIAI THOẠI VỀ CÁC TỶ PHÚ SÀI GÒN XƯA

vào:

– Đây không phải là sân bay Tân Sơn Nhất, mà là Long Bình. Sân bay Tân Sơn Nhất là thời xa xưa, khoảng năm 2025 thì không còn nữa, thay thế nó là sân bay Long Bình này. Từ đây về Sài Gòn khoảng 35km.

Cô gái có vẻ ngạc nhiên:

– Trước khi về đây, cháu nghe nhắc tới, ở Sài Gòn có sân bay Tân Sơn Nhất, cháu tưởng...

– Đó là chuyện thời xưa, hồi thế kỷ trước. Thế ra từ nào tới giờ các cháu chưa trở về đây?

– Dạ, tụi cháu sinh ra và lớn lên ở nước Mỹ. Ông cố cháu ngày xưa, nghe nói đã sống ở Sài Gòn, ông di cư sang Mỹ từ những thập niên cuối thế kỷ 20 và định cư ở đó luôn. Ông nội cháu có trở về Việt Nam vào những năm đầu thập niên 20 của thế kỷ 21, sau đó bố cháu cũng có đi lại vài lần vào những năm của thập niên 70...

Vị khách lớn tuổi nhìn kỹ hai người rất trẻ, ông gật đầu:

– Hai cháu đã hầu như chưa hề biết gì về Việt Nam, đã có cuộc sống hoàn toàn ở nước ngoài, vậy mà vẫn còn giữ được cái nét rất Việt Nam, đặc biệt là vẫn còn nhớ tiếng mẹ đẻ của mình. Giỏi, giỏi lắm!

Ông bắt tay hai người bạn trẻ, rồi lặng lẽ bước đi, hình như khá hài lòng... Chàng trai trách cô chị:

– Chị không nhờ ông ấy hướng dẫn dùm cách đi về thành phố?

Cô chị định chạy theo hỏi, bỗng có ai đó lên tiếng:

– Cô cậu định tới thành phố nào?

– Dạ, thành phố Hồ Chí Minh. Bà cũng ở đó?

Người phụ nữ trung niên gương mặt nhìn hai vị khách, mấy giây sau bà mới nhẹ giọng nói:

– Thành phố Hồ Chí Minh là ở đây rồi, còn tìm ở đâu nữa.

Chàng trai tò mò:

– Sao ông vừa rồi nói phi trường nầy cách Sài Gòn 35km?

– Đó là Sài Gòn cũ, Sài Gòn của thế kỷ 20. Còn bây giờ đã mở rộng ra tới đây. Hai chị em ở xa về?

GIAI THOẠI VỀ CÁC TỶ PHÚ SÀI GÒN XUA

–Dạ, tụi cháu mới tới lần đầu. Nhờ cô...

Người phụ nữ đưa tay chỉ về dãy xe đậu nối đuôi:

–Các em có thể lên bất cứ xe taxi nào và yêu cầu họ đưa đi, theo ý mình. Còn không thì tới chỗ kia, là nhà ga xe điện ngầm, các em chỉ cần leo lên tuyến nào mình muốn, có bảng chỉ dẫn, tức khắc xe sẽ đưa đến. TP.HCM bây giờ có 20 tuyến xe điện ngầm, chạy hầu như khắp thành phố, để phục vụ cho 20 triệu dân sinh sống.

Phương và Nam (tên đôi thanh niên) theo lời chỉ dẫn, họ leo lên xe điện ngầm, đi về trung tâm thành phố. Nam hỏi chị:

–Mình ngụ ở khách sạn hay ở đâu?

Phương móc ra tờ giấy nhỏ, có ghi địa chỉ:

–Bố nói, ở Sài Gòn, bố có một người quen, đó là ông Tư Bến Nghé, nghe nói là bạn của ông nội mình. Tuy đã già, nhưng hy vọng ông vẫn còn sống. Bây giờ chúng ta tìm tới đó, nếu tiện thì mình nhờ ông chỉ dẫn cho...

Rời xe điện ngầm ở một trạm trung tâm, khi bước

ra ngoài, hai chị em đón một chiếc taxi. Người tài xế lịch sự hỏi:

– Cô cậu đi về khu vực tên chữ hay tên số?

Phương không hiểu:

– Tên chữ, tên số là sao?

Người tài xế giải thích:

– Thành phố Hồ Chí Minh hay quen gọi là Sài Gòn, bây giờ quá rộng, nên chia ra hai khu vực, khu cổ thành và khu mới phát triển. Bên khu cổ thì vẫn giữ nguyên tên đường theo tên các danh nhân, các địa danh, còn bên thành phố mới, thì vì quá nhiều đường, nên người ta đặt tên phố theo thứ tự, thí dụ như đại lộ số 1, đường số 2 v.v...

Phương thú thật:

– Nói thật với chú, tụi cháu sống ở nước ngoài, lần đầu tiên về đây chơi, nên không rành. Chú làm ơn xem giúp cho địa chỉ này thuộc khu vực nào?

Nhìn qua tờ giấy ghi địa chỉ, người tài xế cười nói:

– Cũng may tôi là tài xế, nhớ rõ mọi nơi, nên mới

có thể chỉ cho cô địa chỉ này, chứ người trẻ bây giờ thì không thể nào nhớ nổi. Bởi, đây là tên cũ, đã cách đây hơn 50 năm rồi. Nó thuộc về khu phố cổ, nhưng giờ đây đã thay đổi hầu hết, với một tên mới.

Nhờ có người tài xế tốt bụng và rành đường, nên cuối cùng chị em Phương đã tìm được địa chỉ của ông Tư Bến Nghé. Ông già lúc đầu hơi ngỡ ngàng, nhưng sau một lúc lục lại trí nhớ, đã nhớ ra, ông reo lên:

– Tụi bây là cháu nội của Hai Cali. Bố tụi bay, để tao nhớ xem nào... phải rồi, thằng ấy năm nay cũng đã 60 tuổi, phải không?

Phương gật đầu:

– Dạ ba cháu 59 tuổi, sanh năm 2042.

– Đúng rồi, nó bằng tuổi với thằng con lớn của ông, thằng Phi Thuyền Không Gian.

Nam ngạc nhiên hỏi:

– Tên gì lạ vậy ông?

Ông lão cười, vỗ vai Nam:

– Cháu nghe lạ cũng phải. Nguyên do là vậy, năm đó, 2042 là năm đánh dấu lịch sử, ngày Việt Nam mình

phóng chiếc phi thuyền đầu tiên lên sao Hỏa, cho nên ông lấy tên Phi Thuyền Không Gian đặt tên con, để kỷ niệm, 59 năm qua rồi... Ông chép miệng nói thêm:

–Giờ đây ông đã 91 tuổi rồi...Lẹ thật.

Nam tình nghịch:

–N như vậy, ông sinh đúng vào năm đầu của thế kỷ 21?

–Đúng vậy. Mẹ ta có mang ta vào những tháng cuối của năm 1999, đẻ rồi cho ta ra đời vào giữa năm 2000, bởi vậy ta còn được gọi là ông Hai Thế Kỷ. Còn biệt danh Tư Bến Nghé là do ngày ta sinh ra được đánh dấu bằng lễ khánh thành cầu bắc ngang sông Sài Gòn nối với Thủ Thiêm, bố ta sợ từ đó cái địa danh Bến Nghé ở bến Bạch Đằng sẽ không còn nữa, nên mới đặt tên ta là Bến Nghé.

Nhìn hai đứa trẻ, ông gật gù:

–Tụi bây đã “lưu vong” từ hơn 100 năm trước. Lúc đó ông cố của tụi bây đi theo diện đoàn tụ gia đình, rồi sinh ông nội bây bên California, nên tao quen gọi là Hai Cali. Còn tao vẫn bám trụ quê hương mình,

GIAI THOẠI VỀ CÁC TỶ PHÚ SÀI GÒN XƯA

suốt từ đó đến nay, cả con cháu tao cũng thế, chúng chỉ đi du học, rồi lại về, và hiện giờ đang là chủ của thành phố này?

Phương ngạc nhiên:

– Các bác, các chú đó làm thị trưởng hay thống đốc?

Ông Tư Bến Nghé cười:

– Nó không làm những chức vụ đó. Ông nói chủ ở đây có nghĩa là, mỗi đứa con ông đều là “chủ” những công trình lớn nhất thành phố này. Thằng con lớn của ông, tức thằng Phi Thuyền Không Gian, thì hiện là Viện trưởng Viện Vật lý, trụ sở đặt tại phía Đông thành phố này, nó là tác giả của chiếc phi thuyền không gian đầu tiên của nước ta phóng lên sao Hỏa đó! Còn thằng cháu nội của ông, năm nay 39 tuổi, là kiến trúc sư trưởng, đứng ra xây dựng tòa cao ốc 141 tầng, ở phía Bắc thành phố. Đứa con gái kế thì làm Giám đốc công ty xe điện ngầm, đồng thời là người thiết kế toàn bộ công trình đường xe điện ngầm, đường xe lửa cao tốc cho thành phố. Thằng chồng nó thì làm Giám đốc Ngân hàng số 1 ở Sài Gòn này...

– Con nghe nói thành phố Sài Gòn bây giờ đã có 20 triệu dân?

– Đó là thống kê hồi đầu năm trước, chứ bây giờ đã lên tới 22 hay 23 triệu rồi. Sài Gòn đã mở rộng ra tận Long Bình, phía tây xuống đến gần Long An, với 50 quận, huyện, vậy mà cũng sắp chật chội đến nơi rồi.

Hứng thú khi nhớ lại chuyện xưa, ông Tư lấy ra những hình ảnh cũ, giấy tờ cũ, đưa cho chị em Phương xem, vừa bảo:

– Sài Gòn cách đây hơn một thế kỷ còn đơn sơ lắm. Hồi đó, khi mới có một tòa cao ốc 30 tầng, đã làm cho nhiều người sững sờ. Chẳng bù với ngày nay, đã có đến hơn 40 tòa nhà cao 80 tầng, 3 tòa cao 100 tầng và tòa nhà 141 tầng vừa mới khánh thành với chiếc tháp antenne truyền hình dựng trên nóc. Còn xe cộ lưu thông, đây các cháu xem, ngày trước chủ yếu là xe Honda 2 bánh, xe xích lô, xe đạp... Còn ngày nay, hầu như không còn thấy bóng các loại phương tiện đó nữa. Thay vào đó là xe hơi, xe điện ngầm, xe buýt chạy bằng điện không gây ô nhiễm môi trường. Thành phố

GIAI THOẠI VỀ CÁC TÝ PHÚ SÀI GÒN XƯA

mới phát triển với đường phố rộng gấp 4 lần ngày xưa, sạch đẹp thuộc hàng đầu châu Á. Người dân bây giờ không một ai ra đường mà không mang giày, áo quần tề chỉnh. Cũng không còn hình ảnh các quán cóc, các quán nhậu vỉa hè, bởi người thành phố ngày nay sống theo nếp sống công nghiệp, ai cũng có việc làm ổn định, có đời sống cao, nên họ bỏ hẳn thói quen hay la cà, ăn nhậu như hồi thế kỷ 20.

Đặc biệt hơn hết là, Sài Gòn bây giờ không hề có các khu nhà ổ chuột như trước kia, và còn hơn nước Mỹ nữa. Người Việt Nam tự hào là nước duy nhất có một thành phố ngăn nắp, sạch đẹp và không còn tệ nạn xã hội. Những người ăn xin, vô gia cư hồi thế kỷ trước, không còn nữa, con cháu trong gia phả của họ, giờ đã là ông kỹ sư, bà bác sĩ này nọ hết cả rồi...

Phuong, Nam đều chép miệng:

– Không ngờ đất nước mình tiến bộ nhanh đến như vậy.

Ông Tư đáp:

– Cũng không dễ dàng đâu các cháu. Ông cha ta đã đổ nhiều xương máu mới dành được độc lập cho xứ

sở hồi thế kỷ 20, sau đó các thế hệ tiếp nối đã ra sức học tập, xây dựng, để có thành quả ngày hôm nay.

– Trở thành một cường quốc nguyên tử, một trong 20 nước chinh phục được không gian, phải kể là chuyện thần kỳ! Trong lúc đó vẫn có nhiều nước hồi 100 trước ngang bằng với Việt Nam, vậy mà hiện giờ họ vẫn chưa có gì thay đổi mấy...Các cháu lâu nay ở nước ngoài, ít liên lạc với trong nước, nên không rõ lắm, nhưng cũng nghe người ta nói nhiều. Họ cho rằng Việt Nam mình bây giờ là “con rồng lớn” đứng đầu trong những con rồng châu Á, vượt qua cả Hàn Quốc, Đài Loan v.v.. Thế hệ hậu bối tụi cháu thấy vô cùng hãnh diện về đất nước mình. Do đó mới làm chuyến về quê hương lần này. Ông nghĩ, tụi cháu có thể đóng góp gì được cho thành phố?

Ông Tư reo lên:

– Sao lại không! Lớn như nước Mỹ mà họ còn đi mua chất xám ở các nơi, huống gì mình đang trên đà phát triển, nên rất cần mọi nguồn nhân lực, trong mọi lãnh vực.

Bữa cơm chiều hôm đó hai chị em Phương, Nam

GIAI THOẠI VỀ CÁC TỶ PHÚ SÀI GÒN XƯA

hết sức thú vị, khi ăn một thứ gạo thơm mà họ cho là ngon nhất từ trước đến giờ. Phương hỏi:

–Gạo vẫn do miền Tây gởi đó cung cấp phải không ông?

–Người ta gọi là vùng đồng bằng sông Cửu Long. Qua nhiều thế kỷ, nó vẫn là vựa lúa cả nước, nhưng ngày nay không còn làm thủ công như trước kia nữa, mà tất cả đều bằng cơ giới. Diện tích đất đai gieo trồng bớt đi nhiều, nhưng năng suất thì gấp mười lần hơn. Nông dân giờ đây ai cũng cất nhà lầu, nhà biệt thự, có máy cày, máy xới, xe hơi riêng, tàu thủy riêng. 100 phần trăm nông dân đều có điện thoại riêng trong nhà. Mỗi tỉnh đồng bằng bây giờ ít nhất cũng có một trường đại học, đường nhựa gần như phủ kín các vùng hẻo lánh ngày xưa, như Đồng Tháp Mười, Uđ. Minh...

Ông đưa cho chị em Phương một cuốn báo ảnh:

–Các cháu nhìn trong hình, sẽ thấy ảnh chuyến tàu cao tốc chạy từ Sài Gòn đi các tỉnh miền Tây. Từ đây đi Cà Mau chỉ mất một giờ!

Qua ngày hôm sau, do đề nghị của chị em Phương, ông Tư đã ngồi xe hơi riêng, đưa họ đi thăm một vòng

thành phố. Nam tò mò hỏi:

– Đọc trong sách báo cũ, cũng như ông nội con kể, thì ở Sài Gòn ngày xưa, có những khu giải trí như Sở Thú, Vườn Tao Đàn, Đầm Sen, Kỳ Hòa, bây giờ còn không ông?

– Sở thú thì dời ra Thủ Đức, mở rộng lớn hơn gấp 20 lần. Kỳ Hòa thì biến thành một công viên cây xanh, mở rộng cửa cho mọi người vào, khỏi mất tiền mua vé. Còn Đầm Sen thì được xây dựng thành một công viên treo 5 tầng, độc nhất vô nhị trên thế giới!

– Công viên treo? Có phải như dạng vườn treo ‘*Babylone*’ trong cổ tích.

– Hiện đại và đẹp hơn nhiều. Đây cũng là công trình của thằng cháu ngoại của ông. Nó phát minh ra được một cách trồng cây trên cao, không cần phân, không cần tưới nước, mà vẫn sống. Hoa nở kéo dài 3 tháng mới tàn, hương thơm thì vẫn tỏa đi cả vài cây số.

Phương hỏi:

– Trung tâm thành phố bây giờ ở đâu vậy ông?

GIAI THOẠI VỀ CÁC TỶ PHÚ SÀI GÒN XUA

– Chắc các cháu đã từng nghe cha mẹ và ông bà kể về khu vực gọi là trung tâm của Sài Gòn ngày trước, gồm các đường phố của quận I, quận 3... Ngày nay, những nơi đó chỉ còn là dấu tích của một thành phố cổ, có tính cách lịch sử, du lịch. Còn trung tâm thì ở bên kia cầu Thủ Thiêm, chạy dài về phía sân bay quốc tế Long Bình. Thành phố mới rộng, sạch, đẹp và hiện đại, được xếp hàng thứ 5 trên thế giới, hơn hẳn ToKyo của Nhật Bản! Đấy, ngay trước mặt các cháu đó, có tòa nhà 100 tầng, là khu triển lãm các di tích Sài Gòn cổ, gọi là “di tích 400 năm của Sài Gòn”. Tòa nhà này nguyên hồi thế kỷ 20 là nhà hát lớn thành phố, được cải tạo vào năm 2020.

– Con đường này đẹp quá, cổ kính quá, hử ông!

– Đây là đường mà hồi thế kỷ 20 có tên là Đồng Khởi, là con phố sang trọng nhất thời ấy. Bây giờ nó là phố dành riêng để buôn bán hàng tơ lụa, thổ cẩm và thủ công mỹ nghệ của Sài Gòn. Du khách khi tới thăm “cổ thành” của Sài Gòn đều thích tới đây để mua sắm.

Họ vượt qua cầu Thủ Thiêm, tới khu trung tâm mới của Sài Gòn. Nam kêu lên:

– Đẹp và hiện đại không thua gì New York!

Quả thật vậy, cả một thành phố hiện đại bậc nhất hiện ra trước mắt họ. Những tòa nhà chọc trời, những đường phố rộng thênh thang, xe cộ lưu thông như mắc cửi, mà vẫn luôn trật tự và yên tĩnh...

Khi chạy vòng qua hướng Bắc, đến một đại lộ rộng, tráng lệ, ông Tư hãnh diện nói:

– Đây là đại lộ Hồ Chí Minh, chạy xuyên qua thành phố, dài 60km, được xem như đại lộ dài và đẹp nhất trên thế giới. Các cháu xem có đúng như vậy không?

Phương gật đầu:

– Đẹp gấp mấy lần đại lộ Hoàng Hôn của Mỹ, đặc biệt là sạch như gương.

Xe đang chạy, chợt tài xế dừng lại bên một chiếc xách tay của ai đó rơi giữa đường. Anh ta xuống xe, nhặt nó lên và đem bỏ vào một thùng có nắp đậy. Ông Tư giải thích:

– Đó là của rơi. Ở thành phố này có lệ, hễ có ai thấy của rơi đều phải nhặt và bỏ vào thùng “trữ của rơi” đặt hai bên đường. Người mất của sẽ tìm đến lấy, mà không sợ mất, bởi người dân thành phố này không hề lấy bất cứ vật gì không phải của mình.

Chị em Phương, Nam nghe mà tưởng chừng như đang sống ở một cõi thiên đường nào đó... Khi xe quay trở về nhà, ông Tư già bảo:

– Bữa nay bao nhiêu đó đủ rồi. Để ngày mai ông cháu mình sẽ đi tiếp, Sài Gòn còn nhiều sự đổi thay kỳ diệu lắm, mà có tận mắt chứng kiến mới tin là thật...

Nam tỏ ra tiếc rẻ về cuộc đi dạo quá ngắn. Cậu quay sang nói nhỏ vào tai chị mình:

– Em đã quyết định rồi, năm tới ra trường, em sẽ về đây làm việc. Em nghĩ, ngành năng lượng hạt nhân của em sẽ đặc dụng ở xứ mình.

– Phải, xứ mình...

Phương siết chặt tay em trong tay mình. Cô đang hình dung ra, rồi ít lâu nữa cả gia đình cô sẽ trở về quê hương sinh sống, làm việc... Cô nói thêm:

– Việc xa Sài Gòn của bố mẹ mình thật là lăm lăm...

Một ngày cuối thế kỷ 20.

Mơ về những ngày của thế kỷ 21...

GIAI THOẠI VỀ CÁC TỶ PHÚ SÀI GÒN XUA

Thursday, April 13, 2017

-HUYỀN THOẠI CHÚ HỎA.....SD.....	5
-CHÚ HỖY-“ÔNG VUA” TÀU THỦY.....	10
-THÔNG HIỆP QUÁCH ĐÀM-ÔNG CHỦ CHỢ BÌNH TÂY	15
- NHÀ TỶ PHÚ “LUƠNG SƠN BẠC”	20
-VỤ “ĐỐT TIỀN” CỦA CÔNG TỬ BẠC LIÊU	25
-BẠCH CÔNG TỬ-TỶ PHÚ ĐỐT TIỀN	30
-TRƯƠNG VĂN BỀN VÀ XÀ BÔNG CÔ BA	36
-TJA MA YENG-NHÀ KINH TẾ TRONG BÓNG TỐI	41
-TÂY LÀM GIÀU Ở XỨ TA.....	46
-LÀM GIÀU TỪ “ĐẠI THẾ GIỚI”	50
-NHÀ TỶ PHÚ RỬA CHÉN.....	56
-NGUYỄN TẤN ĐỜI VÀ VỤ SỤP ĐỔ THẦN TÀI TÍN NGHĨA.....	63
-THỢ SỬA XE ĐẠP TRỞ THÀNH CHỦ RẠP HÁT.....	67
-LÝ LONG THÂN VÀ CON SỐT CHIM CÚT.....	72
-TỨ ĐẠI MỸ NHÂN SÀI GÒN	76
-TRÙM TÀI PHIỆT ĐỎ ĐEN SÁU NGỌ.....	85
-TỨ ĐẠI PHÚ GIA SÀI GÒN	91
-NHỮNG CUỘC PHIÊU LƯU TÌNH ÁI CỦA HẮC CÔNG TỬ VÀ BẠCH CÔNG TỬ	100
ĐẠI THẾ GIỚI-TỪ THIÊN ĐÀNG ĐẾN ĐỊA NGỤC.....	110
-TỶ PHÚ NGÀNH IN	121
-DÂN NHÀ GIÀU SÀI GÒN XUA CHƠI XE	126
* PHẦN PHỤ LỤC	
-HẢO HÁN SÀI GÒN, DÂN CHƠI BẾN NGHÉ.....	132
-HỒN MA CON GÁI CHÚ HỎA.....	143
-GIẤC MƠ SÀI GÒN CÔNG NGHIỆP HÓA	151
-SÀI GÒN CUỐI THẾ KỶ XXI	163